

**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
– ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO DỤC TIỂU HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: 2015 - 2019)**

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Đà Nẵng, tháng 11 năm 2020

Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Vinh đã được các thành viên trong Đoàn Đánh giá ngoài cùng soạn thảo, trao đổi và thống nhất. Các thành viên của Đoàn Đánh giá ngoài cam kết những đánh giá, nhận định, kết luận trong báo cáo là khách quan, trung thực, công bằng, độc lập và dựa trên minh chứng.

Mọi thông tin trong Báo cáo được bảo vệ theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép, công bố bất cứ nội dung nào của Báo cáo này trái với các quy định liên quan trong pháp luật hiện hành.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Nhiệm vụ được giao
1	GS.TS. Trần Văn Nam	Nguyên Giám đốc Đại học Đà Nẵng	Trưởng đoàn
2	PGS.TS. Lê Văn Anh	Nguyên Phó Giám đốc Đại học Huế	Thư ký
3	TS. Dương Mộng Hà	Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu & Đào tạo Việt Anh, Đại học Đà Nẵng	Thành viên Thường trực
4	TS. Trần Quang Hải	Nguyên Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng	Thành viên
5	ThS. Lê Hoàng Vũ	Trung tâm Quản lý chất lượng, Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP Hồ Chí Minh	Thành viên
6	ThS. Nguyễn Thị Khánh Linh	Phó Trưởng phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng, Trường Đại học Quy Nhơn	Thành viên
7	ThS. Huỳnh Ngọc Thành	Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ, Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng	Giám sát viên

DANH SÁCH QUAN SÁT VIÊN

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác
1	Trịnh Thế Anh	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng
2	Trần Thị Hà Vân	Đại học Đà Nẵng
3	Đỗ Đoan Trang	Trường Đại học Bình Dương
4	Phạm Duy Dương	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật – Đại học Đà Nẵng
5	Trương Phúc Vinh	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long

MỤC LỤC

<u>PHẦN I. TỔNG QUAN</u>	1
1. <u>Giới thiệu chung</u>	1
2. <u>Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài</u>	2
3. <u>Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài</u>	4
<u>PHẦN II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN</u>	16
<u>Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</u>	16
<u>Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo</u>	Error! Bookmark not defined.
<u>Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học</u>	Error! Bookmark not defined.
<u>Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học</u>	Error! Bookmark not defined.
<u>Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học</u>	Error! Bookmark not defined.
<u>Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên</u>	45
<u>Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên</u>	54
<u>Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học</u>	62
<u>Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị</u>	70
<u>Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng</u>	80
<u>Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra</u>	94
<u>BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI</u>	106
<u>PHẦN PHỤ LỤC</u>	109
<u>Phụ lục A. Giới thiệu tóm tắt về Trường ĐH Vinh, Khoa Giáo dục và CTĐT ngành GDTH</u>	109
<u>Phụ lục B. Tóm tắt kết quả tự đánh giá CTĐT</u>	112
<u>Phụ lục C Quyết định thành lập đoàn giá ngoài và Quyết định thành lập đoàn quan sát viên</u>	116
<u>Phụ lục D. Lịch trình khảo sát chính thức của Đoàn ĐGN</u>	123
<u>Phụ lục Đ. Văn bản phản hồi của Trường ĐH Vinh về Dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài</u>	128
<u>Phụ lục E. Văn bản phản hồi của Đoàn Đánh giá ngoài</u>	129

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT NGUYÊN
1.	AUN-QA	ASEAN University Network - Quality Assurance
2.	BCH	Ban chấp hành
3.	CB	Cán bộ
4.	CBGV, NV	Cán bộ giảng viên, nhân viên
5.	CBQL	Cán bộ quản lý
6.	CĐR	Chuẩn đầu ra
7.	CLB	Câu lạc bộ
8.	CNTT	Công nghệ thông tin
9.	CSGD	Cơ sở giáo dục
10.	CSVC	Cơ sở vật chất
11.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
12.	CTDH	Chương trình dạy học
13.	CTĐT	Chương trình đào tạo
14.	CTCT&SV	Công tác Chính trị và Sinh viên
15.	CVHT	Cổ vấn học tập
16.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
17.	ĐCCT	Đề cương chi tiết
18.	ĐGN	Đánh giá ngoài
19.	ĐH	Đại học
20.	ĐT	Đào tạo
21.	GDĐH	Giáo dục đại học
22.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
23.	GĐ	Giám đốc
24.	GS	Giáo sư
25.	GV	Giảng viên
26.	HP	Học phần
27.	HTDN	Hợp tác doanh nghiệp
28.	HTQT	Hợp tác quốc tế
29.	KĐCL	Kiểm định chất lượng

30.	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
31.	KHCL	Kế hoạch chiến lược
32.	KHCN	Khoa học công nghệ
33.	KH&CN	Khoa học và công nghệ
34.	KHXXH&NV	Khoa học Xã hội và Nhân văn
35.	KPI _s	Key Performace Indicator (chỉ số đánh giá năng lực thực hiện công việc)
36.	KQHT	Kết quả học tập
37.	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
38.	KT&ĐBCL	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
39.	KTX	Ký túc xá
40.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
41.	NCV	Nghiên cứu viên
42.	NTD	Nhà tuyển dụng
43.	NV	Nhân viên
44.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
45.	PGS	Phó Giáo sư
46.	PPDH	Phương pháp dạy học
47.	PVCD	Phục vụ cộng đồng
48.	QLCL	Quản lý chất lượng
49.	QLĐT	Quản lý đào tạo
50.	QLKH&HTQT	Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
51.	SM	Sứ mạng
52.	SP	Sư phạm
53.	SV	Sinh viên
54.	TC-CB	Tổ chức-Cán bộ
55.	TĐG	Tự đánh giá
56.	ThS	Thạc sĩ
57.	THPT	Trung học phổ thông
58.	TLGD	Triết lý giáo dục
59.	TN	Tầm nhìn

60.	TS	Tiến sĩ
61.	TSKH	Tiến sĩ khoa học
62.	TTTT	Thông tin tư liệu
63.	TW	Trung ương
64.	UBND	Ủy ban Nhân dân

PHẦN I. TỔNG QUAN

Giới thiệu chung

Đoàn đánh giá ngoài (ĐGN) (sau đây gọi là Đoàn) chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Giáo dục Tiểu học (GDTH) Trường Đại học (ĐH) Vinh (sau đây gọi là Nhà trường/Trường) được thành lập theo Quyết định số 28/QĐ-CEA.UD ngày 26 tháng 2 năm 2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Đoàn đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Vinh và Quyết định số 159/QQĐ-CEA.UD ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng về việc điều chỉnh danh sách Đoàn đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Vinh. Đoàn gồm 07 thành viên, trong đó có 06 chuyên gia đánh giá ngoài và 01 cán bộ giám sát của Trung tâm, cụ thể:

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Nhiệm vụ được giao
1	GS.TS. Trần Văn Nam	Nguyên Giám đốc ĐH Đà Nẵng	Trưởng đoàn
2	PGS.TS. Lê Văn Anh	Nguyên Phó Giám đốc ĐH Huế	Thư ký
3	TS. Dương Mộng Hà	Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu & Đào tạo Việt Anh Đại học Đà Nẵng	Ủy viên Thường trực
4	TS. Trần Quang Hải	Nguyên Phó Hiệu trưởng, Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	Ủy viên
5	ThS. Lê Hoàng Vũ	Trung tâm Quản lý chất lượng, Trường ĐH Công nghiệp Thực phẩm TP Hồ Chí Minh	Ủy viên
6	ThS. Nguyễn Thị Khánh Linh	Phó Trưởng phòng KT & ĐBCL Đại học Quy Nhơn	Ủy viên
7	ThS. Huỳnh Ngọc Thành	Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ, Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng	Giám sát viên

Bản Báo cáo ĐGN khái quát quá trình triển khai ĐGN, công cụ và phương pháp đánh giá, các kết quả đạt được và những kiến nghị cải tiến chất lượng đối với CTĐT ngành GDTH của Nhà trường. Phần giới thiệu tóm tắt về Nhà trường, Khoa Giáo dục và CTĐT ngành GDTH của Nhà trường được trình bày trong Phụ lục A. Tổng hợp kết quả tự đánh giá trong Phụ lục B. Quyết định thành lập Đoàn ĐGN, Đoàn quan sát viên trong Phụ lục C. Lịch trình ĐGN trong Phụ lục D. Công văn phản hồi của CSGD về dự thảo báo cáo ĐGN trong Phụ lục Đ. Văn bản của Đoàn ĐGN gửi CSGD trong Phụ lục E.

Các nhận định, kết luận, đánh giá trong Báo cáo ĐGN này căn cứ trên các thông tin, minh chứng và dữ liệu Nhà trường cung cấp tính đến thời điểm 30/9/2020.

Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài

Đoàn ĐGN triển khai hoạt động ĐGN CTĐT ngành GDTH của Trường ĐH Vinh theo các nội dung quy định tại Công văn số 1076/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

Công cụ đánh giá Đoàn ĐGN đã sử dụng là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT được Bộ GD&ĐT ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 với 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí; mức đánh giá cho mỗi tiêu chí theo thang đánh giá 7 mức (tương ứng với 7 điểm). Giai đoạn đánh giá là 2015-2019.

Các phương pháp đánh giá đã được Đoàn sử dụng bao gồm: i) Nghiên cứu Hồ sơ TĐG CTĐT ngành GDTH do Nhà trường và Trung tâm cung cấp để xác định những vấn đề cần làm rõ trong Báo cáo TĐG CTĐT ngành GDTH của Nhà trường, đối chiếu với các yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTH; ii) Nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ, minh chứng tại thực địa để đánh giá độ tin cậy và tính xác thực của các thông tin Nhà trường đã thể hiện trong Báo cáo TĐG CTĐT ngành GDTH; iii) Khảo sát, điều tra tại chỗ để xác thực tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp và lấy ý kiến đánh giá, góp ý cho Nhà trường từ các bên liên quan; iv) Phỏng vấn, thảo luận với các đối tượng liên quan; quan sát, kiểm tra CSVC, trang thiết bị và các hoạt động trong Nhà trường để xác thực các thông tin và nhận định, đánh giá về thực trạng CTĐT ngành GDTH của Nhà trường; v) Đối sánh thực trạng CTĐT ngành GDTH của Nhà trường với mốc chuẩn tham chiếu tối thiểu được quy định trong Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo công văn 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng để đánh giá điểm số của tiêu chí.

Đoàn đã triển khai đánh giá theo các bước cụ thể như sau:

- Nghiên cứu Hồ sơ TĐG CTĐT ngành GDTH: Từ tháng 10/2019: Trưởng đoàn, Thư ký, Thành viên của Đoàn và Trung tâm đã trao đổi, thống nhất dự kiến kế hoạch công tác của đoàn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Trưởng đoàn và thư ký đoàn ĐGN dự thảo kế hoạch đánh giá ngoài, thảo luận với các thành viên và phân công nhiệm vụ cho các thành viên đoàn ĐGN. Các thành viên Đoàn đọc và rà soát toàn bộ cấu trúc của bản báo cáo TĐG và nghiên cứu các tài liệu liên quan, nghiên cứu kỹ nội dung báo cáo liên quan tới các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công, viết nhận xét báo cáo tự đánh giá CTĐT. Đoàn đã thảo luận, thống nhất về các vấn đề đã rõ/chưa rõ khi nghiên cứu hồ sơ TĐG; trao đổi, thống nhất về các nội dung, các tài

liệu, minh chứng yêu cầu Nhà trường bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra; các đối tượng và thành phần cần phỏng vấn; công tác hậu cần để Nhà trường, Trung tâm và Đoàn cần chuẩn bị. Đồng thời, Trưởng đoàn, Thư ký, Thành viên của Đoàn thống nhất nội dung làm việc trong đợt khảo sát sơ bộ và dự thảo kế hoạch khảo sát chính thức;

- Khảo sát sơ bộ: Ngày 24/6/2020, Trưởng đoàn, Thư ký, đại diện Thành viên của Đoàn và Giám sát viên tiến hành khảo sát sơ bộ CTĐT ngành GDTH Trường ĐH Vinh. Đoàn đã làm việc với Chủ tịch Hội đồng trường, Lãnh đạo Nhà trường, Hội đồng TĐG, đại diện Trung tâm KT&ĐBCL và đại diện lãnh đạo các Phòng, Ban, Trung tâm liên quan đến CTĐT ngành GDTH của Nhà trường. Đoàn đã báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ TĐG; khảo sát CSVC của Nhà trường; trao đổi, thống nhất về lịch trình và công tác hậu cần chuẩn bị cho khảo sát chính thức của Đoàn tại Trường. Đoàn đã thảo luận với Nhà trường và thống nhất về các tài liệu, minh chứng yêu cầu Nhà trường cần bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra; số lượng và thành phần các đối tượng cần phỏng vấn. Đồng thời, Trưởng đoàn và lãnh đạo Nhà trường đã ký kết Biên bản ghi nhớ khảo sát sơ bộ;

- Khảo sát chính thức: Từ ngày 14/10/2020-17/10/2020, Đoàn ĐGN đã tiến hành khảo sát chính thức tại Trường với việc thực hiện các hoạt động: Trưởng đoàn họp toàn đoàn ĐGN để quán triệt nhiệm vụ của từng thành viên, cách thức và kế hoạch làm việc; Họp với Lãnh đạo Nhà trường, BCN Khoa Giáo dục và Hội đồng TĐG CTĐT ngành GDTH; Kiểm tra hồ sơ, minh chứng với sự tham gia làm việc trực tiếp của các nhóm cán bộ phụ trách Hành chính-Tổng hợp, Tổ chức Cán bộ, Đào tạo, Khoa học Công nghệ và HTQT, Kế hoạch-Tài chính, Quản trị và Đầu tư, Công tác chính trị-Học sinh Sinh viên, Thanh tra Giáo dục, Trung tâm ĐBCL, Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm CNTT, Trung tâm TH-TN, Trung tâm Nội trú, Trung tâm GDQP & AN, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí; Thảo luận và phỏng vấn chính thức, đồng thời lấy ý kiến đánh giá, góp ý của 12 nhóm đối tượng gồm tất cả các bên liên quan của Nhà trường; khảo sát 200 SV của Nhà trường đã tốt nghiệp ngành GDTH năm 2017, 2018 về tình hình việc làm sau tốt nghiệp, về việc phổ biến quy chế tổ chức ĐT, giới thiệu CTĐT, CDR, vị trí việc làm sau tốt nghiệp, hoạt động giảng dạy của GV, CSVC và chất lượng phục vụ của CB hỗ trợ và đồng thời Đoàn ĐGN đã nhận được 166 ý kiến đóng góp thông qua phiếu khảo sát điều tra từ các bên liên quan tham dự phỏng vấn đánh giá, góp ý về các hoạt động của Nhà trường và của Khoa Giáo dục; gặp gỡ và phỏng vấn không chính thức với SV tại căng-tin, Trung tâm TTTV; thực hiện quan sát, kiểm tra ngẫu nhiên một số đầu mục sách tại Trung tâm TTTV; kiểm tra CSVC, trang thiết bị và quan sát hoạt động giáo dục; khảo sát về tình trạng việc làm của SV của Trường tốt nghiệp năm 2017 và 2018. Sau mỗi ngày làm việc, Đoàn tập trung thảo luận, tổng kết các vấn đề và thống nhất các nội dung

đánh giá. Đồng thời, Đoàn dành thời gian để tiếp CB và SV có nhu cầu gặp và trao đổi với Đoàn;

- Viết dự thảo Báo cáo ĐGN: Từ 19/10/2020-17/11/2020, sau đợt khảo sát chính thức, Đoàn tiếp tục thảo luận, thống nhất và viết dự thảo Báo cáo ĐGN. Dự thảo Báo cáo ĐGN được toàn bộ thành viên trong Đoàn và cán bộ giám sát của Trung tâm thông qua và được gửi để lấy ý kiến phản hồi của Nhà trường;

- Hoàn thiện Báo cáo ĐGN: Từ 07/12/2020-20/12/2020: Sau khi nhận được ý kiến phản hồi của Nhà trường về dự thảo Báo cáo ĐGN, Đoàn tiếp tục thảo luận, thống nhất về những ý kiến phản hồi của Nhà trường. Đoàn ĐGN hoàn thiện Báo cáo ĐGN, lấy chữ ký của tất cả các thành viên trong Đoàn và chính thức gửi Báo cáo ĐGN cho Trung tâm KĐCLGD-ĐHĐN cùng toàn bộ hồ sơ làm việc của Đoàn, kèm theo các file điện tử liên quan.

Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài

3.1. Những điểm mạnh của CTĐT

i. Mục tiêu của CTĐT ngành GDTH được xác định rõ ràng, có mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, trong mục tiêu cụ thể thể hiện các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Trong CTĐT ban hành năm 2017, mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, hướng tới với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành GDTH được xác định rõ ràng, cụ thể trong CTĐT. Trong giai đoạn 2015-2019, CTĐT ngành GDTH đã rà soát, điều chỉnh và chính thức ban hành các phiên bản vào các năm 2015, 2016 và 2017. Theo đó, CTĐT đã có mục tiêu về cơ bản thể hiện sự gắn kết với sứ mạng và tầm nhìn của Trường và phù hợp với mục tiêu giáo dục quy định tại Luật Giáo dục đại học. CDR của CTĐT được rà soát vào các năm 2015, 2016, 2017, đã thể hiện được các kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm của người học cần đạt khi hoàn thành CTĐT. Mục tiêu và CDR của CTĐT tại phiên bản 2017 được xây dựng đúng quy định, thể hiện các khối kiến thức và kỹ năng chung, kỹ năng chuyên biệt, thái độ và phẩm chất đạo đức của người học cần có sau khi tốt nghiệp CTĐT. CDR của CTĐT được phổ biến đến các bên liên quan, cụ thể: trang thông tin điện tử của Trường, Khoa, Sổ tay SV, trong tài khoản cá nhân trên phần mềm CMC của mỗi SV...

ii. Các thông tin trong bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết các HP được rà soát điều chỉnh, được phê duyệt và ban hành chính thức và đã phổ biến các thông tin này đến các bên liên quan, đặc biệt là GV và SV qua trang thông tin điện tử, Sổ tay Sinh viên, ... Bản mô tả CTĐT được xây dựng khoa học, công phu theo hướng tiếp cận CDIO, có tiếp nhận các ý kiến góp ý của các bên liên quan được xem xét trong quá trình rà soát. Đề cương chi tiết học phần được biên soạn theo mẫu thống nhất, trong đó phiên bản năm 2017 bổ sung một số nội dung, thông tin mới so với phiên bản 2015,

2016 để phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông mới cũng như đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Đề cương chi tiết của tất cả các HP có đầy đủ các thông tin, có cho biết các mức độ giảng dạy I, T, U tương ứng với các trình độ năng lực mà người học cần đạt được. Các đề cương chi tiết học phần được phổ biến đến tất cả người học vào buổi học đầu tiên của học phần, bên cạnh sự tư vấn của Cố vấn học tập.

iii. CTDH ngành GDTH phù hợp với CĐR, có khối lượng kiến thức toàn khoá là 125 tín chỉ (không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-An ninh), đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT. CTĐT ngành GDTH có tỷ lệ hợp lý giữa khối kiến thức. Bản mô tả CTDH, đề cương chi tiết học phần được rà soát, cập nhật và công bố công khai dưới nhiều hình thức, nhất là công bố trên trang thông tin điện tử của Trường. Phương pháp dạy học trong CTDH ngành GDTH được thiết kế dựa trên CĐR và được phân chia theo đặc thù học phần gồm thuyết trình, thảo luận nhóm, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, giao bài tập về nhà cho SV, thảo luận, semina, thực hành, thực tế. Phương pháp dạy học của từng học phần được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần. Loại hình kiểm tra đánh giá gồm tự luận, thuyết trình báo cáo, bài tập lớn, tiểu luận, trắc nghiệm khách quan,... Phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá của các học phần trong CTĐT tương đối phù hợp, đã góp phần vào việc thực hiện và đo lường mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Trong chu kỳ kiểm định, Nhà trường đã 2 lần điều chỉnh lớn bản mô tả CTDH. Trong quá trình điều chỉnh đều lấy ý kiến của các bên liên quan và tham khảo CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước. Bản mô tả CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR, đề cương chi tiết học phần trình bày đầy đủ các mục cần thiết, thể hiện đầy đủ nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện. Các ma trận thể hiện quan hệ giữa học phần và CĐR, thể hiện được các học phần có sự đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR. Các phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với các hình thức giảng dạy và góp phần rèn luyện kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ tự và trách nhiệm của SV.

iv. Nhà trường đã ban hành văn bản chính thức công bố TLGD và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan thông qua nhiều phương thức khác nhau. Các hoạt động dạy và học của CTDH được thiết kế nhằm đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. CTDH ngành GDTH được xây dựng hướng đến việc giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic; có kỹ năng chuyên môn giảng dạy và giáo dục, kỹ năng mềm; năng động, sáng tạo; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập. Đề cương các học phần ban hành năm 2017 thể hiện việc xây dựng tổ hợp các công nghệ dạy học, phương pháp giảng dạy đa dạng trong các hoạt động dạy học để đạt được CĐR.

v. Nhà trường ban hành đầy đủ các văn bản liên quan đến công tác kiểm tra đánh giá. Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy định về hoạt động kiểm tra đánh giá vào các năm 2014, 2017. Để đánh giá kết quả học tập của SV ngành GDTH,

Khoa Giáo dục đã thiết kế các phương pháp và công cụ để đánh giá mức độ đạt được CDR của SV ở các mức độ theo thang Bloom. Kết quả học tập của SV đối với mỗi học phần đều được đánh giá thông qua điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi kết thúc học phần với các hình thức khác nhau. Việc đánh giá quá trình được chú trọng, với trọng số điểm đánh giá quá trình liên tục tăng từ 30% lên 40% và 50% trong các năm 2015, 2016, 2017. Quy trình và kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ ràng và công bố công khai. Mỗi học phần đều có 2 ngân hàng đề thi: Ngân hàng đề thi trắc nghiệm phục vụ kiểm tra giữa học phần và đề thi tự luận phục vụ thi cuối học phần. Công tác tổ chức thi được thực hiện tốt. Nhà trường quy định rõ ràng cơ chế phản hồi điểm thi kết thúc học phần. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) được Nhà trường triển khai, thông báo công khai tới SV. Trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo đảm bảo tính khoa học, chính xác cao.

vi. Nhà trường/ Khoa đã có kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV thực hiện chương trình đáp ứng tốt nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCD. Hiện nay tham gia đào tạo ngành GDTH có 37 GV và 2 chuyên viên. Ngoài ra, Khoa còn có sự hợp tác của các GV có phẩm chất và năng lực từ các đơn vị khác trong và ngoài Trường. Dựa trên KHCL của Trường, Khoa đã có Chiến lược phát triển Khoa GD giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2035. Qua đó, xác định mục tiêu chung là “Xây dựng và phát triển Khoa Giáo dục thành đơn vị đi đầu và tiên phong của Trường ĐH Vinh trong hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và đào tạo, bồi dưỡng GV, CB quản lý giáo dục” với nhiều mục tiêu cụ thể và giải pháp thực hiện. Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (Giảng viên chính, Phó giáo sư, Giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng/Phó Bộ môn do Nhà trường quy định, trong đó, nhấn mạnh đến các tiêu chuẩn, tiêu chí về công tác giảng dạy, NCKH. CB, GV của Khoa, ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn về bằng cấp chuyên môn theo quy định hiện hành còn phải tham gia bồi dưỡng, nâng cao về nghiệp vụ và các kỹ năng hỗ trợ cần thiết để có thể đảm bảo giúp SV đạt được CDR mà Nhà trường đã công bố. Hiện nay 100% GV của Khoa có chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm giảng dạy đại học, chứng chỉ Công nghệ thông tin, chứng chỉ Ngoại ngữ, chứng chỉ An ninh quốc phòng, chứng chỉ Trình độ lý luận chính trị (phù hợp với từng loại đối tượng) đạt chuẩn quy định. Nhà trường có quy định rất cụ thể về nhiệm vụ giảng dạy và NCKH đối với GV theo chức danh cụ thể, ngoài việc giảng dạy đủ giờ chuẩn theo định mức, GV còn phải có các công trình NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

vii. Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai trong nội bộ và đăng tải trên website của Trường. Nhà trường và Khoa Giáo dục có cơ chế tạo điều kiện và khuyến khích đội ngũ nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng và nâng cao công tác chuyên môn,

ng nghiệp ụ. Đội ngũ nhân viên của Nhà trường và Khoa Giáo dục có phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCD. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ NV của Trường và Khoa được tiến hành thường xuyên hằng tháng, hằng năm với các mức cụ thể làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm và thi đua, khen thưởng. Qua phỏng vấn cho thấy nhân viên hài lòng về công tác tuyển dụng, bồi dưỡng nhân viên, thi đua khen thưởng của Trường và Khoa Giáo dục.

viii. Đề án tuyển sinh của Trường xác định rõ chính sách, chỉ tiêu tuyển sinh, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành Giáo dục Tiểu học theo quy định của Bộ GD&ĐT, được công bố công khai và quảng bá bằng nhiều hình thức, có sự tham gia đóng góp ý kiến của Khoa Giáo dục và các bên liên quan. Sau mỗi đợt tuyển sinh, Trường có rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác tuyển sinh, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành Giáo dục Tiểu học. Trường có các quy định cụ thể và hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ đối với người học chắt chẽ; có các báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập, rèn luyện của người học hằng năm. Trường có đội ngũ tư vấn, hỗ trợ SV trong các vấn đề liên quan đến học tập, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác. SV ngành Giáo dục Tiểu học được tạo sự hứng thú và lòng yêu nghề thông qua các Hội thi rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Trường, Khoa có môi trường làm việc thoáng đãng, sạch đẹp, thân thiện, các khu giảng đường, thực hành, thí nghiệm, hành chính, ký túc xá SV, thư viện được bố trí khoa học, thuận lợi cho CB, GV, NV và SV của Trường nói chung và ngành Giáo dục Tiểu học nói riêng. Đa số các bên liên quan hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

ix. Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp hỗ trợ các hoạt động ĐT và NCKH. Khoa Giáo dục và CTĐT GDTH được trang bị 06 phòng làm việc và 04 phòng thực hành. Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào với tòa nhà 7 tầng có diện tích gần 29.000m². Số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, luận văn, luận án phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của CTĐT GDTH tính đến năm học 2019-2020 có 1571 đầu sách; trong đó, giáo trình có 386 cuốn, sách tham khảo: 935, tài liệu tiếng nước ngoài: 54, luận văn: 180, luận án: 03, tạp chí khoa học tiếng Việt: 13, CSDL trực tuyến (TCKH nước ngoài): 05 bộ. Nhà trường có hệ thống CNTT bao gồm máy tính, phần cứng, phần mềm, trang thông tin điện tử, phòng họp trực tuyến,... đáp ứng công tác đào tạo, nghiên cứu và các hoạt động khác của đơn vị. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí, phủ khắp khuôn viên của CSGD. Nhà trường đã ban hành văn bản quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường: Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự; quy định về công tác SV tự quản; quy định công tác HS, SV và HV nội trú, ngoại trú;...Các quy định của Nhà trường đã được triển khai thực hiện

trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng; đầu tư bố trí trang thiết bị; tổ chức khám sức khỏe định kỳ, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản; phòng chống cháy nổ, bão lụt; đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trong CSGD.

x. Trường Đại học Vinh ban hành Quy định về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học hệ chính quy năm 2016 và được điều chỉnh năm 2019. Nhà trường có các văn bản, quyết định giao nhiệm vụ, thông báo kế hoạch và hướng dẫn quy trình rà soát, điều chỉnh CTĐT; ban hành Đề án xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận CDIO thành lập Hội đồng liên ngành với trách nhiệm tư vấn việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT đại học hệ chính quy. Nhà trường có các văn bản hướng dẫn lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chuẩn đầu ra và khung CTĐT làm cơ sở cho việc cập nhật và điều chỉnh các CTĐT của Trường. Việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được Nhà trường và các Khoa/Viện triển khai thực hiện định kỳ và theo kế hoạch nghiên cứu bằng nhiều hình thức khác nhau. Khoa Giáo dục tổ chức nhiều buổi họp Hội đồng Khoa học Viện để thảo luận, có biên bản thống nhất nội dung bổ sung, điều chỉnh CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học vào các năm 2015, 2016, 2017 và 2018 trên cơ sở tổng hợp ý kiến phản hồi. Trong giai đoạn 2015-2019, giảng viên Khoa Giáo dục đã thực hiện 44 đề tài NCKH, trong đó có 27 đề tài nghiên cứu được ứng dụng trong xây dựng, phát triển CTĐT, hoạt động giảng dạy và học tập; đã hướng dẫn sinh viên đăng ký và tham gia thực hiện đề tài NCKH theo lĩnh vực chuyên môn đang học, đạt nhiều giải thưởng. Nhà trường ban hành nhiều văn bản về quy định, thông báo kế hoạch, phân công, hướng dẫn các đơn vị triển khai kế hoạch khảo sát ý kiến của các bên liên quan. Hằng năm Nhà trường có báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan nhằm rút kinh nghiệm và đề ra giải pháp cải tiến các hoạt động dịch vụ tư vấn và hỗ trợ sinh viên của Trường.

xi. Nhà trường và Khoa đã xác lập, giám sát được tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp; thời gian tốt nghiệp trung bình; loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học; mức độ hài lòng của một số bên liên quan như SV, cựu SV, nhà SDLĐ. Nhà trường có hệ thống thông tin về người học, hệ thống tổ chức theo dõi KQHT, thôi học, tốt nghiệp, theo dõi tiến độ học tập của người học và cảnh báo học vụ; đã có một số giải pháp để cải tiến nâng cao chất lượng từng tiêu chí; tổ chức cho SV thực hiện các đề tài NCKH một cách bài bản, SV giành được các giải thưởng NCKH (Bộ, Trường), có các bài báo công bố thể hiện chất lượng các đề tài NCKH của SV. Tỉ lệ SV có việc làm và có việc làm đúng chuyên môn so với SV tốt nghiệp khá cao.

3.2. Những lĩnh vực cần cải tiến của CTĐT

i. Nhà trường và Khoa cần tăng cường thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT; Nên tăng cường thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan khi rà soát, cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT. Thực hiện khảo sát nhu cầu các bên có liên quan và tập trung hơn vào các đối tượng quan trọng là thị trường lao động. Cần có chuyên

gia xử lý số liệu khảo sát nhu cầu thị trường, dựa trên sự phân tích, viện dẫn dữ liệu, thông tin cụ thể từ nhiều nguồn bao gồm cả doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, văn bản của nhà nước và địa phương. Nên phổ biến CĐR rộng rãi hơn để các SV nắm được CĐR.

ii. Nhà trường và Khoa Giáo dục cần rà soát lại CTĐT theo quy định 2 năm/lần; triển khai thu thập ý kiến của các đơn vị tuyển dụng để việc được đào tạo sát với nhu cầu xã hội. Khoa Giáo dục nên có kế hoạch để bổ sung vào Bản mô tả CTĐT phiên bản 2020 đầy đủ các thông tin chi tiết như học phần tiên quyết để giúp các bên liên quan biết, hiểu để thực hiện và giám sát. Khoa/Ngành cần có biện pháp hướng dẫn SV sử dụng bản mô tả CTĐT và ĐCHP để chủ động xây dựng kế hoạch và biện pháp phù hợp với điều kiện cá nhân nhằm tối ưu hoá quá trình học tập, tránh trường hợp SV bỏ học.

iii. Trường và Khoa cần điều chỉnh CTĐT theo hướng bổ sung thêm các kiến thức đại cương, kiến thức chuyên ngành và các kỹ năng nhằm giúp cho sinh viên đạt tốt hơn các CĐR đã công bố. Giảng viên nên thiết kế các báo cáo môn học nhằm đánh giá được mức độ phù hợp và hiệu quả và khả năng đạt được CĐR của SV theo môn học mà mình phụ trách. Khoa cần rà soát, xem xét việc bổ sung Khóa luận tốt nghiệp vào CTĐT, các học phần tự chọn đảm bảo tính khả thi, tên học phần đảm bảo bám sát nội hàm học phần, bố trí cân đối thời lượng giữa các học kỳ.

iv. Khoa Giáo dục cần phổ biến thường xuyên triết lý giáo dục của Khoa và thường xuyên tổ chức các hoạt động hướng tới tuyên truyền cho triết lý giáo dục này để sinh viên có được định hướng rèn luyện theo. Khoa cần tổ chức các buổi tập huấn, tọa đàm chia sẻ phương pháp học tập đại học theo CDIO cho SV, hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch học tập, tự học và tự nghiên cứu. Trường và Khoa cần tham khảo ý kiến đóng góp của sinh viên để kịp thời giúp giảng viên điều chỉnh hoạt động giảng dạy và kỹ năng tương tác với sinh viên. Trường và Khoa cần tăng cường bố trí các nguồn lực như: đội ngũ GV, kinh phí, tài liệu nghiên cứu,... để tăng cường tỷ lệ SV NCKH và bố trí cho SV được lựa chọn khóa luận tốt nghiệp tùy khả năng và nguyện vọng.

v. Trường và Khoa rà soát, xem xét ban hành Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (bỏ chức tạm thời). Trường có thể hỗ trợ công tác ra đề thi, đánh giá quá trình bằng nhiều hình thức khác nhau như tính vào giờ giảng hoặc NCKH để khuyến khích GV làm việc có tính bền vững hơn. Trường xem xét rút ngắn thời gian công bố kết quả thi học phần để đảm bảo việc SV đăng ký học học kỳ tiếp theo được thuận lợi. Trường nghiên cứu bổ sung các mức độ đánh giá của câu hỏi giữa kỳ, phù hợp với CĐR của từng học phần; bổ sung nội dung thanh tra vào Quy định tổ chức thi. Trường nâng cấp phần mềm, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của

SV và phát huy hiệu quả của công nghệ. Nhà trường nên công khai đáp án chấm thi cuối kì để SV tự đối chiếu với bài thi và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập.

vi. Nhà trường/ Khoa cần hoàn chỉnh công tác dự báo về khả năng đào tạo của đơn vị để tiếp tục hoàn thiện đề án bồi dưỡng năng lực GV; chú trọng bổ sung GV có năng lực và NCV để phát huy năng lực NCKH &CGCN của đơn vị. Nhà trường và Khoa GD cần bồi dưỡng, nâng cao năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ cho GV ngành SPTH để giúp tăng cường khả năng hợp tác đối ngoại trong ĐT, NCKH. Trường / Khoa cần có kế hoạch cụ thể hơn nữa trong tuyển dụng GV trẻ để đảm bảo độ tuổi theo quy định của Bộ GD&ĐT cũng như kế hoạch phát triển đội ngũ mà đơn vị đã ban hành. Trường và Khoa cần quan tâm đến xây dựng các tổ, nhóm nghiên cứu mạnh; tuyển dụng hoặc điều chuyển GV có năng lực nghiên cứu làm nòng cốt phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh để phát huy công tác NCKH và CGCN như một thể mạnh của đơn vị. Việc lấy ý kiến đánh giá GV thông qua nhận xét của người học cần được tiến hành định kỳ với bảng hỏi được cải tiến phù hợp. Kết quả khảo sát cần được phân tích sâu sắc để làm cơ sở cho cải tiến các biện pháp hoặc chính sách nâng cao năng lực GV. Khoa cần tập trung chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển Khoa GD thông qua việc hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh trong Khoa, mở rộng các nhóm nghiên cứu kết hợp với các đối tác ngoài Khoa/ Trường. Trường/ Khoa nên tổ chức một số hội thảo chuyên ngành để GV có cơ hội tham gia đồng thời khẳng định năng lực của Khoa trong tổ chức hoạt động NCKH và PVCD.

vii. Trường cần có kế hoạch, chiến lược phát triển về nhân sự trong đó có phân tích/dự báo rõ ràng, cụ thể nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm TH-TN, Trung tâm CNTT, Trung tâm DV, HTSV và QHDN và các dịch vụ hỗ trợ SV khác; quan tâm hơn nữa đến nhu cầu phát triển nhân sự có chuyên môn về CNTT để đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường trong giai đoạn 4.0; cần sớm điều chỉnh, cập nhật và ban hành văn bản về công tác cán bộ; rà soát đề án vị trí việc làm trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan, đáp ứng tốt nhu cầu nhân lực ngang tầm nhiệm vụ trong từng lĩnh vực công tác; chú trọng khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ ở các đơn vị cụ thể; cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên định kỳ hằng năm; chú trọng bồi dưỡng, tạo điều kiện cho đội ngũ chuyên viên thi thăng hạng chuyên viên chính khi có đủ điều kiện. Trường và Khoa Giáo dục cần rà soát và hoàn thiện các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên theo vị trí việc làm. Trường cần rà soát, thống nhất giữa Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và Quy chế chi tiêu nội bộ về mức thanh toán thu nhập tăng thêm dựa trên kết quả đánh giá, xếp loại A, B, C, D.

viii. Trường và Viện cần đa dạng hình thức khảo sát ý kiến các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động của ngành về chính sách tuyển sinh ngành Giáo dục Tiểu học bằng

nhiều hình thức khác nhau; tăng cường thu thập thông tin, tham khảo các báo cáo có tính cập nhật về nhu cầu nhân lực của ngành Giáo dục Tiểu học; tăng cường khảo sát ý kiến của học sinh, phụ huynh về nhu cầu đào tạo để xác định chính sách tuyển sinh sát với yêu cầu của thị trường lao động. Trường cần ban hành quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành Giáo dục Tiểu học trong đó có lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan theo định kỳ; cải tiến, bổ sung chức năng tự động đưa ra cảnh báo kết quả học tập và rèn luyện trên phần mềm Quản lý đào tạo; cải thiện chất lượng kết nối của các trang đăng ký học; tăng cường hỗ trợ SV trong việc cung cấp thông tin nhằm hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm; tăng cường các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả hoạt động của các CLB học thuật; tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC cho SV theo định kỳ hoặc vào đầu khóa học; thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị, đồ dùng tại các phòng học, tăng cường các biện pháp nâng cao ý thức của SV trong việc giữ gìn vệ sinh Trường lớp, cảnh quan môi trường. Trường cần bố trí thêm nhà ăn dành riêng cho CB, GV, NV nhằm tạo sự thuận tiện, thoải mái cho đội ngũ này trong giờ giải lao hoặc gặp gỡ, trao đổi công việc với các đối tác, khách bên ngoài Trường.

ix. Nhà trường cần có kế hoạch đánh giá hiệu quả sử dụng và xây dựng phương án sử dụng tối ưu hệ thống CSVC nói chung, hệ thống phòng học và trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập nói riêng để tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo của CSGD. Trong kế hoạch bổ sung, cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo hằng năm, Nhà trường cần ưu tiên nguồn tài liệu phục vụ đào tạo SDH và cập nhật các giáo trình, tài liệu tham khảo cho CTĐT ngành GDTH. Nhà trường nên nâng mức đầu tư cho thư viện để bổ sung nguồn học liệu. Nhà trường cần có kế hoạch tăng cường CSVC và trang thiết bị phục vụ cho phòng thực hành đàn (phòng thực hành với diện tích lớn hơn, bổ sung đàn, tai nghe) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho CTĐT GDTH triển khai hoạt động dạy học. Nhà trường có kế hoạch đánh giá và nâng cấp hệ thống phần mềm cũng như trang LMS nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho CB, GV sử dụng phục vụ cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ. Nhà trường cần định kỳ khảo sát ý kiến các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn làm cơ sở cải tiến chất lượng phục vụ tốt hơn cho các hoạt động ĐT, NCKH và quản lý trong Trường và Khoa.

x. Nhà trường cần tiến hành rà soát, đánh giá quy trình và các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan nhằm cải thiện cơ chế phản hồi có tính hệ thống hơn; cần mở rộng các nhóm đối tượng để có thông tin phản hồi đầy đủ và thực tế hơn đối với các hoạt động của Nhà trường. Nhà trường cần triển khai rà soát, đánh giá quy trình đã được sử dụng trong thời gian trước làm cơ sở cho việc cải tiến quy trình xây dựng, phát triển CTĐT giai đoạn tới. Khoa Giáo dục cần chủ động triển khai các hoạt động khảo sát đáp ứng yêu cầu phát triển và cải tiến chất lượng đào tạo của Khoa; có báo cáo kết quả rà soát và kế hoạch cải tiến trên cơ sở tổng hợp ý kiến phản hồi từ các

bên liên quan; cần có báo cáo tổng hợp thống kê nhu cầu nguồn nhân lực cụ thể đối với các ngành đào tạo của Khoa nói chung và ngành Giáo dục Tiểu học nói riêng. Nhà trường và Khoa Giáo dục cần xây dựng các phiếu khảo sát có nhiều nội dung chuyên sâu về phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để bảo đảm tương thích với chuẩn đầu ra. Khoa Giáo dục cần xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Trường; chủ động nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích/hỗ trợ việc đăng ký và thực hiện các đề tài phục vụ việc dạy và học; thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh để có những đề tài cấp nhà nước và đề tài liên kết với các trường/viện trong nước và nước ngoài. Nhà trường và Khoa cần tổ chức các buổi họp/hội nghị báo cáo kết quả khảo sát và có kết luận đưa ra giải pháp và kế hoạch cụ thể để cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác trên cơ sở ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

xi. Nhà trường, Khoa cần cải tiến chất lượng đào tạo (trong đó có giảm tỉ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình, tăng tỉ lệ tốt nghiệp trước hạn, tỉ lệ SV tốt nghiệp có và tự tạo việc làm, ...), NCKH SV, chuyển giao tri thức, phục vụ xã hội, tăng mức độ hài lòng của tất cả các bên liên quan trên cơ sở điều tra một cách hệ thống, đều đặn hàng năm và sử dụng hiệu quả ý kiến của các bên liên quan về CTĐT cũng như đối sánh với CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước về các chỉ số và nội dung của các tiêu chí của tiêu chuẩn 11. Nhà trường và Khoa cần xây dựng KHCL phát triển KHCN để xác lập các loại hình nghiên cứu và số lượng các hoạt động NCKH cho người học tương thích với mục tiêu, SM, TN và CDR của CTĐT trong CSGD. Nhà trường nên định kỳ tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong và ngoài CSGD với sự tham gia của đại diện các bên liên quan để đề xuất những điều chỉnh trong quy trình, nội dung, hình thức khảo sát ý kiến các bên liên quan, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng CTĐT.

3.3. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá ngoài

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
I	<i>Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</i>		
1	1.1.	4	
2	1.2	4	
3	1.3	5	
II	<i>Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo</i>		

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
4	2.1	4	
5	2.2	4	
6	2.3	5	
III	<i>Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học</i>		
7	3.1	4	
8	3.2	4	
9	3.3	4	
IV	<i>Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học</i>		
10	4.1	4	
11	4.2	4	
12	4.3	4	
V	<i>Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học</i>		
13	5.1	5	
14	5.2	4	
15	5.3	4	
16	5.4	4	
17	5.5	4	
VI	<i>Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên</i>		
18	6.1	4	
19	6.2	4	
20	6.3	4	
21	6.4	4	
22	6.5	5	
23	6.6	4	

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
24	6.7	4	
VII	<i>Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên</i>		
25	7.1	4	
26	7.2	4	
27	7.3	4	
28	7.4	4	
29	7.5	4	
VIII.	<i>Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học</i>		
30	8.1	4	
31	8.2	4	
32	8.3	4	
33	8.4	5	
34	8.5	4	
IX	<i>Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị</i>		
35	9.1	5	
36	9.2	4	
37	9.3	4	
38	9.4	4	
39	9.5	4	
X	<i>Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng</i>		
40	10.1	5	
41	10.2	4	
42	10.3	4	
43	10.4	5	
44	10.5	4	
45	10.6	4	

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
XI	<i>Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra</i>		
46	11.1	4	
47	11.2	4	
48	11.3	4	
49	11.4	4	
50	11.5	4	

PHẦN II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN

1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TC 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Điểm mạnh TC 1.1

Ngày 24 tháng 5 năm 1995, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ký Quyết định số 1849/GD-ĐT về việc thành lập Khoa Giáo dục Tiểu học, thuộc Trường Đại học Vinh. Ngày 29 tháng 10 năm 2010, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ký Quyết định số 2682/QĐ-ĐHV-TCCB về việc thành lập Khoa Giáo dục trên cơ sở khoa Giáo dục tiểu học. Chương trình đào tạo được ban hành (Quyết định số 3357/QĐ-ĐHV, ngày 15/9/2015, 1002/QĐ-ĐHV ngày 30/8/2016, 747/QĐ-ĐHV, ngày 27/4/2017) đều xác định rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo hiện hành áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2017 (Quyết định số 747/QĐ-ĐHV, ngày 27/4/2017).

Mục tiêu tổng quát của chương trình xác định “*Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục tiểu học có: kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức chuyên sâu về khoa học giáo dục ngành Giáo dục tiểu học; khả năng hình thành ý tưởng (Conceive), thiết kế (Design), thực hiện (Implement) và đánh giá (Evaluate) chương trình Giáo dục tiểu học trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế*”. Trên cơ sở mục tiêu chung, CTĐT xác định 4 khối kiến mục tiêu cụ thể gồm: Kiến thức và lập luận ngành, kỹ năng nghề và phẩm chất cá nhân, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, Năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá chương trình Giáo dục tiểu học (GDTH).

Trường ĐHV đã ban hành kế hoạch chiến lược phát triển trường năm 2018-2025, tầm nhìn 2030; Kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2011-2020 và 2017-2025. Trong các văn bản này, Trường đã tuyên bố chính thức về tầm nhìn, sứ mạng của Trường. Khi xây dựng CTĐT GDTH, Khoa Giáo dục được giao nhiệm vụ chủ trì. Khoa đã khảo sát, lấy ý kiến đóng góp của giảng viên, sinh viên, chuyên gia, cựu SV và nhà tuyển dụng. Kết quả khảo sát cho thấy, mục tiêu của CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường. Năm 2016, 2017, Trường rà soát, điều chỉnh mục tiêu CTĐT sau khi khảo sát và thu thập các ý kiến các bên liên quan. Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng của Nhà trường “*là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo bồi dưỡng giáo viên, NCKH giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung bộ và cả nước*” và

phù hợp với tầm nhìn của Nhà trường là “trở thành trường Đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN”.

CTĐT ngành GDTH ban hành năm 2017 có mục tiêu đào tạo người học khá toàn diện về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống và làm việc, năng lực nghiên cứu và khả năng học tập nâng cao trình độ... Nhìn chung, các mục tiêu của CTĐT đều phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại mục b khoản 2 Điều 5 Luật giáo dục đại học 2012 là “Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo”. Trong quá trình xây dựng mục tiêu đào tạo, Nhà trường cũng đã lưu ý đến chính sách của Nhà nước, Bộ GD&ĐT về mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình giáo dục phổ thông mới và khung năng lực trình độ quốc gia.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 1.1

2.1. Điểm tồn tại TC 1.1

Hằng năm, Nhà trường đã tiến hành khảo sát các bên liên quan. Tuy nhiên, các khảo sát nhu cầu của các bên có liên quan chưa đại diện, các phiếu khảo sát chủ yếu tập trung vào đánh giá CTĐT hơn là khảo sát nhu cầu của thị trường lao động.

Khoa GDTH chưa triển khai phân tích, viện dẫn các dữ liệu, thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để xác định nhu cầu thị trường.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 1.1

Nhà trường và Khoa GDTH nên triển khai khảo sát nhu cầu các bên liên quan định kỳ và tập trung hơn vào các đối tượng quan trọng là thị trường lao động.

Nhà trường và Khoa GDTH cần có chuyên gia xử lý số liệu khảo sát nhu cầu thị trường, dựa trên sự phân tích, viện dẫn dữ liệu, thông tin cụ thể từ nhiều nguồn, bao gồm: cả doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, văn bản của nhà nước và địa phương.

3. Mức đạt được của TC 1.1: Đạt (Mức 4/7)

TC 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Điểm mạnh TC 1.2

Trong giai đoạn kiểm định 2015 -2019, Nhà trường đã ban hành CDR của CTĐT ngành GDTH năm 2016 và 2017. Theo Quyết định số 1002/QĐ-ĐHV ngày 30/08/2017 và Quyết định số 747, ngày 27/04/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh. CDR của CTĐT ngành GDTH được chia làm 4 chủ đề chính: 1. Kiến thức và lập luận ngành; 2. Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; 3. Kỹ năng làm việc

nhóm và giao tiếp; 4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá chương trình GDTH, cụ thể: 03 CĐR về kiến thức và lập luận ngành; 05 CĐR về kỹ năng và phẩm chất cá nhân; 03 CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; 06 CĐR về năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá chương trình. Các nội dung đều đi kèm với trình độ năng lực, được thiết trong khoảng từ 2,5 đến 4, chủ yếu ở mức 3, khả thi trong điều kiện của Trường.

CĐR được xây dựng theo một quy trình khoa học, mô tả cụ thể, đảm bảo đo lường, đánh giá được các mức độ cần đạt của người học sau khi tốt nghiệp theo thang Bloom (6 mức). Việc xây dựng CĐR được thực hiện theo 7 bước: 1. Thành lập ban xây dựng CĐR; 2. Xây dựng kế hoạch thực hiện; 3. Xây dựng dự thảo CĐR của CTĐT; 4. Khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CĐR; 5. Hoàn thiện CĐR lần 1; 6. Tham khảo tham vấn các bên liên quan và chuyên gia; 7. Hoàn thiện, phê duyệt và công bố CĐR. Quy trình xây dựng CĐR này phù hợp với Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. CĐR phù hợp với Thông tư ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông số 20/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018.

Trường đã có kế hoạch và triển khai khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan bao gồm giáo viên trường phổ thông, cựu SV, giảng viên, chuyên gia và các sở Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, Nhà trường đã thực hiện đối sánh với một số CĐR của một số trường như Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Sư phạm Đại học Thái Nguyên,...

CĐR xác định được kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị và trách nhiệm nghề nghiệp mà SV tốt nghiệp ngành GDTH đạt được sau khi tốt nghiệp, được mô tả cụ thể, rõ ràng, đo lường và đánh giá được, bám sát mục tiêu của CTĐT. Đồng thời, Khoa Giáo dục đã xây dựng ma trận các kỹ năng, trong đó thể hiện mức độ đóng góp của học phần đến CĐR của CTĐT. Mặt khác, đề cương chi tiết các học phần cũng đều có CĐR để đảm bảo tất cả các CĐR được thực hiện và không có học phần “thừa, lặp” trong CTĐT, đồng thời tích hợp được các kỹ năng và thái độ vào từng học phần theo tiến trình của CTĐT.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 1.2

2.1. Điểm tồn tại TC 1.2

Khoa Giáo dục đã thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT. Tuy nhiên, hằng năm việc thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT thì chưa triển khai liên tục và có hệ thống.

Khoa Giáo dục đã thực hiện và tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan khi rà soát, cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT. Tuy nhiên, việc thực hiện và tiến hành thu thập chỉ trong địa bàn của Tp. Vinh.

CĐR của CTĐT ngành GDTH chưa quy định rõ về trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 theo Thông tư 23/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 1.2

Trường và Khoa Giáo dục cần tăng cường thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT theo hướng gắn kết và có hệ thống.

Trường và Khoa Giáo dục nên xây dựng kế hoạch, triển khai thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan khi rà soát, cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT theo qui định.

Khoa Giáo dục cần rà soát bổ sung CĐR của CTĐT ngoại ngữ bậc 3/6 phù hợp theo Thông tư 23/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

3. Mức đạt được của TC 1.2: Đạt (Mức 4/7)

TC 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Điểm mạnh TC 1.3

Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường và Khoa Giáo dục đã có 03 lần rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT vào các năm 2013; 2016 và 2017. Việc xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT đều có sự tham gia và đóng góp ý kiến các bên liên quan như nhà quản lý, các nhà khoa học, GV, các nhà sử dụng lao động, cựu SV, SV,... theo Quy định số 1307/QĐ-ĐHV, ngày 01/11/2016 của Trường. Trong quá trình xây dựng CĐR và dự thảo CĐR được công bố trên website của Trường. Đồng thời, trong quá trình đào tạo, Khoa Giáo dục thường xuyên cử giảng viên đến các trường phổ thông nơi SV thực tập để kiểm tra, thăm hỏi, trao đổi chuyên môn và thu thập thông tin phản hồi về CTĐT và CĐR,... Ngoài ra, CĐR của CTĐT còn có sự tham khảo của các trường đại học uy tín trong nước như Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên,... CĐR được thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng nghiệm thu Trường trước khi ban hành.

Kể từ năm 2015 đến nay, Nhà trường có 03 lần ban hành CĐR của CTĐT (năm 2016 và 2017) cùng với việc điều chỉnh CTĐT. Nhà trường đã xây dựng các biểu mẫu rõ ràng, chi tiết để các đơn vị trong Trường triển khai đồng bộ, nhất quán. CĐR phiên bản năm 2017 được rà soát và điều chỉnh theo hướng cụ thể hóa một số năng lực cốt lõi ngành GDTH, bao gồm năng lực thiết kế, tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học theo hướng phát triển năng lực của người học và mô tả rõ một số kỹ năng chung, cụ thể: kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề trong giáo dục.

CĐR của CTĐT ngành GDTH được công bố công khai, rộng rãi tới toàn thể GV tham gia giảng dạy, SV Khoa Giáo dục bằng các hình thức khác nhau, như đăng tải

trên trang thông tin điện tử của Khoa, phổ biến tại các buổi sinh hoạt đầu khóa, gặp mặt tân SV, tài khoản cá nhân trên phần mềm CMC của mỗi SV,... Ngoài ra, CĐR được các GV thường xuyên phổ biến vào đầu mỗi học phần, được cố vấn học tập tư vấn khi SV thắc mắc.

Qua nghiên cứu minh chứng cho thấy Khoa Giáo dục đã lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, người sử dụng lao động, ...) trong quá trình xây dựng CĐR của CTĐT qua các hình thức như trả lời phiếu điều tra (có hồ sơ xử lý phiếu điều tra), họp tổ chuyên môn (có Biên bản họp tổ chuyên môn).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 1.3

2.1. Điểm tồn tại TC 1.3

Khoa Giáo dục đã được rà soát và điều chỉnh theo hướng cụ thể hóa một số năng lực cốt lõi trong CĐR phiên bản năm 2017. Tuy nhiên, việc phổ biến CĐR để các SV nắm được CĐR và có kế hoạch triển khai việc học một cách hợp lý còn hạn chế.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 1.3

Khoa Giáo dục nên xây dựng kế hoạch, triển khai và phổ biến CĐR một cách rộng rãi hơn để SV nắm được CĐR, có kế hoạch triển khai việc học đạt hiệu quả hơn.

3. Mức đạt được của TC 1.3: Đạt (Mức 5/7)

Đánh giá chung Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành GDTH được xác định rõ ràng, có mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, trong mục tiêu cụ thể thể hiện các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Trong CTĐT ban hành năm 2017, mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, gắn kết với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành GDTH được xác định rõ ràng, cụ thể trong CTĐT. Trong giai đoạn 2015-2019, CTĐT ngành GDTH đã rà soát, điều chỉnh và chính thức ban hành các phiên bản vào các năm 2015, 2016 và 2017. Theo đó, CTĐT đã có mục tiêu về cơ bản thể hiện sự gắn kết với sứ mạng và tầm nhìn của Trường và phù hợp với mục tiêu giáo dục quy định tại Luật Giáo dục đại học.

CĐR của CTĐT được rà soát vào các năm 2015, 2016, 2017, đã thể hiện được các kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm của người học cần đạt khi hoàn thành CTĐT. Mục tiêu và CĐR của CTĐT tại phiên bản 2017 được xây dựng đúng quy định, thể hiện các khối kiến thức và kỹ năng chung, kỹ năng chuyên biệt, thái độ và phẩm chất đạo đức của người học cần có sau khi tốt nghiệp CTĐT. CĐR của CTĐT được phổ biến đến các bên liên quan, cụ thể: trang thông tin điện tử của Trường, Khoa, Sổ tay SV, trong tài khoản cá nhân trên phần mềm CMC của mỗi SV...

Hàng năm, công tác rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT của Khoa Giáo dục chưa thực hiện liên tục. Việc thực hiện thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan khi tiến hành rà soát và cập nhật mục tiêu CĐR của CTĐT còn hạn chế. Khoa chưa phân tích, viện dẫn các dữ liệu và thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để xác định nhu cầu thị trường. CĐR của CTĐT ngành GDTH chưa quy định rõ về trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 theo Thông tư 23/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT và chưa phổ biến CĐR rộng rãi hơn để các SV nắm được CĐR.

Nhà trường và Khoa Giáo dục cần tăng cường thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT; Nên tăng cường thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan khi rà soát, cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT. Thực hiện khảo sát nhu cầu các bên có liên quan và tập trung hơn vào các đối tượng quan trọng là thị trường lao động. Cần có chuyên gia xử lý số liệu khảo sát nhu cầu thị trường, dựa trên sự phân tích, viện dẫn dữ liệu, thông tin cụ thể từ nhiều nguồn bao gồm cả doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, văn bản của nhà nước và địa phương. Nên phổ biến CĐR rộng rãi hơn để các SV nắm được CĐR.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</i>		
1	Tiêu chí 1.1	4	
2	Tiêu chí 1.2	4	
3	Tiêu chí 1.3	5	

2. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

TC 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Điểm mạnh TC 2.1

Bản mô tả CTĐT ngành GDTH được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do trường Đại học Vinh ban hành từ năm 1995. Bản mô tả CTĐT được rà soát và điều chỉnh hàng năm (2015, 2016, 2017). Năm 2016, Nhà trường bắt đầu xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO. Nhờ đó, năm 2017, bản mô tả CTĐT được xây dựng mới theo cách tiếp cận năng lực, có sự đóng góp của các bên liên quan. Bản mô tả CTĐT ngành GDTH cung cấp đầy đủ, cụ thể các thông tin về CTĐT (tên chương trình, mã ngành đào tạo, thời gian đào tạo, tên văn bằng, tên cơ sở đào tạo), mục tiêu và CĐR về kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp của CTĐT, quy mô tuyển sinh, đối tượng

tuyển chọn, chương trình khung, kế hoạch đào tạo. Khoa Giáo dục đã công bố bản mô tả CTĐT đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Khoa, cụ thể: Thông tin chung, mục tiêu CTĐT, CDR của CTĐT, nội dung CTĐT, ma trận CDR (ma trận các kỹ năng và mức độ giảng dạy các học phần), cách thức đánh giá kết quả học tập, điều kiện thực hiện CTĐT, hướng dẫn thực hiện CTĐT và đề cương chi tiết các học phần.

Trong chu kỳ đánh giá, Khoa Giáo dục đã triển khai 3 lần rà soát, điều chỉnh và cập nhật CTĐT vào các năm 2016 và 2017. Đặc biệt, trong lần rà soát, điều chỉnh CTĐT năm 2017 đã có những thay đổi, cập nhật và bổ sung quan trọng trên cơ sở phương pháp tiếp cận CDIO trong đó bao gồm 3 CDR về kiến thức và lập luận ngành; 5 CDR về kỹ năng và phẩm chất cá nhân; 3 CDR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; 6 CDR về năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và đánh giá chương trình. Điểm mới trong bản mô tả chính là ma trận CDR và nâng cao tỷ trọng đánh giá quá trình. Để phân nhiệm các học phần, chương trình sử dụng ma trận CDR tham chiếu các CDR của chương trình với các học phần kèm theo mức độ đạt được mong muốn (thang năng lực).

Đề cương chi tiết học phần mô tả cụ thể các thông tin thông qua bản thiết kế hoạt động dạy học chi tiết, trong đó có quy định cụ thể về cách thức đánh giá nhằm giúp người dạy, SV thuận lợi trong việc thực hiện và đạt CDR của CTĐT. Hằng năm, Tiêu chí tuyển sinh được điều chỉnh các tổ hợp môn thi và điểm xét tuyển phải đảm bảo ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 2.1

2.1. Điểm tồn tại TC 2.1

Khoa Giáo dục đã triển khai 3 lần rà soát, điều chỉnh và cập nhật CTĐT vào các năm 2016 và 2017. Tuy nhiên, việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật CTĐT chưa thực hiện định kỳ theo quy định 2 năm/lần.

Định kỳ, Khoa Giáo dục đã triển khai thu thập ý kiến đóng góp của các đơn vị tuyển dụng. Tuy nhiên, việc thu thập ý kiến đóng góp của các đơn vị tuyển dụng còn hạn chế.

Trong khung chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy dự kiến, Trường đã không nêu các học phần tiên quyết. Thông tin về học phần tiên quyết chỉ có trong đề cương chi tiết học phần.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 2.1

Khoa Giáo dục cần xây dựng kế hoạch, rà soát và triển khai cập nhật CTĐT theo quy định 2 năm/lần.

Khoa Giáo dục cần triển khai thu thập ý kiến của các đơn vị tuyển dụng để việc được đào tạo sát với nhu cầu xã hội.

Nhà trường và Khoa Giáo dục nên xây dựng kế hoạch để bổ sung vào Bản mô tả CTĐT phiên bản 2020 đầy đủ các thông tin chi tiết như học phần tiên quyết để giúp các bên liên quan hiểu, thực hiện và giám sát.

3. Mức đạt được của TC 2.1: Đạt (Mức 4/7)

TC 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Điểm mạnh TC 2.2

Tất cả các học phần của CTDH đều có Đề cương chi tiết học phần. Đề cương chi tiết học phần phiên bản năm 2016 đã thể hiện được một số thông tin cơ bản: tên học phần, mã học phần, loại học phần (tự chọn/bắt buộc), số tín chỉ (có phân chia chi tiết giờ tín chỉ đối với các hoạt động dạy học), giảng viên giảng dạy, mục tiêu học phần; tóm tắt nội dung học phần; nội dung chi tiết học phần; phương pháp, hình thức giảng dạy; tài liệu tham khảo; phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá.

Trong lần rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT và đề cương học phần/môn học năm 2017, tất cả đề cương các học phần/môn học CTĐT ngành GDTH đều thể hiện đầy đủ các thông tin, cụ thể: Thông tin tổng quát; mô tả học phần; mục tiêu học phần; CDR; đánh giá học phần; kế hoạch giảng dạy; nguồn học liệu; quy định của học phần; phụ trách học phần; ngày phê duyệt và cấp phê duyệt.

Đề cương chi tiết của tất cả các học phần có đầy đủ các thông tin, có cho biết các mức độ giảng dạy I, T, U tương ứng với các trình độ năng lực mà người học cần đạt được. Các đề cương có cấu trúc đồng đều nhau và hợp lý.

ĐCCT các học phần đảm bảo thể hiện được ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CDR của môn học; phương pháp giảng dạy của GV và học tập của SV để có thể đạt được các CDR đã nêu; phương pháp đánh giá để thể hiện được hiệu quả giảng dạy. Phần kiểm tra đánh giá SV được thực hiện thường xuyên, toàn diện và bằng nhiều cách: vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm khách quan, hoạt động thực hành, hoạt động ngoại khóa. Các ĐCCT học phần đều được tham khảo, tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những ĐCCT học phần trong các CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước.

Trong chu kỳ đánh giá, CTĐT được điều chỉnh 3 lần (năm 2016, 2017 và 2018), trong đó năm 2018 chỉ điều chỉnh nhỏ. Cùng với điều chỉnh CTĐT, Trường đã tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật tất cả đề cương các học phần. Năm 2019, đề cương chi tiết tất cả các học phần đang đào tạo mới được công bố đầy đủ trên trang thông tin của Khoa.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 2.2

2.1. Điểm tồn tại TC 2.2

Trong chu kỳ đánh giá, CTĐT được điều chỉnh 3 lần cụ thể các năm 2016, 2017 và 2018. Tuy nhiên, trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành GDTH của Khoa các cơ sở để cải tiến CTĐT hoàn toàn dựa trên các dữ liệu thu thập được còn hạn chế.

Trong CTĐT ngành GDTH Khoa Giáo dục chưa triển khai đánh giá năng lực thực tế của người học.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 2.2

Khoa Giáo dục nên dựa trên các dữ liệu thu thập được để thực hiện rà soát và cải tiến CTĐT ngành GDTH.

Khoa Giáo dục cần triển khai đánh giá năng lực thực tế của người học trong CTĐT ngành GDTH.

3. Mức đạt được của TC 2.2: Đạt (mức 4/7)

TC 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Điểm mạnh TC 2.3

Bản mô tả CTĐT ngành GDTH sau khi xây dựng hoặc rà soát, điều chỉnh và bổ sung được công khai trên trang thông tin điện tử của Khoa Giáo dục. Bản mô tả rút gọn (không bao gồm đề cương chi tiết các học phần) được giới thiệu cho SV trong các đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa học, hướng dẫn cách tiếp cận thông tin CTĐT trong sổ tay SV. Một số thông tin về CTĐT được cung cấp cho các bên liên quan qua tài liệu quảng bá về Khoa, qua bài giới thiệu về ngành đào tạo trên trang thông tin điện tử.

Các đề cương chi tiết học phần được cung cấp cho SV qua tài khoản cá nhân của SV khi đăng ký học phần, đặc biệt SV được giảng viên phụ trách học phần phổ biến trực tiếp ngay buổi học đầu tiên của học phần, bên cạnh hoạt động tư vấn của GV cố vấn học tập. Việc phổ biến đề cương học phần cũng như kế hoạch dạy học được xác định là nhiệm vụ của GV trực tiếp giảng dạy, qua đó SV nắm rõ thông tin học phần, nhận thức đầy đủ mục tiêu, CDR và các hoạt động dạy học, nhiệm vụ học tập cũng như các kết quả mình cần đạt được..Bên cạnh đó, Khoa Giáo dục đã công bố công khai cho người học và giảng viên nội dung của CTĐT và đề cương các học phần bằng nhiều hình thức khác nhau: giới thiệu cho SV khóa mới; công bố công khai trên website của Nhà trường, subweb của Khoa; Cổng thông tin cán bộ; trong các thông báo của Nhà trường cho cán bộ và SV, niêm yết công khai bản mô tả CTĐT tại các bảng tin.

Trên trang thông tin điện tử của trường đã xây dựng một trang thành phần dành cho cựu SV, qua đó các cựu SV được tiếp cận CTĐT, tham gia vào việc truyền thông và đóng góp các ý kiến phản hồi góp phần phát triển CTĐT. Đối với công tác quản lý, các bộ phận liên quan như Phòng Đào tạo, Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trung

tâm Đảm bảo chất lượng, trưởng các Khoa/Viện, trưởng bộ môn, trợ lý đào tạo các Khoa/Viện đều có bản in toàn văn bản mô tả CTĐT. Với các hình thức công khai nêu trên, đặc biệt thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Khoa/Viện, các bên liên quan (Lãnh đạo và các phòng chức năng của Nhà trường, nhà sử dụng lao động, người học, cựu người học,...) trong mức độ có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương học phần của ngành GDTH.

Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần đều được phản biện bởi các chuyên gia, được hội đồng KHĐT của Khoa Giáo dục cho ý kiến. CTĐT đi kèm bản mô tả chương trình và các đề cương học phần định kỳ được điều chỉnh dựa trên việc thu thập ý kiến của nhà tuyển dụng, cựu SV và SV năm cuối.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 2.3

2.1. Điểm tồn tại TC 2.3

Chưa có nhiều minh chứng cho thấy Khoa/Ngành có hướng dẫn SV sử dụng bản mô tả CTĐT và ĐCHP để chủ động xây dựng chiến lược học tập phù hợp với điều kiện của cá nhân.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 2.3

Khoa/Ngành cần có nhiều biện pháp hướng dẫn SV sử dụng bản mô tả CTĐT và ĐCHP để chủ động có kế hoạch, biện pháp phù hợp với điều kiện cá nhân nhằm tối ưu hoá quá trình học tập, tránh trường hợp SV bỏ học.

3. Mức đạt được của TC 2.3: Đạt (Mức 5/7)

Đánh giá chung Tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh TC2:

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết các HP được rà soát điều chỉnh, được phê duyệt và ban hành chính thức và đã phổ biến các thông tin này đến các bên liên quan, đặc biệt là GV và SV qua trang thông tin điện tử, Sổ tay Sinh viên,...

Bản mô tả CTĐT được xây dựng khoa học, công phu theo hướng tiếp cận CDIO, có tiếp nhận các ý kiến góp ý của các bên liên quan được xem xét trong quá trình rà soát. Đề cương chi tiết học phần được biên soạn theo mẫu thống nhất, trong đó phiên bản năm 2017 bổ sung một số nội dung, thông tin mới so với phiên bản 2015, 2016 để phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông mới cũng như đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Đề cương chi tiết của tất cả các HP có đầy đủ các thông tin, có cho biết các mức độ giảng dạy I, T, U tương ứng với các trình độ năng lực mà người học cần đạt được. Các đề cương chi tiết học phần được phổ biến đến tất cả người học vào buổi học đầu tiên của học phần, bên cạnh sự tư vấn của Cố vấn học tập.

Tuy nhiên, Khoa chưa định kỳ tiến hành rà soát CTĐT theo quy định 2 năm/lần và việc triển khai thu thập ý kiến đóng góp của các đơn vị tuyển dụng còn hạn chế. Trong khung chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy dự kiến, Trường đã không nêu các học phần tiên quyết. Thông tin về học phần tiên quyết chỉ có trong đề cương chi tiết học phần. Chưa có nhiều minh chứng cho thấy Khoa/Ngành có hướng dẫn SV sử dụng bản mô tả CTĐT và ĐCHP để chủ động xây dựng chiến lược học tập phù hợp với điều kiện của cá nhân.

Nhà trường và Khoa Giáo dục cần rà soát lại CTĐT theo quy định 2 năm/lần; triển khai thu thập ý kiến của các đơn vị tuyển dụng để việc được đào tạo sát với nhu cầu xã hội. Khoa Giáo dục nên có kế hoạch để bổ sung vào Bản mô tả CTĐT phiên bản 2020 đầy đủ các thông tin chi tiết như học phần tiên quyết để giúp các bên liên quan biết, hiểu để thực hiện và giám sát. Khoa/Ngành cần có biện pháp hướng dẫn SV sử dụng bản mô tả CTĐT và ĐCHP để chủ động xây dựng kế hoạch và biện pháp phù hợp với điều kiện cá nhân nhằm tối ưu hoá quá trình học tập, tránh trường hợp SV bỏ học.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo</i>		
1	Tiêu chí 2.1	4	
2	Tiêu chí 2.2	4	
3	Tiêu chí 2.3	5	

3. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

TC 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Điểm mạnh TC 3.1

Trước mỗi lần triển khai rà soát, điều chỉnh CTDH, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết. Năm 2016, Nhà trường ban hành “Kế hoạch biên soạn và điều chỉnh chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” (văn bản số 10/KH-ĐHV, ngày 08/3/2016) kèm theo các biểu mẫu và công văn số 1447/ĐHV-ĐT, ngày 09/12/2016 “Hướng dẫn và mẫu đề cương chi tiết học phần”. Theo kế hoạch, các đơn vị trong toàn Trường xác định rõ CDR, ma trận quan hệ giữa CDR và các học phần trong CTĐT. Trên cơ sở mục tiêu đào tạo ngành học, khung năng lực, CDR và ma trận I, T, U (Introduce, Teach, Utilise) theo CDIO, Khoa Giáo dục đã thiết kế

CTDH ngành GDTH để đạt mục tiêu CDR CTĐT ngành GDTH được thiết kế logic, thể hiện sự gắn kết giữa các khối kiến thức - kỹ năng, nội dung có tính tích hợp và cập nhật.

CTDH ngành GDTH ban hành theo Quyết định số 747/QĐ-ĐHV, ngày 27/4/2017 được thiết kế với khối lượng kiến thức tích lũy toàn khoá gồm 125 tín chỉ và được thiết kế với cấu trúc tương đối hợp lý giữa các khối kiến thức, trong đó bao gồm 30 tín chỉ dành cho khối kiến thức đại cương (chiếm tỷ lệ 24%), 49 tín chỉ dành cho khối kiến thức cơ sở ngành (chiếm tỷ lệ 39,2%) và 46 tín chỉ thuộc khối kiến thức chuyên ngành (chiếm tỷ lệ 36,8%).

CTDH ngành GDTH không tập trung vào một phương pháp giảng dạy duy nhất mà phối kết hợp nhiều phương pháp và hình thức dạy học khác nhau, trong đó ưu tiên sử dụng các phương pháp có tính chất hoạt động nhóm, seminar, thực hành và thảo luận. Phương pháp dạy - học được cụ thể hóa trong ĐCCT học phần. Trong mỗi nội dung của chương mục có đưa ra các phương pháp dạy học, yêu cầu đối với SV, nội dung bài tập và thực hành, nội dung thảo luận nhóm, nội dung tự học. GV sử dụng các hình thức: thuyết trình, đàm thoại, vấn đáp, giao bài tập, thảo luận nhóm,... Đối với SV, sử dụng các hình thức: làm bài tập, làm việc theo nhóm, tự học, tự nghiên cứu,... Hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện bằng nhiều hình thức, được đổi mới đáng kể so với các CTDH trước đây. Việc đánh giá quá trình được chú trọng, với trọng số điểm đánh giá quá trình liên tục tăng từ 30% lên 40% và 50% trong các năm 2015, 2016, 2017. Tổ hợp các PPDH, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTDH phù hợp với CTĐT, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt CDR.

Hầu hết các học phần được bố trí giảng dạy với trình tự tương đối hợp lý, đảm bảo được tính kế tiếp và hệ thống, giúp cho sinh viên dễ dàng tiếp thu các kiến thức theo chuỗi kế tiếp nhau. CTDH được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật qua các năm 2015, 2016 và 2017.

Qua nghiên cứu minh chứng cho thấy, Khoa Giáo dục khi thiết kế CTDH đã tiến hành tham khảo và đối sánh CTDH với trường Đại học Sư phạm Tp.HCM và trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Nội dung CTDH được xây dựng thống nhất, đầy đủ nội dung và được các bộ phận quản lý (Bộ môn, Viện, Trường) phê duyệt và ban hành để hoàn thiện CTĐT của mình và phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 3.1

2.1. Điểm tồn tại TC 3.1

Qua phỏng vấn người sử dụng lao động có nhiều ý kiến cho rằng trong nội dung của CTDH cần bổ sung thêm các kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng sử dụng công

nghệ thông tin, để từ đó có thể phát huy tối đa kiến thức được đào tạo và phục vụ tốt công tác bán trú.

Về kỹ năng thì các cựu sinh viên cho rằng cần bổ sung thêm các kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng phản biện, cho sinh viên tham gia nhiều hơn các buổi kiến tập tại các Trường để giúp cho sinh viên sớm định hình rõ nét đặc thù nghề GV trong thực tiễn.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 3.1

Trường và Khoa Giáo dục cần điều chỉnh CTĐT theo hướng bổ sung thêm các kiến thức đại cương, kiến thức chuyên ngành và các kỹ năng nhằm giúp cho sinh viên đạt tốt hơn các CDR đã công bố.

Trường và Khoa Giáo dục cần cho sinh viên tham gia nhiều hơn các buổi kiến tập tại các Trường để giúp cho sinh viên sớm định hình rõ nét đặc thù nghề GV trong thực tiễn.

3. Mức đạt được của TC 3.1: Đạt (Mức 4/7).

TC 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Điểm mạnh TC 3.2

ĐCCT học phần trình bày đầy đủ các mục: thông tin chung về học phần, mô tả học phần, mục tiêu, CDR của học phần, tài liệu, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kế hoạch giảng dạy chi tiết, đánh giá kết quả học tập và thông tin GV, thể hiện đầy đủ nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện. ĐCCT học phần ngành GDTH đã mô tả mục tiêu của học phần tương đối rõ ràng về kiến thức và kỹ năng mà học phần sẽ trang bị cho SV. Tất cả các học phần đều có CDR riêng cho gắn kết với CDR của CTĐT ngành GDTH.

Nội dung của các học phần đều có sự tương thích với các khối kiến thức và thể hiện được sự đóng góp cụ thể vào thực hiện một hoặc một vài CDR của CTĐT (thể hiện trong ma trận mối tương quan giữa CDR của học phần với CDR của CTĐT).

ĐCCT học phần ngành GDTH đều có quy định về phương pháp giảng dạy, nhiệm vụ của SV và phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV; có ma trận tích hợp giữa CDR của học phần với phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá, cụ thể: phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá được phân chia tương ứng với mỗi CDR của học phần. Kết quả học tập của SV được đánh giá qua điểm thường xuyên, kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ với tỷ trọng xác định cụ thể. Các ĐCCT học phần phiên bản năm 2017 quy định rõ các nội dung đánh giá gồm: Đánh giá ý thức, thái độ học tập; hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...); Đánh giá định kỳ và Đánh giá kết thúc học phần. Trọng số đánh giá kết thúc học phần chỉ chiếm 50%

theo quy định tối thiểu trong Quy chế Đào tạo theo tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hằng năm, Khoa Giáo dục đã triển khai và báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, cụ thể: ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV, ý kiến của SV năm cuối, cựu SV và nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo, ý kiến của GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình dạy học để cải tiến, điều chỉnh và hoàn thiện CTDH ngành GDTH.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 3.2

2.1. Điểm tồn tại TC 3.2

Việc thiết kế các báo cáo môn học để đánh giá mức độ phù hợp, hiệu quả và khả năng đạt được CDR của SV của giảng viên phụ trách các học phần còn hạn chế.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 3.2

Giảng viên nên thiết kế các báo cáo môn học nhằm đánh giá được mức độ phù hợp và hiệu quả và khả năng đạt được CDR của SV theo môn học đã phụ trách.

3. Mức đạt được của TC 3.2: Đạt (Mức 4/7)

TC 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Điểm mạnh TC 3.3

Các học phần trong CTDH ngành GDTH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo tính thống nhất. Tỷ lệ giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp về cơ bản là hợp lý. CTDH ngành GDTH năm 2017 được thiết kế tổng cộng 125 tín chỉ và được thiết kế với cấu trúc tương đối hợp lý giữa các khối kiến thức, trong đó bao gồm 30 tín chỉ dành cho khối kiến thức đại cương (chiếm tỷ lệ 24%), 49 tín chỉ dành cho khối kiến thức cơ sở ngành (chiếm tỷ lệ 39,2%) và 46 tín chỉ thuộc khối kiến thức chuyên ngành (chiếm tỷ lệ 36,8%).

Các học phần trong CTDH ngành GDTH được sắp xếp theo trình tự: các khối kiến thức chung được trang bị đầu tiên, xây dựng các kỹ năng mềm cần thiết, đạo đức và ý thức của SV; sau đó là các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành; đây lại là nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức ngành nâng cao và khối kiến thức chuyên ngành. Trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao và đặc biệt, có tích hợp giữa lý thuyết với ứng dụng và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Ở các khung CTDH không quy định cụ thể các môn học tiên quyết, nhưng kế hoạch giảng dạy và đề cương chi tiết học phần có thể hiện các học phần học trước, đảm bảo trình tự hợp lý của các học phần, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

CTDH các học phần có nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Giáo trình và các tài liệu hỗ trợ dạy và học được nghiên cứu và chọn lựa cẩn thận từ các nhà xuất bản uy tín chuyên ngành trong và ngoài nước. Ngoài ra, hằng năm giảng viên đảm nhiệm các học phần có trách nhiệm rà soát và cập nhật nội dung giảng dạy phù hợp, đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung giảng dạy có sự chỉ đạo, giám sát chặt chẽ của Trường và Khoa GDTH. Nhiều giảng viên trong Khoa đã tham gia hoặc chủ biên biên soạn giáo trình một số học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Từ năm 2018, các học phần trong CTĐT mang tính tích hợp cao. CTDH được xây dựng theo CDR nên các môn học được tích hợp một cách hợp lý. Các kiến thức, kỹ năng và kỹ năng mềm cần thiết khác được lồng ghép trong các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành.

Hằng năm, Nhà trường và Khoa Giáo dục đã triển khai lấy ý kiến của người dạy, người học và nhà tuyển dụng về CTDH nhằm hoàn thiện hơn chương trình. Ngoài ra, còn có những nhận xét chương trình của chuyên gia đến từ các cơ sở có kinh nghiệm và uy tín đào tạo ngành GDTH hệ đại học.

Khoa đã tổ chức cho các Bộ môn họp, đánh giá nội dung các học phần trong chương trình đào tạo của ngành GDTH, đồng thời tiến hành rà soát, cải tiến theo ý kiến đóng góp của chuyên gia; thông qua hội đồng Khoa; hội đồng Nhà trường để xem xét, tiếp tục chỉnh sửa và hoàn thiện CTDH.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 3.3

2.1. Điểm tồn tại TC 3.3

CTĐT không thiết kế Khóa luận tốt nghiệp. Trong Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT, ngày 15/5/2014 của ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Bộ Giáo dục và Đào tạo có điều 24 quy định, cụ thể : Đầu học kỳ cuối khoá ; các sinh viên được đăng ký làm đồ án ; khóa luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn. Việc CTĐT ngành GDTH của Khoa không thiết kế Khóa luận tốt nghiệp làm giảm sự lựa chọn của SV và gây hạn chế một số năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 3.3

Khoa Giáo dục nên rà soát, xem xét việc bổ sung Khóa luận tốt nghiệp vào CTĐT, rà soát các học phần tự chọn đảm bảo tính khả thi, rà soát tên học phần đảm bảo bám sát nội hàm học phần, bố trí cân đối thời lượng giữa các học kỳ.

3. Mức đạt được của TC 3.3: Đạt (Mức 4/7)

Đánh giá chung Tiêu chuẩn 3

CTDH ngành GDTH phù hợp với CĐR, có khối lượng kiến thức toàn khoá là 125 tín chỉ (không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-An ninh), đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT. CTĐT ngành GDTH có tỷ lệ hợp lý giữa khối kiến thức giáo dục đại cương (24%), Khối kiến thức cơ sở ngành (39,2%), khối kiến thức bắt buộc chuyên ngành (36,8%) về cơ bản là hợp lý.

Bản mô tả CTDH, đề cương chi tiết học phần được rà soát, cập nhật và được công khai dưới nhiều hình thức, cụ thể Khoa Giáo dục đã công bố trên trang thông tin điện tử của Trường. Phương pháp dạy học trong CTDH ngành GDTH được thiết kế dựa trên CĐR và được phân chia theo đặc thù học phần gồm thuyết trình, thảo luận nhóm, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề, giao bài tập về nhà cho SV, thảo luận, semina, thực hành và thực tế.

Phương pháp dạy học của từng học phần được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần. Loại hình kiểm tra đánh giá gồm tự luận, thuyết trình báo cáo, bài tập lớn, tiểu luận, trắc nghiệm khách quan,... Phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá của các học phần trong CTĐT tương đối phù hợp, đã góp phần vào việc thực hiện và đo lường mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Trong chu kỳ kiểm định, Nhà trường đã 02 lần điều chỉnh lớn bản mô tả CTDH. Trong quá trình điều chỉnh đều lấy ý kiến của các bên liên quan, tham khảo CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước.

Bản mô tả CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR, đề cương chi tiết học phần trình bày đầy đủ các mục cần thiết, thể hiện đầy đủ nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện. Các ma trận thể hiện quan hệ giữa học phần và CĐR, thể hiện được các học phần có sự đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR. Các phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích với các hình thức giảng dạy và góp phần rèn luyện kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ tự và trách nhiệm của SV.

Qua phỏng vấn người sử dụng lao động có nhiều ý kiến cho rằng trong nội dung của CTDH cần bổ sung thêm các kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, để từ đó có thể phát huy tối đa kiến thức được đào tạo và phục vụ tốt công tác bán trú. Về kỹ năng thì các cựu sinh viên cho rằng cần bổ sung thêm các kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng phản biện, cho sinh viên tham gia nhiều hơn các buổi kiến tập tại các Trường để giúp cho sinh viên sớm định hình rõ nét đặc thù nghề GV trong thực tiễn. Việc thiết kế các báo cáo môn học để đánh giá mức độ phù hợp, hiệu quả và khả năng đạt được CĐR của SV của giảng viên phụ trách các học phần còn hạn chế và CTĐT không thiết kế Khóa luận tốt nghiệp. Trong Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT, ngày 15/5/2014 của ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Bộ Giáo dục và Đào tạo có điều 24 quy định: Đầu học kỳ cuối khoá; các sinh viên được đăng ký làm đồ án; khóa luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn. Việc CTĐT ngành GDTH không thiết kế

Khóa luận tốt nghiệp làm giảm sự lựa chọn của SV và gây hạn chế một số năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Trường và Khoa cần điều chỉnh CTĐT theo hướng bổ sung thêm các kiến thức đại cương, kiến thức chuyên ngành và các kỹ năng nhằm giúp cho sinh viên đạt tốt hơn các CDR đã công bố. Giảng viên nên thiết kế các báo cáo môn học nhằm đánh giá được mức độ phù hợp và hiệu quả và khả năng đạt được CDR của SV theo môn học mà mình phụ trách. Khoa cần rà soát, xem xét việc bổ sung Khóa luận tốt nghiệp vào CTĐT, các học phần tự chọn đảm bảo tính khả thi, tên học phần đảm bảo bám sát nội hàm học phần, bố trí cân đối thời lượng giữa các học kỳ.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học</i>		
1	Tiêu chí 3.1	4	
2	Tiêu chí 3.2	4	
3	Tiêu chí 3.3	4	

4. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

TC 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Điểm mạnh TC 4.1

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Vinh được ban hành theo Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV, ngày 30/12/2019 với nội dung “*Hợp tác – sáng tạo*”. Khoa Giáo dục đã xây dựng triết lý giáo dục của mình theo phương châm “*Hợp tác – sáng tạo*”, thể hiện phương châm đào tạo người học toàn diện cả chuyên môn và đạo đức.

Mục tiêu giáo dục cũng như TLGD được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau như: công bố trên trang thông tin điện tử của Trường, trên các pano trong khuôn viên trường và trong các tài liệu quảng bá về Trường; phổ biến cho CB, GV biết và cụ thể hóa trong mục tiêu của Khoa Giáo dục, thực hiện thông qua việc xây dựng CTĐT, ĐCCT học phần và các hoạt động khác. Mục tiêu giáo dục và TLGD của Trường được phổ biến, quán triệt cho SV năm thứ nhất trong tuần “*Giáo dục công dân*” vào đầu năm học mới hoặc qua các kênh hỗ trợ như: Đoàn Thanh niên, Hội SV, cố vấn học tập. Để giúp các bên liên quan, đặc biệt các bên liên quan ngoài Trường (các nhà tuyển dụng lao động, cựu người học, các tổ chức chính trị-xã hội) biết về

TLGD, Nhà trường và Khoa đã gửi phiếu xin ý kiến góp ý về mục tiêu và TLGD dự kiến của Trường. Sau khi ban hành văn bản chính thức, Trường đã đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của Trường.

Qua phỏng vấn cho thấy các giảng viên nắm được triết lý giáo dục của Trường, của Khoa và cố gắng hiện thực hóa triết lý giáo dục đó trong công tác giảng dạy hàng ngày.

Qua phỏng vấn cán bộ lãnh đạo khoa cho thấy khoa luôn chú trọng giáo dục phẩm chất đạo đức cho sinh viên thông qua các hoạt động tình nguyện, tư vấn cho cộng đồng.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 4.1

2.1. Điểm tồn tại TC 4.1

Qua phỏng vấn sinh viên cho thấy 12/19 sinh viên dự phỏng vấn một số sinh viên không biết đến triết lý giáo dục của Khoa và của Trường.

Qua nghiên cứu cuốn Cẩm nang sinh viên cũng cho thấy triết lý giáo dục của Khoa không được thể hiện trong cuốn Cẩm nang này.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 4.1

Khoa Giáo dục cần phổ biến thường xuyên triết lý giáo dục của Khoa và thường xuyên tổ chức các hoạt động hướng tới tuyên truyền cho triết lý giáo dục của Trường để sinh viên có được định hướng rèn luyện theo.

3. Mức đạt được của TC 4.1: Đạt (Mức 4/7)

TC 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Điểm mạnh TC 4.2

Các hoạt động dạy và học của CTĐH ngành GDTH được thiết kế và xây dựng nhằm đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. CTĐH ngành GDTH được xây dựng hướng đến việc giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic; có kỹ năng chuyên môn giảng dạy và giáo dục, kỹ năng mềm; năng động, sáng tạo; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập. Đề cương các học phần và đặc biệt Bản mô tả CTĐT ngành GDTH được ban hành năm 2017 thể hiện việc xây dựng tổ hợp các công nghệ dạy học/phương pháp giảng dạy đa dạng trong các hoạt động dạy học để đạt được CĐR. Qua phỏng vấn SV, cựu SV, GV của CTĐT và nghiên cứu các minh chứng cho thấy các hoạt động dạy và học có hình thức đa dạng, phong phú, hướng tới CĐR của CTĐT.

Nhà trường và Khoa Giáo dục đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo liên quan đến việc thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm giảng dạy để trao dồi kiến thức, cải tiến các vấn đề bất cập. Tất cả đề cương chi tiết các học phần của CTDH ngành GDTH thể hiện được nội dung thảo luận, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, bài tập lớn, thực hành, thực tập, hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời, lòng yêu nghề cho người học. Khi xây dựng, thiết kế CTDH và ĐCCT học phần, Khoa Giáo dục đã chú ý đến phần mô tả các phương pháp và hình thức dạy học theo hướng đa dạng hóa như: thuyết trình, trình chiếu, seminar, hoạt động nhóm, bài tập cá nhân, thực hành, thực tế, thực tập sư phạm, hướng dẫn NCKH. Mặt khác, các GV hướng dẫn SV sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu/học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức chuyên ngành và tích lũy được những kỹ năng cần thiết để đạt CĐR đã ban hành. Các thang đo năng lực được xác định tương ứng với các CĐR, trên cơ sở đó, ĐCCT xác định các hình thức, hoạt động dạy và học tương ứng, cụ thể: với các cấp độ CĐR ở mức hiểu biết, các hoạt động dạy học có thể bao gồm thuyết trình, trình chiếu; với CĐR ở mức độ phân tích, tổng hợp các hoạt động nhận diện và giải quyết vấn đề; các hoạt động dạy học vận não, giúp SV đạt được các CĐR yêu cầu về năng lực vận dụng hoặc sáng tạo.

Phương pháp dạy học, tài liệu và tác phong của GV được SV đánh giá cuối mỗi học kỳ. Kết quả phỏng vấn cho thấy GV và hầu hết người học hài lòng với tổ hợp công nghệ, phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT.

Qua phỏng vấn giảng viên cho thấy Khoa Giáo dục đã định kỳ tổ chức hội thảo trao đổi kinh nghiệm tương tác với sinh viên (1 năm 1 lần), nhằm cải thiện hiệu quả lĩnh hội kiến thức cho sinh viên. Một số học phần có thực hành đã chủ động hướng dẫn sinh viên thực hành tại các trường Tiểu học hoặc các trường có liên kết. Công tác đánh giá giảng viên được thực hiện thường xuyên. Khi kết thúc học phần Trung tâm Đảm bảo chất lượng phát phiếu phản hồi cho sinh viên, xử lý và chuyển kết quả đánh giá giảng viên cho Trường khoa. Trường khoa có trách nhiệm trao đổi riêng với giảng viên để cải thiện chất lượng giảng dạy. Kết quả điều tra cho thấy nhìn chung sinh viên đánh giá cao phương pháp sư phạm của các giảng viên.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 4.2

2.1. Điểm tồn tại TC 4.2

Qua phỏng vấn cựu sinh viên cho rằng chưa thích nghi với phương pháp đào tạo tiếp cận CDIO do thói quen học tập theo tiếp cận nội dung thay vì tiếp cận năng lực nên trong quá trình học tập còn thụ động, chưa phát huy hết năng lực.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 4.2

Khoa cần tổ chức các buổi tập huấn, tọa đàm chia sẻ phương pháp học tập đại học theo CDIO cho SV, hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch học tập, tự học và tự nghiên cứu.

3. Mức đạt được của TC 4.2: Đạt (Mức 4/7).

TC 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Điểm mạnh TC 4.3

Trong đề cương học phần của CTĐH ngành GDTH có ma trận liên kết giữa CĐR, PPDH và kiểm tra đánh giá kèm bản mô tả phương pháp kiểm tra, đánh giá ứng với các chương mục cụ thể của nội dung học phần. Với mỗi CĐR của học phần đều có hoạt động tổ chức dạy và học tương ứng, trong đó đã mô tả hình thức giảng dạy khá chi tiết như thuyết trình, đặt câu hỏi, hướng dẫn thảo luận nhóm, báo cáo thực tập,... Hoạt động học tập của SV cũng được mô tả trong đề cương học phần. Hoạt động tự học và thảo luận nhóm được quan tâm ở hầu hết các học phần, trong mỗi chương đều có phân bổ thời gian học lý thuyết, thực hành và tự học, ứng với mỗi CĐR đều có hoạt động học tập tương thích.

Tất cả các Đề cương chi tiết học phần đều có mục hướng dẫn cho sinh viên tự học, trong đó ở mỗi nội dung của học phần đều có hướng dẫn cho sinh viên đọc tài liệu (đọc sách nào, trang bao nhiêu). Với sự hỗ trợ của cổng thông tin học tập trực tuyến, các bài giảng, bài tập, các chia sẻ của SV khóa trước giúp cho SV khóa sau được bổ sung kinh nghiệm học tập, tăng khả năng hiểu biết ngoài sách vở và GV trên lớp. Ngoài ra, thông qua nhiều hình thức hoạt động khác nhau (NCKH SV; hoạt động ngoại khóa chuyên môn như: hội thảo khoa học,...; các hoạt động hỗ trợ khác), CTĐT của CTĐH ngành GDTH góp phần thúc đẩy tinh thần tự học và học tập suốt đời. Bên cạnh đó, một số SV có cơ hội NCKH, thông qua đó SV phát triển hơn khả năng tự nghiên cứu của bản thân. Trước khi bắt đầu giảng dạy mỗi học phần, các GV đều chủ động thông báo kế hoạch giảng dạy tới SV để SV có thể chủ động trong học tập và được đánh giá bằng một điểm quá trình. Tự học, tự nghiên cứu giúp SV chủ động học tập suốt đời, rèn luyện cho SV thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong nghề nghiệp, sáng tạo, tự tin hơn trong việc lựa chọn cuộc sống. Ngoài ra, thư viện của Trường có nguồn sách phong phú, tạo điều kiện thuận lợi cho GV, SV tham khảo, nghiên cứu và tự học.

GV được trực tiếp tham gia các tiểu ban xây dựng, thiết kế, rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT và ĐCCT học phần nên tất cả các GV đều hiểu và sử dụng thành thạo tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện, hình thành các kỹ năng cũng như nâng cao khả năng học tập sau khi tốt nghiệp. Cuối mỗi học kỳ, Trung

tâm ĐBCL triển khai khảo sát và báo cáo tổng hợp dữ liệu kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV.

Qua phỏng vấn sinh viên cho thấy, các giảng viên chủ động bố trí thời lượng trên lớp để xen kẽ giữa thuyết giảng là thời lượng dành cho sinh viên thuyết trình, thảo luận. Phỏng vấn người sử dụng lao động cho thấy, sinh viên tốt nghiệp khoa Giáo dục được đánh giá là có kiến thức và kỹ năng công việc tốt, có thái độ nghiêm túc và kỷ luật cao, năng động, có trình độ ngoại ngữ khá, có thể đảm nhận tốt các công việc được giao. Phỏng vấn cựu sinh viên cho thấy, hầu hết các giảng viên đều được đánh giá là có phương pháp sư phạm tốt, có chú trọng áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau và duy trì tốt tương tác với sinh viên.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 4.3

2.1. Điểm tồn tại TC 4.3

Qua phỏng vấn sinh viên cho thấy, sinh viên còn phàn nàn về một vài trường hợp giảng viên chưa công bằng trong ứng xử (phân biệt nam nữ, chưa cảm thông với các sinh viên tham gia công tác đoàn hội, ...).

Số lượng SV tham gia NCKH còn ít, chưa có SV làm khóa luận tốt nghiệp nên mục tiêu nâng cao được khả năng học tập suốt đời của người học còn hạn chế.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 4.3

Trường và Khoa GDTH cần tham khảo ý kiến đóng góp của sinh viên để kịp thời giúp giảng viên điều chỉnh hoạt động giảng dạy và kỹ năng tương tác với sinh viên.

Trường và Khoa GDTH cần tăng cường bố trí các nguồn lực như: đội ngũ GV, kinh phí, tài liệu nghiên cứu,... để tăng cường tỷ lệ SV NCKH và bố trí cho SV được lựa chọn khóa luận tốt nghiệp tùy khả năng và nguyện vọng.

3. Mức đạt được của TC 4.3: Đạt (Mức 4/7)

Đánh giá chung Tiêu chuẩn 4

Nhà trường đã ban hành văn bản chính thức công bố TLGD và phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan thông qua nhiều phương thức khác nhau. Các hoạt động dạy và học của CTDH được thiết kế nhằm đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

CTDH ngành GDTH được xây dựng hướng đến việc giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic; có kỹ năng chuyên môn giảng dạy và giáo dục, kỹ năng mềm; năng động, sáng tạo; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập. Đề cương các học phần ban hành năm 2017 thể hiện việc xây dựng tổ hợp các công nghệ dạy học, phương pháp giảng dạy đa dạng trong các hoạt động dạy học để đạt được CĐR.

Qua phỏng vấn sinh viên cho thấy, một số sinh viên không biết đến triết lý giáo dục của Khoa GDTH và của Trường. Qua nghiên cứu cuốn Cẩm nang sinh viên cũng cho thấy triết lý giáo dục của Khoa GDTH không được thể hiện trong cuốn Cẩm nang này. Qua phỏng vấn cựu sinh viên cho rằng chưa thích nghi với phương pháp đào tạo tiếp cận CDIO do thói quen học tập theo tiếp cận nội dung thay vì tiếp cận năng lực nên trong quá trình học tập còn thụ động, chưa phát huy hết năng lực. Qua phỏng vấn sinh viên cho thấy sinh viên còn phàn nàn về một vài trường hợp giảng viên chưa công bằng trong ứng xử (phân biệt nam nữ, chưa cảm thông với các sinh viên tham gia công tác đoàn hội, ...). Số lượng SV tham gia NCKH còn ít, chưa có SV làm khóa luận tốt nghiệp nên mục tiêu nâng cao được khả năng học tập suốt đời của người học còn hạn chế.

Khoa Giáo dục cần phổ biến thường xuyên triết lý giáo dục của Khoa và thường xuyên tổ chức các hoạt động hướng tới tuyên truyền cho triết lý giáo dục này để sinh viên có được định hướng rèn luyện theo. Khoa Giáo dục cần tổ chức các buổi tập huấn, tọa đàm chia sẻ phương pháp học tập đại học theo CDIO cho SV, hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch học tập, tự học và tự nghiên cứu. Trường và Khoa Giáo dục cần tham khảo ý kiến đóng góp của sinh viên để kịp thời giúp giảng viên điều chỉnh hoạt động giảng dạy và kỹ năng tương tác với sinh viên. Trường và Khoa Giáo dục cần tăng cường bố trí các nguồn lực như: đội ngũ GV, kinh phí, tài liệu nghiên cứu,... để tăng cường tỷ lệ SV NCKH và bố trí cho SV được lựa chọn khóa luận tốt nghiệp tùy khả năng và nguyện vọng.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học</i>		
1	Tiêu chí 4.1	4	
2	Tiêu chí 4.2	4	
3	Tiêu chí 4.3	4	

5. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

TC 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh TC 5.1

Việc đánh giá kết quả học tập được thể hiện trong Đề cương chi tiết học phần, theo phương thức kết hợp đồng đều đánh giá thường xuyên (suốt quá trình học tập: 10% chuyên cần thái độ, 20% điểm học hồ sơ học tập, 20% điểm thi giữa kỳ) và 50% thi kết thúc học phần. Đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện theo quy trình chặt chẽ ngay từ năm thứ 1 và áp dụng đối với tất cả các học phần. Nhà trường xây dựng hệ thống văn bản quy định việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, bao gồm: Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV, ngày 10/10/2017), Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐHV (Quyết định số 868/QĐ-ĐHV, ngày 02/4/2013), Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐHV (Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017), Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐHV (Quyết định số 991/QĐ-ĐHV, ngày 25/3/2014), Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần tại trường ĐHV (Quyết định số 132/QĐ-ĐHV, ngày 23/02/2017). Riêng công tác tuyển sinh được thực hiện theo đề án của từng năm. Kết quả học tập của SV được đánh giá sau từng học kỳ, dựa vào số tín chỉ mà SV đã tích lũy và điểm tích lũy các học phần. Bản mô tả CTDH, đề cương chi tiết các học phần có ma trận thể hiện rõ mức độ đạt được CĐR của CTĐT ngành GDTH và của từng học phần khi hoàn thành các học phần.

Sau khi trúng tuyển nhập học, SV được cung cấp đầy đủ thông tin về CĐR, CTĐT, quy định về kiểm tra đánh giá và được thực hiện theo mô tả tóm tắt của CTDH ngành GDTH trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, sổ tay SV, trang thông tin cá nhân của SV... Đối với từng học phần khác nhau, GV thông báo cho SV quy định về việc đánh giá người học và được công bố công khai trong đề cương môn học đã được Trường phê duyệt. Quy định đánh giá học phần được quy định rõ trong ĐCCT HP, nhằm đánh giá được CĐR học phần. Cùng với việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT, việc đánh giá kết quả học tập của người học được cải tiến nhiều. Từ năm 2015, 2016, trọng số điểm thi cuối kỳ liên tục giảm từ 70%, 60% đến 50%. Việc đánh giá quá trình rất được chú trọng, trọng số tăng dần và được chia nhỏ thành nhiều nhiệm vụ như Đánh giá ý thức, thái độ học tập, Hồ sơ học phần (bài tập, bài thu hoạch nhiệm vụ nhóm,...), kiểm tra giữa kỳ, đảm bảo đánh giá được cả quá trình học tập.

Đề cương các học phần trong CTĐT ngành GDTH nêu rõ về mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Các mục tiêu, yêu cầu của CTĐT ngành GDTH được xác định dựa trên các mức độ đáp ứng CĐR. Phương pháp kiểm tra đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm đối với đánh giá giữa kỳ; tự luận đối với đánh giá cuối kỳ và được quy định trong các đề cương chi tiết học phần. Các học phần đều có 2 ngân hàng

đề thi: Ngân hàng đề thi trắc nghiệm phục vụ kiểm tra giữa học phần và đề thi tự luận phục vụ thi cuối học phần. Các GV khi tham gia ra đề thi trắc nghiệm được trường hỗ trợ kinh phí.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 5.1

2.1. Điểm tồn tại TC 5.1

Sau một thời gian thực hiện Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV, ngày 10/10/2017), Trường chưa xem xét, rà soát Quy định để ban hành văn bản chính thức.

Qua phỏng vấn giảng viên cho thấy, khi việc đánh giá trong toàn bộ quá trình học được tăng cường bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm đối với đánh giá giữa kì; tự luận đối với đánh giá cuối kì và được quy định trong các đề cương chi tiết học phần khối lượng công việc của GV tăng lên nhiều hơn so với khối lượng được định mức theo quy định của Nhà Trường. Tuy nhiên, việc hỗ trợ cho công tác này còn hạn chế.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 5.1

Trường cần rà soát, xem xét ban hành Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (bỏ chức năng tạm thời).

Trường có thể hỗ trợ công tác ra đề thi, đánh giá quá trình bằng nhiều hình thức khác nhau như tính vào giờ giảng hoặc NCKH để khuyến khích GV làm việc có tính bền vững hơn.

3. Mức đạt được của TC 5.1: Đạt (Mức 5/7)

TC 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Điểm mạnh TC 5.2

Quy định đánh giá học phần: Trường đã ban hành 2 quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo, cụ thể: i) Quy định số 991/QĐ-ĐHV, ngày 25/3/2014; ii) Quy định số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) được Nhà trường triển khai, thông báo công khai tới SV. Đối với từng học phần cụ thể, việc kiểm tra đánh giá được nêu trong ĐCCT, và SV nhận được ĐCCT ngay sau khi đăng ký học phần, được GV phổ biến khi bắt đầu học phần. Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý điểm thi, đảm bảo việc quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác. Kết quả

các điểm thành phần và điểm học phần đều được thông báo cho SV biết thông qua tài khoản cá nhân.

Quy trình tổ chức thi được quy định số 991/QĐ/ĐHV, ngày 25/3/2014, sau khi thi tối đa 30 ngày, SV được báo kết quả thi qua tài khoản cá nhân của SV. Đến quy định số 132/QĐ-ĐHV, ngày 23/02/2017, số ngày được rút xuống còn 20 ngày. Nếu kết quả chưa tương xứng với bài làm, SV có quyền phản hồi bằng việc viết đơn đề nghị phúc khảo. Các vấn đề liên quan đến khiếu nại về điểm của SV được giải quyết kịp thời, không thấy có khiếu nại sau phúc khảo. Kết quả phỏng vấn SV và xem xét ý kiến phản hồi từ người học cho thấy hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần được giảng viên thông báo rõ ràng; phần lớn SV đánh giá hình thức, nội dung, thời gian kiểm tra và các tiêu chí đánh giá đều đáp ứng yêu cầu, người học được cung cấp đầy đủ thông tin. Các quy định tổ chức thi được công bố công khai trên website cho sinh viên được biết.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 5.2

2.1. Điểm tồn tại TC 5.2

Việc thông báo kết quả thi học phần được quy định tối đa 20 ngày là còn nhiều, gây khó khăn cho SV khi đăng ký học kỳ tiếp theo.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 5.2

Trường xem xét rút ngắn thời gian công bố kết quả thi học phần để đảm bảo việc SV đăng ký học học kỳ tiếp theo được thuận lợi.

3. Mức đạt được của TC 5.2: Đạt (Mức 4/7).

TC 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Điểm mạnh TC 5.3

Trường đã chú trọng thiết kế trọng số điểm đảm bảo đánh giá đồng đều cả quá trình học tập và đánh giá kết thúc học phần. Trong số điểm đánh giá thường xuyên chiếm 50% trọng số chung, trong đó bao gồm: 10% chuyên cần thái độ, 20% điểm học hồ sơ học tập, 20% điểm thi giữ kỳ). Điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 50%.

Hình thức thi và kiểm tra được thực hiện theo quy định trong đề cương chi tiết học phần của CTĐT ngành GDTH. Các phương pháp kiểm tra đánh giá ý thức SV, hồ sơ SV được GV sử dụng tương đối phong phú, gồm giao bài tập cá nhân, làm bài tập nhóm, vấn đáp,... Bài kiểm tra giữa kỳ được dùng hình thức trắc nghiệm trên máy tính, có số lượng câu hỏi là 30. Số lần kiểm tra giữa kỳ tùy thuộc vào khối lượng tín

chỉ mỗi học phần. Các bài thi cuối kỳ đa số sử dụng phương pháp tự luận. Mỗi học phần đều có 2 ngân hàng câu hỏi thi.

Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần. Trung tâm ĐBCL xây dựng kế hoạch thi, chọn và in sao đóng gói đề thi giao cho Khoa Giáo dục tổ chức coi thi, làm phách, chấm thi, lên điểm và nhập điểm thi, quy trình thực hiện theo đúng quy chế. Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng. Kết quả học tập của SV được nhập và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo. Ngoài ra, cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổng kết công tác tổ chức thi kết thúc học phần, tổng hợp ý kiến phản hồi của SV về CTĐT và hoạt động giảng dạy của GV qua đó xác định phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng và đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 5.3

2.1. Điểm tồn tại TC 5.3

Mức độ đánh giá của câu hỏi giữa kỳ chỉ gồm 3 mức: mức độ 1 (biết/nhớ), mức độ 2 (hiểu) và mức độ 3 (vận dụng) theo thang Bloom, chưa có các mức độ cao hơn (theo quy định 132/QĐ-ĐHV, ngày 23/02/2017).

Trong công tác tổ chức thi kết thúc học phần, trong các quy định về thi chưa có nội dung về công tác thanh tra độc lập.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 5.3

Trường nghiên cứu bổ sung các mức độ đánh giá của câu hỏi giữa kỳ, phù hợp với CDR của từng học phần; bổ sung nội dung thanh tra vào Quy định tổ chức thi.

3. Mức đạt được của TC 5.3: Đạt (Mức 4/7)

TC 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Điểm mạnh TC 5.4

Trường quy định (số 991/QĐ-ĐHV, ngày 25/4/2014) công bố điểm thi cho SV chậm nhất 30 ngày sau khi thi kết thúc học phần, sau đó giảm xuống chậm nhất 20 ngày sau khi thi kết thúc học phần (số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017). Việc công bố kết quả thi được thực hiện đúng quy định. Kết quả học tập của SV được công bố cho từng cá nhân thông qua cổng thông tin sinh viên. Kết quả học tập được thông báo chi tiết tới từng điểm thành phần theo đúng Đề cương học phần. Kết quả đánh giá quá

trình được công bố cho SV ngay sau khi kết thúc học, trước khi SV thi kết thúc học phần.

Thông qua phần mềm quản lý đào tạo, cố vấn học tập nắm vững kết quả học tập của SV, có cảnh báo kết quả học đối với những SV có kết quả học tập kém để có phương án học tập tích cực nhằm hoàn thành CTĐT đúng thời gian cho phép, đồng thời Trường tạo điều kiện để SV học lại học học thêm trong học kỳ hè. Trường cũng có quy định về học cải thiện điểm để SV đạt kết quả học tập tốt nhất.

Qua kiểm tra xác suất một số học phần cho thấy việc chấm thi và lên điểm đảm bảo đúng thời hạn quy định (trong vòng 20 ngày). Ví dụ: Học phần Múa, lớp K58A2_GDMN thi HK2 năm học 2018 - 2019, văn phòng Khoa Giáo dục nhập điểm ngày 29/06/2019, Học phần phát triển chương trình giáo dục tiểu học, lớp K57 CS1 thi ngày 27/12/2019, văn phòng Khoa Giáo dục nhập điểm ngày 14/01/2020.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 5.4

2.1. Điểm tồn tại TC 5.4

Phần mềm quản lý, thông báo điểm đôi khi còn quá tải, gây khó khăn cho SV trong việc tra cứu, phản hồi kết quả học tập.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 5.4

Trường nâng cấp phần mềm, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của SV và phát huy hiệu quả của công nghệ.

3. Mức đạt được của TC 5.4: Đạt (Mức 4/7)

TC 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Điểm mạnh TC 5.5

Người học được phổ biến qua Quy định số 1262, ngày 13/11/2017 về công tác tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường ngay từ những ngày đầu nhập học, trong đó có Điều 17 của quy định về quyền về kiểm tra, điều chỉnh kết quả đánh giá học phần của người học.

Quy định phúc khảo điểm thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong quyết định số 300/QĐ-ĐHV, ngày 24/04/2018, trong đó có Điều 28 của quy định về sinh viên chưa có điểm thi hoặc đề nghị xem lại kết quả chấm thi học phần. Sinh viên có nhu cầu phúc khảo sẽ nộp đơn cho bộ phận một cửa. Bộ phận một cửa thực hiện các nhiệm vụ theo Khoản 1, Điều 5, Chương 2 của quy chế này và bàn giao cho Trung tâm ĐBCL trong ngày. Trung tâm ĐBCL tổ chức kiểm tra, xử lý và trả kết quả cho Bộ phận một cửa chậm nhất là 20 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn nộp đơn phúc khảo.

Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức tuần sinh hoạt công dân – HSSV cho các khóa có nêu các vấn đề liên quan đến đào tạo theo hệ thống tín chỉ; công tác thi, kiểm tra, đánh giá quá trình học tập và điều kiện để tốt nghiệp của sinh viên.

Qua nghiên cứu số khiếu nại của sinh viên cho thấy số lượng sinh viên khiếu nại điểm thi không nhiều (có 111 trường hợp trong giai đoạn 2016 -2020).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 5.5

2.1. Điểm tồn tại TC 5.5

Nhà trường chưa công khai đáp án chấm thi cuối kì để SV tự đối chiếu với bài thi và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập, tránh khiếu kiện.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 5.5

Nhà trường nên công khai đáp án chấm thi cuối kì để SV tự đối chiếu với bài thi và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập, tránh khiếu kiện.

3. Mức đạt được của TC 5.5: Đạt (Mức 4/7)

Đánh giá chung Tiêu chuẩn 5

Nhà trường ban hành đầy đủ các văn bản liên quan đến công tác kiểm tra đánh giá. Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy định về hoạt động kiểm tra đánh giá vào các năm 2014, 2017. Để đánh giá kết quả học tập của SV ngành GDTH, Khoa Giáo dục đã thiết kế các phương pháp và công cụ để đánh giá mức độ đạt được CDR của SV ở các mức độ theo thang Bloom. Kết quả học tập của SV đối với mỗi học phần đều được đánh giá thông qua điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi kết thúc học phần với các hình thức khác nhau.

Việc đánh giá quá trình được chú trọng, với trọng số điểm đánh giá quá trình liên tục tăng từ 30% lên 40% và 50% trong các năm 2015, 2016, 2017. Quy trình và kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ ràng và công bố công khai. Mỗi học phần đều có 2 ngân hàng đề thi: Ngân hàng đề thi trắc nghiệm phục vụ kiểm tra giữa học phần và đề thi tự luận phục vụ thi cuối học phần. Công tác tổ chức thi được thực hiện tốt.

Nhà trường quy định rõ ràng cơ chế phản hồi điểm thi kết thúc học phần. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) được Nhà trường triển khai, thông báo công khai tới SV. Trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo đảm bảo tính khoa học, chính xác cao.

Tuy nhiên, sau một thời gian thực hiện Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV, ngày

10/10/2017), Trường chưa xem xét, rà soát Quy định để ban hành văn bản chính thức. Khi việc đánh giá quá trình được tăng cường, khối lượng công việc của GV tăng lên nhiều. Trường đã hỗ trợ GV phần mềm để theo dõi đánh giá quá trình học và thi trắc nghiệm giữa kỳ. Tuy nhiên, việc hỗ trợ cho công tác này còn hạn chế. Việc thông báo kết quả thi học phần được quy định tối đa 20 ngày là còn nhiều, gây khó khăn cho SV khi đăng ký học kỳ tiếp theo. Mức độ đánh giá của câu hỏi giữa kỳ chỉ gồm 3 mức: mức độ 1 (biết/nhớ), mức độ 2 (hiểu) và mức độ 3 (vận dụng) theo thang Bloom, chưa có các mức độ cao hơn (theo quy định 132/QĐ-ĐHV, ngày 23/02/2017). Trong công tác tổ chức thi kết thúc học phần, trong các quy định về thi chưa có nội dung về công tác thanh tra độc lập. Phần mềm quản lý, thông báo điểm đôi khi còn quá tải, gây khó khăn cho SV trong việc tra cứu, phản hồi kết quả học tập. Nhà trường chưa công khai đáp án chấm thi cuối kì để SV tự đối chiếu với bài thi và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập, tránh khiếu kiện.

Trường và Khoa rà soát, xem xét ban hành Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (bỏ chức tạm thời). Trường có thể hỗ trợ công tác ra đề thi, đánh giá quá trình bằng nhiều hình thức khác nhau như tính vào giờ giảng hoặc NCKH để khuyến khích GV làm việc có tính bền vững hơn. Trường xem xét rút ngắn thời gian công bố kết quả thi học phần để đảm bảo việc SV đăng ký học kỳ tiếp theo được thuận lợi. Trường nghiên cứu bổ sung các mức độ đánh giá của câu hỏi giữa kỳ, phù hợp với CDR của từng học phần; bổ sung nội dung thanh tra vào Quy định tổ chức thi. Trường nâng cấp phần mềm, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của SV và phát huy hiệu quả của công nghệ. Nhà trường nên công khai đáp án chấm thi cuối kì để SV tự đối chiếu với bài thi và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học</i>		
1	Tiêu chí 5.1	5	
2	Tiêu chí 5.2	4	
3	Tiêu chí 5.3	4	
4	Tiêu chí 5.4	4	
5	Tiêu chí 5.5	4	

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh TC 6.1

Dựa trên Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Vinh (2015) và các Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2011-2020 (2011), Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030 (2018), Nhà trường/Khoa đã có kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV thực hiện chương trình đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Hiện nay, đội ngũ GV trong Khoa GD được quy hoạch theo 5 bộ môn: Tâm lý học, Giáo dục học, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Quản lý Giáo dục. Tổng số CB tham gia đào tạo ngành GDTH có 37 GV và 2 chuyên viên. Hiện độ tuổi bình quân của CB là 42,15; số CB giảng dạy đạt trình độ Tiến sĩ là 20 (chiếm 54%); đang làm NCS là 04 (10,25%). GV cao cấp có số lượng là 04 (chiếm tỷ lệ 10,8%); số lượng GV chính là 10 (chiếm tỷ lệ 27%).

Nguồn tuyển sinh của ngành SPTH ngày càng phát triển. Năm 2015 tuyển mới được 130 SV (có 34 GV gồm 3 PGS, 08 TS, 20 ThS), năm 2019 tuyển được 245 SV (có 38 GV gồm 4 PGS, 11 TS, 21 ThS). Ngoài đội ngũ cơ hữu, Khoa còn có sự hợp tác của các GV có phẩm chất và năng lực từ các đơn vị khác trong và ngoài Trường.

Để đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng dạy cho công tác đào tạo, trong thời gian 5 năm vừa qua, Khoa luôn chú ý công tác tuyển dụng và bồi dưỡng GV trẻ. Những CB mới tuyển dụng luôn được BCN Khoa và Bộ môn quan tâm bồi dưỡng, đặc biệt là bồi dưỡng nâng cao chuyên môn đáp ứng yêu cầu giảng dạy của CTĐT.

Trong giai đoạn 2015-2019, CB-GV Ngành SPTH đã thực hiện hoặc tham gia thực hiện 01 đề tài NCKH cấp Nhà nước, 06 đề tài NCKH cấp Bộ, 37 đề tài NCKH cấp trường; xuất bản 23 giáo trình, 08 sách chuyên khảo, 02 sách tham khảo; công bố 30 bài báo quốc tế, 207 bài báo trong nước, 98 bài báo cấp trường.

Dựa trên KHCL của Trường, Khoa đã có Chiến lược phát triển Khoa GD giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2035. Qua đó, xác định mục tiêu chung là “Xây dựng và phát triển Khoa Giáo dục thành đơn vị đi đầu và tiên phong của Trường ĐH Vinh trong hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và đào tạo, bồi dưỡng GV, CB quản lý giáo dục” với nhiều mục tiêu cụ thể và giải pháp thực hiện.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 6.1**2.1. Điểm tồn tại TC 6.1**

Việc tuyển dụng, bổ sung CB của một số bộ môn trong Khoa chưa đạt chỉ tiêu được Nhà trường phê duyệt hàng năm. Số GV cơ hữu vẫn còn có người chưa đáp ứng yêu cầu tối thiểu về trình độ chuyên môn theo quy định. Hiện tại vẫn còn 02 GV chỉ có trình độ đại học.

Năng lực sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh giao tiếp) của GV ngành GD Tiểu học còn hạn chế, chưa phát huy tốt trong quan hệ quốc tế để phục vụ cho công tác liên kết trong đào tạo và NCKH, CGCN.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 6.1

Nhà trường/ Khoa cần hoàn chỉnh công tác dự báo về khả năng đào tạo của đơn vị để tiếp tục hoàn thiện đề án bồi dưỡng năng lực GV; chú trọng bổ sung GV có năng lực và NCV để phát huy năng lực NCKH & CGCN của đơn vị mạnh hơn nữa. Cần sớm tổ chức các nhóm nghiên cứu mạnh.

Nhà trường và Khoa GD cần bồi dưỡng, nâng cao năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ cho GV ngành SPTH để giúp tăng cường khả năng hợp tác đối ngoại trong ĐT, NCKH.

3. Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh TC 6.2

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, BCN Khoa đã xây dựng lộ trình phát triển cán bộ trong 5 năm, chú trọng đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi, dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng cán bộ sắp nghỉ hoặc đã nghỉ hưu. Tỷ lệ GV/SV trong 5 năm qua trung bình là 1 GV/6 SV tính theo chỉ tiêu tuyển hằng năm và 1 GV/21,85 SV theo tổng số SV đang theo học (Ngành GDTH hiện có 381 SV), chưa tính GV các bộ môn chung. Tỷ lệ này giúp Khoa đảm bảo duy trì được chất lượng đào tạo và phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT.

Nhà trường/ Khoa có đầy đủ hồ sơ năng lực của GV và đã ban hành kế hoạch cũng như thực hiện bài bản công tác đào tạo nâng cao chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho toàn thể CB, GV (Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giảng viên giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1586/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016)

Căn cứ trên Bản mô tả vị trí việc làm của GV và sự phân công cụ thể của BCN Khoa hằng năm, cùng Quy chế chỉ tiêu nội bộ (quyết định số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016) tất cả GV đều được giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành công việc được giao, bao gồm cả công tác ĐT, NCKH và PVCD.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 6.2

2.1. Điểm tồn tại TC 6.2

Mặc dù tỷ lệ GV/SV của Ngành GDTH hiện nay đúng quy định, trong những năm qua, việc tuyển dụng GV trẻ để bồi dưỡng lực lượng kế cận của Khoa vẫn chưa đạt kế hoạch đề ra, có thể dẫn đến mất cân đối về tỉ lệ này trong những năm tới.

Bản mô tả vị trí việc làm của GV, NV chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 6.1

Trường / Khoa cần có kế hoạch cụ thể hơn nữa trong tuyển dụng GV trẻ để đảm bảo độ tuổi theo quy định của Bộ GD&ĐT cũng như kế hoạch phát triển đội ngũ mà đơn vị đã ban hành.

Khoa cần hoàn chỉnh Bản mô tả vị trí việc làm của GV, NV để sớm được phê duyệt, làm cơ sở để tuyển dụng, bồi dưỡng cán bộ cho đơn vị.

3. Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Điểm mạnh TC 6.3

Căn cứ KHCL giai đoạn 2015-2020 và các văn bản liên quan, Nhà trường đã sớm ban hành Kế hoạch phát triển đội ngũ GV giai đoạn 2016 – 2020 (Số 1586/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016), Khoa GD cũng có Chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ giai đoạn 2015-2020 của riêng mình. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển cũng như các chính sách về nhân sự khác đều được Trường/ Khoa phổ biến và thông báo công khai bằng văn bản giấy và trên Trang thông tin điện tử của Trường. Trong 5 năm (2015-2019) Khoa GD đã tuyển mới được 07 GV trong khi đó có 01 GV nghỉ hưu.

Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (Giảng viên chính, Phó giáo sư, Giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trường/Phó Bộ môn do Nhà trường quy định, trong đó, nhấn mạnh đến các tiêu chuẩn, tiêu chí về công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm Lãnh đạo khoa còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý của Khoa và Nhà trường.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 6.3

2.1. Điểm tồn tại TC 6.3

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website, nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, kết quả là số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng còn ít.

Việc tuyển dụng và quy hoạch CB chưa thật chú trọng đến nhân tố nòng cốt cho các Tổ/ Nhóm NCKH, CGCN mạnh.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 6.3

Thông tin về tuyển dụng GV cần được thông báo rộng rãi và có kế hoạch chu đáo hơn nữa để có thể thu hút nhiều đối tượng tham gia.

Trường và Khoa cần quan tâm đến xây dựng các tổ, nhóm nghiên cứu mạnh; tuyển dụng hoặc điều chuyển GV có năng lực nghiên cứu làm nòng cốt phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh để phát huy công tác NCKH và CGCN như một thể mạnh của đơn vị.

3. Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Điểm mạnh TC 6.4

CB, GV của Khoa, ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn về bằng cấp chuyên môn theo quy định hiện hành Nhà trường/ Khoa còn yêu cầu phải được bồi dưỡng, nâng cao về nghiệp vụ và các kỹ năng hỗ trợ cần thiết để có thể đảm bảo giúp SV đạt được CDR mà Nhà trường đã công bố. Sau nhiều khóa học bồi dưỡng, hiện nay 100% GV của Khoa có chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm giảng dạy đại học, chứng chỉ Công nghệ thông tin, chứng chỉ Ngoại ngữ, chứng chỉ An ninh quốc phòng, chứng chỉ Trình độ lý luận chính trị (phù hợp với từng loại đối tượng) đạt chuẩn quy định.

Năng lực của GV không những phải được thể hiện qua bằng cấp, chứng chỉ theo quy định mà Trường/ Khoa còn yêu cầu thể hiện qua thực thi trách nhiệm được phân công. Cuối từng học kỳ hoặc khi kết thúc năm học GV được yêu cầu tự nhận xét theo hướng dẫn của Trường (Quy định về đánh giá xếp loại cán bộ, viên chức Số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017 và các văn bản liên quan khác) và được đồng nghiệp trong Tổ bộ môn/ Khoa nhận xét, bình bầu, đánh giá.

Việc đánh giá năng lực của GV còn được xem xét ở góc độ ý kiến của người học. Cuối mỗi HK và khi kết thúc năm học Trường đều có Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV.

Qua khảo sát ý kiến của người học do Trường tiến hành hằng năm GV Khoa GD và cụ thể là GV thuộc ngành GDTH được đánh giá rất cao về năng lực giảng dạy và NCKH, nhiều GV được tặng danh hiệu thi đua bậc cao về thành tích giảng dạy và NCKH. Kết quả khảo sát của Đoàn ĐGN đối với SV và Cựu SV cũng cho thấy mức độ hài lòng rất cao của họ đối với GV của Khoa.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 6.4

2.1. Điểm tồn tại TC 6.4

Khoa vẫn còn thiếu bộ công cụ đánh giá năng lực GV phù hợp. Bảng câu hỏi về nhận xét của người học đối với GV cuối mỗi học kỳ hoặc khi kết thúc năm học chưa được cải tiến và chưa được thống kê, phân tích sâu để góp phần đánh giá chính xác hơn, toàn diện hơn về năng lực của từng GV.

Năng lực sử dụng ngoại ngữ để giao tiếp đối ngoại quốc tế cũng như để liên kết NCKH với đối tác nước ngoài của GV Khoa GD chưa được thật sự chú trọng.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 6.1

Khoa cần sớm hoàn thiện bộ công cụ đánh giá năng lực GV. Việc lấy ý kiến đánh giá GV thông qua nhận xét của người học cần được tiến hành định kỳ với bảng hỏi được cải tiến phù hợp. Kết quả khảo sát cần được phân tích sâu sắc để làm cơ sở cho cải tiến các biện pháp hoặc chính sách nâng cao năng lực GV.

Nhà trường cần có kế hoạch và thực hiện mạnh mẽ hơn trong việc nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ của GV để có khả năng giao tiếp tốt với đồng nghiệp nước ngoài.

3. Mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Điểm mạnh TC 6.5

Trên cơ sở KHCL phát triển ĐH Vinh giai đoạn 2015-2020 cùng với Chiến lược phát triển Khoa GD, Trường và Khoa đã rất quan tâm đến việc xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV đồng thời triển khai thực hiện theo kế hoạch đã thông báo. Nhiều văn bản liên quan đến quy định và trách nhiệm nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của GV đã được ban hành, đặc biệt là năng lực thực thi Chương trình giáo dục đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 747/QĐ-ĐHV Ngày 27/4/2017).

Nhà trường đã triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GV. Và từ đó, đã xây dựng kế hoạch đồng thời triển khai thực hiện

đào tạo bồi dưỡng hàng trăm lượt cho GV. (Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giảng viên giai đoạn 2016-2020, Số 1586/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016)

Hiện nay, ngoài việc đăng ký theo học các khóa đào tạo dài hạn để có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ (mỗi năm từ 5 đến 10 người), đội ngũ GV của Khoa luôn có nhu cầu được đào tạo và phát triển về chuyên môn. Trong thời gian qua, GV của Khoa luôn chủ động đề nghị được tham gia các lớp nâng cao năng lực ngoại ngữ, năng lực sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Các khóa tập huấn về nghiệp vụ GV, về đổi mới trong GD&ĐT, đổi mới chương trình Giáo dục phổ thông do Trường Đại học Vinh, Bộ GD&ĐT tổ chức.

Trường/ Khoa có chính sách khen thưởng cho các GV có thành tích trong học tập nâng cao trình độ chuyên môn: thi đạt chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế, bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ, được công nhận học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư,...(Phụ lục 8 quy chế chi tiêu nội bộ kèm theo quyết định số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016)

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 6.5

2.1. Điểm tồn tại TC 6.5

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV tuy được giám sát, đánh giá hằng năm., nhưng vẫn còn một số kế hoạch bồi dưỡng chưa được tổ chức đúng hạn..

Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của GV tuy đã được lấy ý kiến nhưng chưa được phân tích một cách đầy đủ và tổ chức kịp thời, hiệu quả, thỏa mãn được mong đợi của GV, NV.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 6.5

Nhà trường/ Khoa cần phân tích sâu sắc nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng sau khi lấy ý kiến của GV để có thể tổ chức kịp thời và hiệu quả theo như mong đợi của GV.

Việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho GV cần được căn cứ trên yêu cầu thực tiễn của nhiệm vụ mà đơn vị được giao, ở đây là nhiệm vụ đào tạo đội ngũ giáo viên tiểu học có đủ phẩm chất của thời đại 4.0 và hội nhập toàn cầu.

3. Mức đạt được của TC 6.5: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh TC 6.6

Khoa GD đã phân công nhiệm vụ cho GV theo Bản mô tả vị trí việc làm và yêu cầu thực tiễn của đơn vị.

Vào cuối mỗi năm học, Khoa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo Quy chế về khen thưởng, kỷ luật và Hướng dẫn của Nhà trường (Quyết định ban hành quy định đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức Trường ĐH Vinh, số 929/QĐ-ĐHV ngày 24 tháng 8 năm 2017) với những quy định cụ thể như: GV chỉ đạt dưới 60 điểm là không hoàn thành nhiệm vụ, từ 60-69 điểm là hoàn thành nhiệm vụ, 70- 89 điểm: lao động tiên tiến và chiến sĩ thi đua khi đạt 90-100 điểm. Các hình thức thi đua khen thưởng được công bố công khai trong Quy chế hoạt động của Khoa và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Kết quả xếp loại thi đua được làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ

Nhà trường có quy định rất cụ thể về nhiệm vụ giảng dạy và NCKH đối với GV theo chức danh cụ thể, ngoài việc giảng dạy đủ giờ chuẩn theo định mức, GV còn phải có các công trình NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

Nhà trường cũng có quy định khen thưởng đối với các công trình khoa học đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành có chỉ số trích dẫn cao, với các mức thưởng từ 3.000.000 đ đến 10.000.000 đ/công trình (Quy chế chi tiêu nội bộ trường ĐH Vinh ban hành theo quyết định Số 3658/QĐ-ĐHV ngày 30/10/2015, số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016)

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được đánh giá là được triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong CB, GV. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động PVCD của GV trong Khoa.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 6.6

2.1. Điểm tồn tại TC 6.6

Việc quản trị nhằm tăng cường sự phối hợp nghiên cứu, đăng tải các công trình nghiên cứu chung trên các tạp chí, nhà xuất bản có uy tín giữa các GV cùng bộ môn và với các GV của các tổ bộ môn khác trong Khoa chưa mang lại hiệu quả như mong muốn

Các công trình của GV trong Khoa được đăng tải trên các Tạp chí ISI, Scopus còn rất ít, chưa tương xứng với năng lực của đội ngũ GV.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 6.6

Nhà trường cần thúc đẩy hoạt động của các nhóm nghiên cứu, có cơ chế khuyến khích hiệu quả hoạt động NCKH và CGCN của GV và các nhóm nghiên cứu.

Khoa và Trường nên đưa kết quả NCKH của GV vào quy định xếp loại GV cuối năm.

3. Mức đạt được của TC 6.6: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh TC 6.7

Tại ĐH Vinh ngành GDTH là ngành đào tạo mang tính thực nghiệm và ứng dụng cao, do đó, GV trong Khoa có phong trào NCKH cấp Trường khá mạnh. Trong giai đoạn 2015-2019, CB, GV ngành SP Tiểu học đã thực hiện hoặc tham gia thực hiện: 01 đề tài NCKH cấp Nhà nước, 06 đề tài NCKH cấp Bộ, 37 đề tài NCKH cấp trường; xuất bản 23 giáo trình, 08 sách chuyên khảo, 02 sách tham khảo; công bố 30 bài báo quốc tế, 207 bài báo trong nước, 98 bài báo cấp trường.

Hoạt động nghiên cứu của GV được quy đổi sang giờ NCKH theo quy định đối với từng chức danh công tác. Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV luôn được giám sát, đánh giá chất lượng bởi Hội đồng K&ĐTH của Khoa/ Trường. Số giờ NCKH theo quy định của Nhà trường được tính theo hệ số lương như sau:

Giảng viên có hệ số lương ≥ 6.2 thì định mức giờ NCKH được quy định là 315 giờ, ≥ 5.76 : 260, ≥ 4.40 : 220, ≥ 4.32 : 200, ≥ 3.33 : 175, ≥ 2.34 : 165. Tất cả GV trong khoa đều hoàn thành vượt mức giờ chuẩn NCKH.

GV ngành GDTH nói riêng và toàn trường nói chung được tham gia vào xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc. Các quy định về quản lý hoạt động NCKH của CB, tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả NCKH đều được phòng KH&HTQT dự thảo, lấy ý kiến GV và các nhà nghiên cứu toàn trường, điều chỉnh, sửa chữa, sau đó, mới ban hành và áp dụng.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 6.7

2.1. Điểm tồn tại TC 6.7

Khoa chưa có đề tài nghiên cứu cấp Tỉnh, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế. Số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế còn ít.

Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường và ngoài trường còn chưa phong phú.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 6.7

Khoa cần tập trung chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển Khoa GD thông qua việc hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh trong Khoa, mở rộng các nhóm nghiên cứu kết hợp với các đối tác ngoài Khoa/ Trường.

Trường/ Khoa nên tổ chức một số hội thảo chuyên ngành để GV có cơ hội tham gia đồng thời khẳng định năng lực của Khoa trong tổ chức hoạt động NCKH và PVCD.

3. Mức đạt được của TC 6.7: Đạt (Mức 4/7)

Đánh giá chung Tiêu chuẩn 6:

Nhà trường/ Khoa đã có kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV thực hiện chương trình đáp ứng tốt nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCD. Hiện nay tham gia đào tạo ngành GDTH có 37 GV và 2 chuyên viên. Ngoài ra, Khoa còn có sự hợp tác của các GV có phẩm chất và năng lực từ các đơn vị khác trong và ngoài Trường. Dựa trên KHCL của Trường, Khoa đã có Chiến lược phát triển Khoa GD giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2035. Qua đó, xác định mục tiêu chung là “Xây dựng và phát triển Khoa Giáo dục thành đơn vị đi đầu và tiên phong của Trường ĐH Vinh trong hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và đào tạo, bồi dưỡng GV, CB quản lý giáo dục” với nhiều mục tiêu cụ thể và giải pháp thực hiện. Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (Giảng viên chính, Phó giáo sư, Giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng/Phó Bộ môn do Nhà trường quy định, trong đó, nhấn mạnh đến các tiêu chuẩn, tiêu chí về công tác giảng dạy, NCKH. CB, GV của Khoa, ngoài việc đáp ứng các tiêu chuẩn về bằng cấp chuyên môn theo quy định hiện hành còn phải tham gia bồi dưỡng, nâng cao về nghiệp vụ và các kỹ năng hỗ trợ cần thiết để có thể đảm bảo giúp SV đạt được CĐR mà Nhà trường đã công bố. Hiện nay 100% GV của Khoa có chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm giảng dạy đại học, chứng chỉ Công nghệ thông tin, chứng chỉ Ngoại ngữ, chứng chỉ An ninh quốc phòng, chứng chỉ Trình độ lý luận chính trị (phù hợp với từng loại đối tượng) đạt chuẩn quy định. Nhà trường có quy định rất cụ thể về nhiệm vụ giảng dạy và NCKH đối với GV theo chức danh cụ thể, ngoài việc giảng dạy đủ giờ chuẩn theo định mức, GV còn phải có các công trình NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

Tuy nhiên, việc tuyển dụng, bổ sung CB của một số bộ môn trong Khoa chưa đạt chỉ tiêu được Nhà trường phê duyệt hàng năm. Số GV cơ hữu vẫn còn có người chưa đáp ứng yêu cầu tối thiểu về trình độ chuyên môn theo quy định. Hiện tại vẫn còn 02 GV chỉ có trình độ đại học. Năng lực sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh giao tiếp) của GV ngành GD Tiểu học còn hạn chế, chưa phát huy tốt trong quan hệ quốc tế để phục vụ cho công tác liên kết trong đào tạo và NCKH, CGCN. Việc tuyển dụng và quy hoạch CB chưa thật chú trọng đến nhân tố nòng cốt cho các Tổ/Nhóm NCKH, CGCN mạnh. Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV tuy được giám sát, đánh giá hằng năm., nhưng vẫn còn một số kế hoạch bồi dưỡng chưa được tổ chức đúng hạn. Các công trình của GV trong Khoa được đăng tải trên các Tạp chí ISI, Scopus còn rất ít. Khoa chưa có đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế.

Nhà trường/Khoa cần hoàn chỉnh công tác dự báo về khả năng đào tạo của đơn vị để tiếp tục hoàn thiện đề án bồi dưỡng năng lực GV; chú trọng bổ sung GV có năng

lực và NCV để phát huy năng lực NCKH &CGCN của đơn vị. Nhà trường và Khoa GD cần bồi dưỡng, nâng cao năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ cho GV ngành SPTH để giúp tăng cường khả năng hợp tác đối ngoại trong ĐT, NCKH. Trường / Khoa cần có kế hoạch cụ thể hơn nữa trong tuyển dụng GV trẻ để đảm bảo độ tuổi theo quy định của Bộ GD&ĐT cũng như kế hoạch phát triển đội ngũ mà đơn vị đã ban hành. Trường và Khoa cần quan tâm đến xây dựng các tổ, nhóm nghiên cứu mạnh; tuyển dụng hoặc điều chuyển GV có năng lực nghiên cứu làm nòng cốt phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh để phát huy công tác NCKH và CGCN như một thế mạnh của đơn vị. Việc lấy ý kiến đánh giá GV thông qua nhận xét của người học cần được tiến hành định kỳ với bảng hỏi được cải tiến phù hợp. Kết quả khảo sát cần được phân tích sâu sắc để làm cơ sở cho cải tiến các biện pháp hoặc chính sách nâng cao năng lực GV. Khoa cần tập trung chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển Khoa GD thông qua việc hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh trong Khoa, mở rộng các nhóm nghiên cứu kết hợp với các đối tác ngoài Khoa/ Trường. Trường/ Khoa nên tổ chức một số hội thảo chuyên ngành để GV có cơ hội tham gia đồng thời khẳng định năng lực của Khoa trong tổ chức hoạt động NCKH và PVCD.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên</i>		
1	Tiêu chí 6.1	4	
2	Tiêu chí 6.2	4	
3	Tiêu chí 6.3	4	
4	Tiêu chí 6.4	4	
5	Tiêu chí 6.5	5	
6	Tiêu chí 6.6	4	
7	Tiêu chí 6.7	4	

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh TC 7.1

Theo Đề án tái cấu trúc Trường ĐHV (số 04/ĐA-ĐHV ngày 31/3/2017), đội ngũ viên chức hỗ trợ được dự báo, xác định nhu cầu trong cơ cấu tổ chức của Khoa, mỗi ngành có 01 Trợ lý đào tạo, 01 Trợ lý Quản lý SV, các CVHT được phân bổ theo số lượng SV, cán bộ văn phòng được bố trí theo quy mô của Khoa để đảm bảo hiệu quả các hoạt động. Trong Đề án vị trí việc làm của Trường (Quyết định số 1217/QĐ-ĐHV ngày 14/12/2018) xác định rõ ràng, cụ thể số lượng người làm việc, tiêu chuẩn, yêu cầu trình độ của các vị trí đối với đội ngũ nhân viên của các đơn vị trong Trường cũng như của Phòng CTCT-HSSV, Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm TH-TN, Trung tâm CNTT, Trung tâm DV, HTSV và QHDN, văn phòng Khoa Giáo dục.... Hằng năm, nhu cầu về đội ngũ nhân viên cũng được các đơn vị chức năng đề xuất với Nhà trường thông qua kế hoạch năm học, các tờ trình tuyển dụng.

Trường có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên thông qua Quy chế về công tác cán bộ của Trường ĐHV (QĐ số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016), Quy chế chi tiêu nội bộ (Quyết định số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016) và một số các văn bản khác.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ SV ngành Giáo dục Tiểu học – Khoa Giáo dục gồm có 01 chuyên viên phụ trách công tác văn phòng và 01 chuyên viên phụ trách quản lý công tác chính trị HSSV đều có trình độ thạc sĩ; 05 cố vấn học tập, 01 CB Trợ lý đào tạo hệ chính quy, 01 Trợ lý đào tạo hệ vừa học vừa làm có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Bên cạnh đó, đội ngũ chuyên viên/nhân viên làm việc tại Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm TH-TN, Trung tâm CNTT, Trung tâm HTSV và QHDN và các dịch vụ hỗ trợ khác của Trường cơ bản đảm bảo về số lượng, có phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tốt nhiệm vụ ĐT, NCKH và PVCĐ của Khoa và Trường. Qua Báo cáo kết quả triển khai công tác lấy ý kiến người học định kỳ hằng năm do Phòng CTCT-HSSV tổng hợp cho thấy đa số người học hài lòng với sự phục vụ, hỗ trợ của nhân viên các đơn vị, bộ phận trong Trường và Khoa Giáo dục.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 7.1

2.1. Điểm tồn tại TC 7.1

Mặc dù Trường có Đề án tái cấu trúc Trường ĐHV (năm 2017), Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHV giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030 (Quyết định số 1278/QĐ-ĐHV ngày 28/12/2018), tuy nhiên việc phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại Thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa cụ thể, rõ ràng để có thể theo dõi, rà soát, đánh giá và cải tiến.

Nhu cầu phát triển đội ngũ của Trung tâm CNTT trên cơ sở vị trí việc làm và các đề xuất hằng năm về nhân sự phụ trách chuyên môn để thực hiện có hiệu quả các yêu cầu phát triển về CNTT của Nhà trường chưa được đáp ứng đầy đủ.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 7.1

Trường cần có kế hoạch, chiến lược phát triển về nhân sự trong đó có phân tích/dự báo rõ ràng, cụ thể nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại Trung tâm TT-TV, Trung tâm TH-TN, Trung tâm CNTT, Trung tâm DV, HTSV và QHDN và các dịch vụ hỗ trợ khác, tương ứng với Kế hoạch phát triển của Nhà trường trong từng giai đoạn, làm cơ sở cho việc quy hoạch đội ngũ này đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và các yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường trong giai đoạn 4.0 (hướng tới mô hình đại học thông minh, đại học trực tuyến ...) Trường cần quan tâm hơn nữa đến nhu cầu phát triển đội ngũ của Trung tâm CNTT trên cơ sở vị trí việc làm, các đề xuất về nhân sự phụ trách chuyên môn cho đơn vị này.

3. Mức đạt được của TC 7.1: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Điểm mạnh TC 7.2

Trường có Quy chế về công tác cán bộ của Trường ĐHV (Quyết định số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016). Quy chế này quy định công tác tuyển dụng, sử dụng, nâng lương, đào tạo, bồi dưỡng, chuyển đổi công tác; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý và kéo dài thời gian làm việc đối với cán bộ, viên chức và người lao động.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, chuyển đổi công tác đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường nói chung và của ngành Giáo dục Tiểu học nói riêng được xác định rõ ràng, ngoài các tiêu chí như có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe tốt, ...còn có các tiêu chí như có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp, có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học đáp ứng theo yêu cầu của vị trí việc làm.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, chuyển đổi công tác đối với đội ngũ chuyên viên/nhân viên được lấy ý kiến góp ý của các đơn vị trong Trường trước khi ban hành và phổ biến, công khai bằng nhiều hình thức như thông qua các cuộc họp, hội nghị, hệ thống quản lý văn bản và điều hành eOffice, website của Trường/của Phòng Tổ chức cán bộ tại địa chỉ: <http://vinhuni.edu.vn>,...

Để đảm bảo tính chính xác, khách quan trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, hàng năm Trường đều thành lập các Hội đồng có liên quan và thực hiện việc tuyển dụng, bổ nhiệm nhân viên theo các quy trình quy định chặt chẽ. Các kết quả xét duyệt được công bố công khai, rõ ràng và minh bạch. Qua phỏng vấn, kiểm tra minh chứng cho thấy trong giai đoạn đánh giá, Khoa Giáo dục tuân thủ quy định của Nhà trường trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên. Khoa đã ban hành quy chế làm việc, chức năng nhiệm vụ của nhân viên trong Quy chế tổ chức và hoạt động

của Khoa. Trường/Khoa không có khiếu kiện, khiếu nại tồn đọng liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm, chuyển đổi công tác đối với đội ngũ nhân viên.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 7.2

2.1. Điểm tồn tại TC 7.2

Quy chế về công tác cán bộ của Trường được ban hành từ năm 2016 và cho đến nay chưa được Trường điều chỉnh, cập nhật theo các quy định hiện hành của các cơ quan quản lý Nhà nước (như Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ) nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc ban hành các quyết định, quy định có liên quan của Nhà trường.

Việc phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm cũng như các tiêu chí tuyển dụng nhân viên của Nhà trường còn hạn chế và chưa đạt hiệu quả cao.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 7.2

Nhà trường cần sớm điều chỉnh, cập nhật và ban hành văn bản về công tác cán bộ của Nhà trường nói chung và về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển,... đội ngũ nhân viên/chuyên viên nói riêng đáp ứng các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước làm cơ sở pháp lý cho việc ban hành các quyết định, quy định có liên quan của Nhà trường.

Bên cạnh việc rà soát đề án vị trí việc làm trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan, Trường cần xem xét các ý kiến đề xuất của các đơn vị về các tiêu chuẩn, kỹ năng chuyên môn cụ thể nhằm đáp ứng tốt nhu cầu nhân lực ngang tầm nhiệm vụ trong từng lĩnh vực công tác.

3. Mức đạt được của TC 7.2: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Điểm mạnh TC 7.3

Trong giai đoạn đánh giá, quy trình, phương pháp, công cụ và các tiêu chí đánh giá trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, tác phong, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ...của đội ngũ nhân viên được Trường xác định trong các văn bản như: Tiêu chí thi đua cá nhân đối với cán bộ hành chính (Quyết định số 3807/QĐ-ĐHV ngày 12/10/2015), Quy định tạm thời đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức Trường ĐHV (Quyết định số 63/QĐ-ĐHV ngày 23/01/2017), Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức Trường ĐHV (Quyết định số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017). Các văn bản đánh giá, xếp loại nhân viên đã được Trường rà soát, điều chỉnh, cải tiến trên cơ sở tiếp thu ý kiến của CB, GV, NV trong Trường. Từ năm 2017 đến nay, đội

ngũ nhân viên của Trường và Khoa được đánh giá, xếp loại hằng tháng, hằng năm theo 4 mức A, B, C, D với quy trình, tiêu chí được xác định cụ thể.

Trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, việc đánh giá năng lực của nhân viên được thực hiện theo các bước: tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá và trưởng đơn vị đánh giá, xếp loại. Kết quả xếp loại hằng tháng được Phòng TCCB tổng hợp trên cơ sở kết quả xếp loại từ các đơn vị, có sự xác nhận của Phòng Thanh tra Pháp chế (kiểm soát lỗi vi phạm) trước khi được Hiệu trưởng phê duyệt để chi trả lương tăng thêm cho viên chức vào tháng sau.

Trong giai đoạn đánh giá, đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa Giáo dục được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Qua tiếp xúc phỏng vấn các bên liên quan cho thấy CB, GV, NV hài lòng về việc đánh giá năng lực đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường nói chung và của Khoa Giáo dục nói riêng.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 7.3

2.1. Điểm tồn tại TC 7.3

Việc khảo sát, đánh giá sự hài lòng của SV của Nhà trường đối với các đội ngũ nhân viên hỗ trợ ở các đơn vị chức năng còn chung chung, chưa rõ ràng, cụ thể; chưa thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của GV đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ các đơn vị.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 7.3

Việc đánh giá đội ngũ nhân viên ngoài tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, cấp trên đánh giá, Trường/Khoa cần chú trọng hơn đến kết quả khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ các đơn vị theo vị trí việc làm một cách cụ thể nhằm giúp đội ngũ này xác định rõ những điểm mạnh cần phát huy cũng như những hạn chế cần khắc phục.

3. Mức đạt được của TC 7.3: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Điểm mạnh TC 7.4

Trên cơ sở nghị quyết, kế hoạch của Đảng ủy Trường, quy định chức năng, nhiệm vụ, đề án vị trí việc làm, kế hoạch năm học và các tờ trình về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của các đơn vị, Trường và Khoa Giáo dục đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ, hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD của Nhà trường nói chung và của ngành Giáo dục Tiểu học nói riêng (Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2018 – số 1524/ĐHV-TCCB ngày 25/12/2017; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,

viên chức các năm 2019, 2020 - Kế hoạch số 05/KH-ĐHV ngày 19/02/2019). Trong các kế hoạch, Trường có hướng dẫn tổ chức thực hiện và phân công nhiệm vụ cho các đơn vị tham gia theo lĩnh vực, trong đó Phòng Kế hoạch – Tài chính chủ trì, phối hợp với Phòng TCCB xây dựng kế hoạch, thanh, quyết toán kinh phí cho các lớp đào tạo bồi dưỡng theo kế hoạch đã phê duyệt. Hằng năm, Phòng KH-TC có báo cáo tổng hợp kinh phí dành cho các hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

Trong giai đoạn đánh giá, bên cạnh việc tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ tham gia các lớp đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, Lý luận chính trị - Hành chính, Trường/Khoa đã tổ chức hoặc cử đội ngũ này tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức quốc phòng-an ninh, quản lý hành chính Nhà nước (ngạch chuyên viên), tin học, ngoại ngữ, nghiệp vụ, an toàn vệ sinh lao động, PCCC ...

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa Giáo dục đã được Nhà trường tạo điều kiện đi học thạc sĩ, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quốc phòng an ninh, trung cấp lý luận chính trị và hành chính, CNTT cơ bản,... nhằm đáp ứng tốt các yêu cầu hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCĐ của Khoa và Trường.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 7.4

2.1. Điểm tồn tại TC 7.4

Trong giai đoạn đánh giá, công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên chưa được Trường tiến hành thường xuyên để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với từng vị trí việc làm. Nhà trường chưa chú trọng việc bồi dưỡng, tạo điều kiện cho đội ngũ chuyên viên thi thăng hạng chuyên viên chính khi có đủ điều kiện.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 7.4

Trường cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên định kỳ hằng năm nhằm để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ này đáp ứng các yêu cầu phát triển về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ cụ thể. Trường nên chú trọng việc bồi dưỡng, tạo điều kiện cho đội ngũ chuyên viên thi thăng hạng chuyên viên chính khi có đủ điều kiện.

3. Mức đạt được của TC 7.4: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh TC 7.5

Trường, Khoa có hệ thống các văn bản quy định để theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên như: Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường ĐHV (Quyết định số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/4/2016), Quy định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các Viện đào tạo trực thuộc Trường ĐHV (Quyết định số 800/QĐ-ĐHV ngày 28/7/2017), Quy chế về công tác cán bộ của Trường ĐHV (Quyết định số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016), Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức Trường ĐHV (Quyết định số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017), Đề án vị trí việc làm (Số 1217/QĐ-ĐHV, Ngày 14/12/2018), các bảng phân công nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị và các văn bản khác có liên quan, qua đó khối lượng, hiệu quả công việc cụ thể của nhân viên hỗ trợ được xác định, theo dõi, giám sát, đánh giá làm cơ sở cho việc khen thưởng và công nhận. Các quy chế, quy định trên đều được Nhà trường lấy ý kiến toàn thể CB, GV, NV trước khi ban hành.

Trường và Khoa Giáo dục đã thực hiện việc giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên thông qua các cuộc họp giao ban các đơn vị, các báo cáo của Phòng Thanh tra-Pháp chế, bảng tổng hợp kết quả đánh giá và xếp loại đội ngũ nhân viên hằng tháng theo hiệu quả công việc được phân công với các mức A, B, C, D làm cơ sở cho việc chi trả lương tăng thêm vào tháng sau liền kề. Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức hằng tháng là cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại và khen thưởng cuối năm (tính điểm trung bình cộng các mức điểm quy đổi theo A, B, C, D).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 7.5

2.1. Điểm tồn tại TC 7.5

Các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên chưa cụ thể đối với từng vị trí việc làm.

Trường chưa điều chỉnh để có sự thống nhất, đồng bộ giữa Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức (khoản 5, Điều 11, Quyết định số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017) và Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường (Quyết định số 198/QĐ-ĐHV ngày 29/3/2018) về các mức đánh giá xếp loại A, B, C, D làm cơ sở để chi trả lương tăng thêm cho cán bộ viên chức.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 7.5

Trường và Khoa Giáo dục cần rà soát và hoàn thiện các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên hỗ trợ theo vị trí việc làm nhằm giúp cho việc giám sát, đánh giá kết quả công việc của nhân viên chính xác, công bằng, khách quan, tạo động lực và hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ một cách có hiệu quả.

Trường cần rà soát, thống nhất giữa Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường về mức thanh toán thu nhập tăng thêm

cho cán bộ nhân viên dựa trên kết quả đánh giá, xếp loại A, B, C, D nhằm giúp minh bạch hóa thêm chế độ khen thưởng tạo động lực cho nhân viên.

3. Mức đạt được của TC 7.5: Đạt (Mức 4/7)

Đánh giá chung Tiêu chuẩn 7:

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai trong nội bộ và đăng tải trên website của Trường. Nhà trường và Khoa Giáo dục có cơ chế tạo điều kiện và khuyến khích đội ngũ nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng và nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ nhân viên của Nhà trường và Khoa Giáo dục có phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ NV của Trường và Khoa được tiến hành thường xuyên hằng tháng, hằng năm với các mức cụ thể làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm và thi đua, khen thưởng. Qua phỏng vấn cho thấy nhân viên hài lòng về công tác tuyển dụng, bồi dưỡng nhân viên, thi đua khen thưởng của Trường và Khoa Giáo dục.

Tuy nhiên, Trường cần có kế hoạch, chiến lược phát triển về nhân sự trong đó có phân tích/dự báo rõ ràng, cụ thể nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm TH-TN, Trung tâm CNTT, Trung tâm DV, HTSV và QHDN và các dịch vụ hỗ trợ SV khác; quan tâm hơn nữa đến nhu cầu phát triển nhân sự để đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường trong giai đoạn 4.0 (hướng tới mô hình đại học thông minh, đại học trực tuyến ...); cần sớm điều chỉnh, cập nhật và ban hành văn bản về công tác cán bộ; rà soát đề án vị trí việc làm trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan, đáp ứng tốt nhu cầu nhân lực ngang tầm nhiệm vụ trong từng lĩnh vực công tác; chú trọng khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ ở các đơn vị cụ thể. Trường cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên định kỳ hằng năm; chú trọng bồi dưỡng, tạo điều kiện cho đội ngũ chuyên viên thi thăng hạng chuyên viên chính khi có đủ điều kiện. Trường và Khoa Giáo dục cần rà soát và hoàn thiện các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên theo vị trí việc làm. Trường cần rà soát, thống nhất giữa Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và Quy chế chi tiêu nội bộ về mức thanh toán thu nhập tăng thêm dựa trên kết quả đánh giá, xếp loại A, B, C, D.

Trường cần có kế hoạch, chiến lược phát triển về nhân sự trong đó có phân tích/dự báo rõ ràng, cụ thể nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm TH-TN, Trung tâm CNTT, Trung tâm DV, HTSV và QHDN và các dịch vụ hỗ trợ SV khác; quan tâm hơn nữa đến nhu cầu phát triển nhân sự có chuyên môn về CNTT để đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường trong giai đoạn 4.0; cần sớm điều chỉnh, cập nhật và ban hành văn bản về công tác cán bộ; rà soát đề án vị trí việc làm trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của

các bên liên quan, đáp ứng tốt nhu cầu nhân lực ngang tầm nhiệm vụ trong từng lĩnh vực công tác; chú trọng khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người học đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ ở các đơn vị cụ thể; cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên định kỳ hằng năm; chú trọng bồi dưỡng, tạo điều kiện cho đội ngũ chuyên viên thi thăng hạng chuyên viên chính khi có đủ điều kiện. Trường và Khoa Giáo dục cần rà soát và hoàn thiện các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên theo vị trí việc làm. Trường cần rà soát, thống nhất giữa Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và Quy chế chi tiêu nội bộ về mức thanh toán thu nhập tăng thêm dựa trên kết quả đánh giá, xếp loại A, B, C, D.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên</i>		
1	Tiêu chí 7.1	4	
2	Tiêu chí 7.2	4	
3	Tiêu chí 7.3	4	
4	Tiêu chí 7.4	4	
5	Tiêu chí 7.5	4	

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật.

1. Điểm mạnh 8.1

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và các văn bản hướng dẫn công tác tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Trường xây dựng và ban hành Đề án tuyển sinh hằng năm trong đó chính sách, chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành nói chung và ngành Giáo dục Tiểu học nói riêng được xác định rõ ràng, theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Các chính sách và quy định tuyển sinh của ngành Giáo dục Tiểu học như: đối tượng tuyển sinh, quy trình và phương thức xét tuyển, thời gian nhận hồ sơ đối với từng phương thức xét tuyển, đối tượng ưu tiên, điểm chuẩn tuyển sinh, các thông báo xét tuyển, trúng tuyển, nhập học,... được công bố công khai và quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Cổng thông tin tuyển sinh và website của Trường, của Khoa Giáo dục và thông qua các buổi tư vấn tuyển sinh tại các trường tiểu học trên địa bàn các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh.

Hàng năm, trên cơ sở phân tích dữ liệu tuyển sinh, đánh giá tình hình thực tiễn, dự báo nhu cầu nhân lực ngành Giáo dục Tiểu học từ các Phòng Giáo dục, các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Nhà trường xây dựng và điều chỉnh đề án, kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh đối với các ngành nói chung, ngành Giáo dục Tiểu học nói riêng đồng thời áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng tuyển sinh.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 8.1

2.1. Điểm tồn tại TC 8.1

Việc lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị sử dụng SV tốt nghiệp ngành Giáo dục Tiểu học đối với chính sách tuyển sinh của Trường còn hạn chế.

Trong giai đoạn đánh giá, việc phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực hằng năm làm cơ sở xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh ngành Giáo dục Tiểu học chưa đa dạng, chủ yếu lấy thông tin từ các bài viết trên báo, tạp chí.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 8.1

Nhà trường cần đa dạng hình thức khảo sát ý kiến về chính sách tuyển sinh ngành Giáo dục Tiểu học đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động của ngành thông qua các hình thức khảo sát trực tuyến hoặc lấy ý kiến tại các hội nghị, hội thảo do Trường hoặc Khoa tổ chức.

Hàng năm, Nhà trường cần tăng cường thu thập thông tin, tham khảo các báo cáo có tính cập nhật về nhu cầu nhân lực của ngành Giáo dục Tiểu học, tăng cường các hình thức khảo sát ý kiến của học sinh, phụ huynh về nhu cầu đào tạo để từ đó xác định chính sách tuyển sinh của Trường sát với yêu cầu của thị trường lao động.

3. Mức đạt được của TC 8.1: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Điểm mạnh TC 8.2

Trong giai đoạn 2015-2020, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Nhà trường được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT, được xác định rõ ràng trong đề án và kế hoạch tuyển sinh hằng năm của Trường, có sự tham gia đóng góp ý kiến của Hội đồng trường, các Khoa, Phòng chức năng trong đó có Khoa Giáo dục đối với ngành Giáo dục Tiểu học.

Phương thức tuyển sinh của ngành Giáo dục Tiểu học từ năm 2016 được thay đổi từ hình thức thi tuyển theo từng khối (khối A, A1, C, D) sang hình thức xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi THPT Quốc gia theo quy định của Bộ GD&ĐT. Từ năm 2017 đến nay, Trường áp dụng các phương thức: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT sử dụng tổ hợp A00; D01, C00, C20; Xét tuyển học bạ THPT theo tổng điểm tổ hợp các

môn đăng ký xét tuyển của cả 3 năm lớp 10, 11, 12 đạt điểm trung bình từ 6.00 trở lên. Điểm ưu tiên, xét tuyển thẳng được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

Số liệu thống kê cho thấy điểm chuẩn đầu vào ngành Giáo dục Tiểu học giai đoạn 2015-2019 từ 17-23 điểm. Điểm trung bình của SV trúng tuyển đạt từ 20-24 điểm. Số lượng nộp đơn dự tuyển, số lượng trúng tuyển và số lượng SV nhập học hằng năm nhìn chung tăng.

Hàng năm, sau mỗi đợt tuyển sinh, Trường tiến hành rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác tuyển sinh trên cơ sở báo cáo công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tuyển sinh của Phòng Thanh tra – Pháp chế, Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh, số liệu phân tích kết quả tuyển sinh của Phòng Đào tạo, trong đó có rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành Giáo dục Tiểu học để có những điều chỉnh phù hợp với thực tế, đáp ứng tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 8.2

Nhà trường chưa có quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học (bao gồm người học của CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học) trên cơ sở góp ý của các bên liên quan; chưa tổ chức lấy ý kiến người học, cơ quan, đơn vị sử dụng lao động ngành Giáo dục Tiểu học trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 8.2

Nhà trường cần ban hành quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học (bao gồm người học của CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học) trong đó có triển khai lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan như nhà sử dụng lao động, người học theo định kỳ nhằm có những cải tiến thường xuyên, liên tục đáp ứng nhu cầu đào tạo của các bên liên quan.

3. Mức đạt được của TC 8.2: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Điểm mạnh TC 8.3

Việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ đối với người học của Nhà trường được thực hiện dưới sự phối hợp chặt chẽ giữa Khoa Giáo dục, Phòng Đào tạo, Phòng CTCT-HSSV, các tổ chức đoàn thể và thông qua phần mềm Quản lý đào tạo CMC. Hệ thống này quản lý việc đăng ký học, hồ sơ SV, các thông báo từ Nhà trường, thời khóa biểu, lịch thi, kết quả đánh giá kết quả học tập, rèn luyện.... Cụ thể, đội ngũ GVCN, CVHT, Trợ lý đào

tạo, Trợ lý QLSV của Khoa Giáo dục chịu trách nhiệm giám sát, tư vấn SV trong các vấn đề liên quan đến học tập và rèn luyện, phối hợp với đội ngũ nhân viên hỗ trợ từ các phòng ban chức năng cung cấp cho SV các thông tin về CTĐT, khối lượng kiến thức theo học kỳ, khối kiến thức chuyên ngành, các học phần bắt buộc và tự chọn, giúp SV lựa chọn và đăng ký đúng và đủ số tín chỉ theo quy định. Phòng Đào tạo và Phòng CTCT-HSSV xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp theo từng học kỳ và từng năm học. Kết quả học tập và rèn luyện của SV được Phòng CTCT-HSSV thông báo kịp thời cho SV và gia đình để theo dõi sự tiến bộ của SV.

Việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được quy định cụ thể trong CTĐT của ngành, Quy định về đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy chế công tác SV đối với chương trình đào tạo đại học chính quy của Nhà trường.

Hằng năm, Nhà trường và Khoa thống kê về kết quả học tập của SV theo học phần, khóa học từ đó có các hình thức khen thưởng, lập danh sách SV thuộc diện cảnh báo học tập và thông báo để SV có kế hoạch cải thiện chất lượng học tập, đảm bảo tiến độ và điều kiện tốt nghiệp theo quy định. Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học được Khoa Giáo dục thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần thông qua các buổi họp liên tịch giữa BCN khoa, Trưởng bộ môn, Trợ lý đào tạo, Quản lý SV và Liên chi đoàn khoa, đồng thời các lớp được tổ chức sinh hoạt theo định kỳ 1 tháng/lần với sự tham gia của GV chủ nhiệm giúp tiếp nhận kịp thời ý kiến từ người học. Đồng thời, ngay từ khi nhập học, mỗi SV được cấp một tài khoản truy cập hệ thống thông tin để có thể tự quản lý mọi thông tin có liên quan trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 8.3

2.1. Điểm tồn tại TC 8.3

Phần mềm giám sát hoạt động đào tạo chưa có chức năng tự động đưa ra cảnh báo về kết quả học tập và rèn luyện của người học, giúp CVHT dễ dàng theo dõi, phát hiện kịp thời để có sự tư vấn, hỗ trợ phù hợp cho người học.

Qua phỏng vấn các bên liên quan cho thấy, số lượng CVHT ngành Giáo dục Tiểu học được Trường/Khoa phân bổ còn ít so với số lượng SV đông, chưa thực sự đáp ứng hiệu quả nhu cầu tư vấn học tập của SV ngành Giáo dục Tiểu học.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 8.3

Trường cần cải tiến, bổ sung vào phần mềm giám sát hoạt động đào tạo chức năng tự động đưa ra cảnh báo về kết quả học tập và rèn luyện của người học nhằm

giúp CVHT dễ dàng theo dõi, phát hiện kịp thời những trường hợp SV gặp khó khăn trong học tập để có sự tư vấn, hỗ trợ phù hợp.

Trường và Khoa Giáo dục cần phân bổ số lượng CVHT hỗ trợ tương xứng với số lượng SV ngành Giáo dục Tiểu học nhằm đáp ứng có chất lượng và hiệu quả nhu cầu tư vấn hỗ trợ cho SV.

3. Mức đạt được của TC 8.3: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Điểm mạnh TC 8.4

Đội ngũ CVHT, GVCN, Trợ lý đào tạo, Trợ lý QLSV của Khoa Giáo dục phối hợp với đội ngũ nhân viên hỗ trợ từ các phòng ban chức năng chịu trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ SV trong các vấn đề liên quan đến học tập, giúp SV lựa chọn và đăng ký đúng và đủ số tín chỉ theo quy định, hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Bên cạnh đó, Phòng CTCT-HSSV, Đoàn Thanh niên, Hội SV, Trung tâm DV, HTSV&QHDN, Khoa Giáo dục là các đơn vị tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học.

Trung tâm Dịch vụ, HTSV và QHDN là đơn vị chịu trách nhiệm cung cấp các dịch vụ hỗ trợ SV như tư vấn hướng nghiệp, kêu gọi các quỹ học bổng tài trợ, tư vấn việc làm (bán thời gian và sau tốt nghiệp) cho SV. Đặc biệt, Trường ĐHV có Trường Thực hành sư phạm nhiều cấp học (Tiểu học và Mầm non), đây là môi trường rất tốt giúp SV thực tập, thực tế để rèn luyện, nâng cao các kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ cho công tác sau khi ra trường.

Hàng năm, Phòng CTCT-HSSV đều xây dựng chương trình công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống và các hoạt động phong trào, hỗ trợ học sinh, SV (công tác học sinh, SV) với các nội dung đa dạng, phong phú có phân công các đơn vị/bộ phận chủ trì, phối hợp thực hiện, có thời gian và kết quả dự kiến cụ thể. Bên cạnh đó, hàng năm, Khoa Giáo dục tổ chức Hội nghị dân chủ SV giúp giải đáp các thắc mắc cũng như khó khăn của SV trong quá trình học tập để có các biện pháp giải quyết kịp thời.

SV ngành Giáo dục Tiểu học thường xuyên được tham gia các hoạt động thi đua rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp thông qua Hội thi Nghiệp vụ sư phạm, Hội thi “Viết chữ đẹp, giải toán nhanh” là môi trường tốt cho SV rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, tạo được hứng thú và lòng yêu nghề. Trong những năm qua, SV Khoa Giáo dục đã đạt được các giải thưởng cao trong các Hội thi Trường và các giải thưởng khác.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 8.4

2.1. Điểm tồn tại TC 8.4

Qua phỏng vấn, tiếp xúc với SV ngành Giáo dục Tiểu học và các bên liên quan cho thấy, chất lượng kết nối của các trang đăng ký học (Myvinhuni hay student) chưa thuận lợi cho SV đăng ký học và nộp bài cho GV; Một số hoạt động của các CLB học thuật, kỹ năng chưa thật sự khơi gợi hứng thú học tập, rèn luyện cho SV.

Trường và Khoa chưa hỗ trợ SV trong việc cung cấp thông tin cụ thể của các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các tỉnh lân cận nhằm hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm; Công cụ hỗ trợ thực hành cho SV ở các phòng thực hành mỹ thuật (giá vẽ), âm nhạc (tai nghe) còn thiếu, chưa đáp ứng tốt nhu cầu thực hành cho SV.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 8.4

Nhà trường cần cải thiện chất lượng kết nối của các trang đăng ký học để tạo thuận lợi cho SV đăng ký học và nộp bài cho GV. Tăng cường, chú trọng các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả hoạt động của các CLB học thuật trong việc giúp SV nâng cao ý thức học tập, rèn luyện, khơi gợi hứng thú học tập cho SV.

Trường và Khoa nên hỗ trợ SV trong việc cung cấp thông tin cụ thể của các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các tỉnh lân cận nhằm hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm; cần định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị ở các phòng thực hành nhằm hỗ trợ và đáp ứng kịp thời các nhu cầu thực hành của SV, đặc biệt ở các phòng thực hành mỹ thuật, âm nhạc.

3. Mức đạt được của TC 8.4: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Điểm mạnh TC 8.5

Trường và Khoa Giáo dục có môi trường làm việc, cảnh quan sư phạm thoáng đãng, sạch đẹp, thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Khu giảng đường, Trường thực hành sư phạm, khu làm việc hành chính, ký túc xá SV, thư viện được bố trí khoa học, thuận lợi cho CB, GV, NV và SV của Trường nói chung và ngành Giáo dục Tiểu học nói riêng. Sơ đồ các khu vực trong Trường, các bảng/ biển phổ biến nội quy, quy tắc ứng xử trong Nhà trường được bố trí tại nơi dễ thấy, tạo sự thuận tiện cho CB, GV, NV, SV trong Trường cũng như khách đến liên công tác. Cơ sở vật chất của Trường như giảng đường, hội trường, nhà luyện tập thể dục thể thao được đầu tư, sửa chữa và nâng cấp.

Trường thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm tại các khu làm việc, nhà ăn, KTX SV. Trạm y tế của Trường khang trang, sạch đẹp, với nhiều phòng khám tiện nghi nằm trong khuôn viên Trường, công tác khám bệnh hằng năm cho SV được thực hiện tốt. Công tác bảo đảm an ninh, trật tự cũng được

Trường thực hiện tốt thông qua các hợp đồng với công ty vệ sĩ bên ngoài, thành lập Trung đội dân quân tự vệ, đội Thanh niên xung kích, đội tự quản KTX và phối hợp với các cơ quan an ninh của địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc, bảo đảm sự an toàn cho CB, GV, NV, SV.

Nhà trường có triển khai khảo sát ý kiến của SV về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường với kết quả khảo sát hằng năm đều thể hiện sự hài lòng. Qua phỏng vấn các bên liên quan như CB, GV, NV, SV, cựu SV ngành Giáo dục Tiểu học và các đơn vị sử dụng lao động cho thấy các bên liên quan hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 8.5

2.1. Điểm tồn tại TC 8.5

Công tác tập huấn nghiệp vụ PCCC cho SV chưa được Trường và Khoa Giáo dục tổ chức thường xuyên và hiệu quả. Một số phòng học có bàn, ghế và tường nhà còn có vết bẩn và hư hỏng do ý thức của một số SV còn chưa tốt.

Hiện nay Trường chỉ có 01 nhà ăn dành cho cả CB, GV, NV và SV trong khuôn viên cơ sở chính của Nhà trường. Qua phỏng vấn cho thấy, các bên liên quan cần có thêm nhà ăn (căn tin) dành riêng cho CB, GV, NV nhằm tạo sự thuận tiện, thoải mái cho đội ngũ này trong giờ giải lao hoặc trao đổi công việc với các đối tác, khách bên ngoài Trường.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 8.5

Trường và Viện cần tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC cho SV theo định kỳ hoặc vào đầu các khóa học. Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh, sửa chữa, thay mới đồ dùng, thiết bị hư hỏng tại các phòng học đồng thời tăng cường các biện pháp nâng cao ý thức của SV trong việc giữ gìn vệ sinh Trường lớp, cảnh quan môi trường sạch đẹp.

Trường cần bố trí thêm nhà ăn dành cho CB, GV, NV nhằm tạo sự thuận tiện, thoải mái cho đội ngũ này trong giờ giải lao hoặc gặp gỡ, trao đổi công việc với các đối tác, khách bên ngoài Trường.

3. Mức đạt được của TC 8.5: Đạt (Mức 4/7)

Đánh giá chung tiêu chuẩn 8:

Đề án tuyển sinh của Trường xác định rõ chính sách, chỉ tiêu tuyển sinh, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành Giáo dục Tiểu học theo quy định của Bộ GD&ĐT, được công bố công khai và quảng bá bằng nhiều hình thức, có sự tham gia đóng góp ý kiến của Khoa Giáo dục và các bên liên quan. Sau mỗi đợt tuyển sinh, Trường có rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác tuyển sinh, đánh

giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của ngành Giáo dục Tiểu học. Trường có các quy định cụ thể và hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ đối với người học chặt chẽ; có các báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập, rèn luyện của người học hằng năm. Trường có đội ngũ tư vấn, hỗ trợ SV trong các vấn đề liên quan đến học tập, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác. SV ngành Giáo dục Tiểu học được tạo sự hứng thú và lòng yêu nghề thông qua các Hội thi rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Trường, Khoa có môi trường làm việc thoáng đãng, sạch đẹp, thân thiện, các khu giảng đường, thực hành, thí nghiệm, hành chính, ký túc xá SV, thư viện được bố trí khoa học, thuận lợi cho CB, GV, NV và SV của Trường nói chung và ngành Giáo dục Tiểu học nói riêng. Đa số các bên liên quan hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

Tuy nhiên, Trường và Viện cần đa dạng hình thức khảo sát ý kiến các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động của ngành về chính sách tuyển sinh ngành Giáo dục Tiểu học bằng nhiều hình thức khác nhau; tăng cường thu thập thông tin, tham khảo các báo cáo có tính cập nhật về nhu cầu nhân lực của ngành Giáo dục Tiểu học; tăng cường khảo sát ý kiến của học sinh, phụ huynh về nhu cầu đào tạo để xác định chính sách tuyển sinh sát với yêu cầu của thị trường lao động. Trường cần ban hành quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành Giáo dục Tiểu học trong đó có lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan theo định kỳ; cải tiến, bổ sung chức năng tự động đưa ra cảnh báo kết quả học tập và rèn luyện trên phần mềm Quản lý đào tạo; cải thiện chất lượng kết nối của các trang đăng ký học; tăng cường hỗ trợ SV trong việc cung cấp thông tin nhằm hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm; chú trọng các hoạt động giám sát, đánh giá kết quả hoạt động của các CLB học thuật; tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC cho SV theo định kỳ hoặc vào đầu khóa học; thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị, đồ dùng tại các phòng học, tăng cường các biện pháp nâng cao ý thức của SV trong việc giữ gìn vệ sinh Trường lớp, cảnh quan môi trường.

Trường và Viện cần đa dạng hình thức khảo sát ý kiến các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động của ngành về chính sách tuyển sinh ngành Giáo dục Tiểu học bằng nhiều hình thức khác nhau; tăng cường thu thập thông tin, tham khảo các báo cáo có tính cập nhật về nhu cầu nhân lực của ngành Giáo dục Tiểu học; tăng cường khảo sát ý kiến của học sinh, phụ huynh về nhu cầu đào tạo để xác định chính sách tuyển sinh sát với yêu cầu của thị trường lao động. Trường cần ban hành quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành Giáo dục Tiểu học trong đó có lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan theo định kỳ; cải tiến, bổ sung chức năng tự động đưa ra cảnh báo kết quả học tập và rèn luyện trên phần mềm Quản lý đào tạo; cải thiện chất lượng kết nối của các trang đăng ký học; tăng cường hỗ trợ SV trong việc cung cấp thông tin nhằm hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm; tăng cường các hoạt động giám sát, đánh

giá kết quả hoạt động của các CLB học thuật; tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC cho SV theo định kỳ hoặc vào đầu khóa học; thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị, đồ dùng tại các phòng học, tăng cường các biện pháp nâng cao ý thức của SV trong việc giữ gìn vệ sinh Trường lớp, cảnh quan môi trường. Trường cần bố trí thêm nhà ăn dành riêng cho CB, GV, NV nhằm tạo sự thuận tiện, thoải mái cho đội ngũ này trong giờ giải lao hoặc gấp gờ, trao đổi công việc với các đối tác, khách bên ngoài Trường.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học</i>		
1	Tiêu chí 8.1	4	
2	Tiêu chí 8.2	4	
3	Tiêu chí 8.3	4	
4	Tiêu chí 8.4	5	
5	Tiêu chí 8.5	4	

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh TC 9.1

Để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, trong những năm qua bằng nhiều nguồn kinh phí khác nhau Nhà trường đã đầu tư xây dựng mới và nâng cấp hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng. Đối với hệ thống phòng làm việc, Nhà trường đã bố trí 75 phòng cho các đơn vị trực thuộc với tổng diện tích 15.368 m², đạt xấp xỉ 15 m²/1 cán bộ, giảng viên, nhân viên. Đối với hệ thống phòng học, hiện tại toàn Trường có 282 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 115.749 m², 08 phòng học tiếng nước ngoài với diện tích 1225 m², 18 phòng học máy tính với diện tích 3.531 m². Tính đến năm học 2018-2019, diện tích phòng học bình quân đạt 5,9 m²/người học (19.456 SV). Trong đó, Khoa Giáo dục và CTĐT GDTH đã được Nhà trường bố trí hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng và các phòng thực hành đủ điều kiện để triển khai thực hiện các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hiện tại, Khoa và CTĐT có 06 phòng làm việc: 01 văn phòng; 02 phòng của

BCN Khoa; 01 phòng sinh hoạt chuyên môn; 01 phòng GS, PGS; 01 phòng tư liệu; 04 phòng thực hành của CTĐT bao gồm: 01 phòng thực hành múa, 01 phòng thực hành mỹ thuật, 02 phòng thực hành đàn phục vụ việc rèn luyện kỹ năng của các môn nghệ thuật.

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được Nhà trường đầu tư trang bị CSVC và trang thiết bị đảm bảo điều kiện hỗ trợ cho hoạt động ĐT, NCKH và các hoạt động khác của các đơn vị. Hệ thống phòng làm việc, trong đó có CTĐT GDTH được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc: hệ thống đèn chiếu sáng, điều hòa không khí, mạng wifi, máy tính, máy in, điện thoại, tủ, bàn ghế,...Hệ thống phòng học được trang bị máy tăng âm, micro, máy chiếu projector, bảng chống lóa, phương tiện dạy học trực tuyến. Trong số 282 phòng học đã có 192 phòng (nhà A, B) được lắp hệ thống điều hòa và máy chiếu, 57 phòng học kết nối trực tuyến, 16 phòng học online. Người học CTĐT GDTH được rèn luyện các kỹ năng sư phạm cơ bản tại hệ thống 19 phòng học 2 gian ở khu nhà B của Trường với đầy đủ máy chiếu, hệ thống âm thanh và ánh sáng thuận tiện cho hoạt động tập giảng, làm việc nhóm, thảo luận.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 9.1

2.1. Điểm tồn tại TC 9.1

Theo thống kê tần suất sử dụng phòng học từ ngày 20/8/2018 đến 20/8/2019 cho thấy tần suất sử dụng trang thiết bị (Amplify và máy chiếu) phục vụ cho giảng dạy và học tập vẫn còn một số phòng chưa được sử dụng: Phòng học nhà A có 11/58, phòng học nhà B có 23/59, phòng học nhà D có 11/17, phòng học nhà Đ có 21/22 (trong đó có 4 phòng không sử dụng máy chiếu). Một số phòng học hiện đang sử dụng các bàn ghế quá cũ và chưa được trang bị hệ thống amplify, do đó sẽ khó khăn cho hoạt động đổi mới PP dạy học.

Qua khảo sát thực tế cho thấy, diện tích văn phòng Khoa hẹp do vậy, rất khó khăn cho các buổi sinh hoạt chung của toàn khoa và các hoạt động đông CBVC tham gia. Khi phỏng vấn đối tượng GV của CTĐT có đề nghị với Nhà trường tạo điều kiện cho đơn vị 01 phòng chức năng để triển khai hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 9.1

Nhà trường cần có kế hoạch đánh giá hiệu quả sử dụng và xây dựng phương án sử dụng tối ưu hệ thống CSVC nói chung, hệ thống phòng học và trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập nói riêng; cần có KH từng bước thay thế các bàn ghế cũ, trang bị thêm amplify cho một số phòng học để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đổi mới PP dạy học.

Nhà trường và các phòng chức năng nghiên cứu chuyển đổi cho Khoa Giáo dục và CTĐT GDTH 01 văn phòng Khoa đủ điều kiện để tổ chức các sinh hoạt chung của đơn vị; trong điều kiện có thể trang bị cho Khoa 01 phòng chức năng để CTĐT triển khai hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV.

3. Mức đạt được của TC 9.1: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh TC 9.2

Năm 1959, cùng với sự ra đời của Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh, thư viện của Trường cũng được thành lập. Hiện nay, thư viện của Nhà trường có tên gọi: Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào với tòa nhà 7 tầng có diện tích gần 29.000m², bao gồm: 06 phòng học, 01 hội trường, 03 phòng máy tính, 09 kho sách, 06 phòng đọc với 2000 chỗ ngồi.

Trung tâm TTTV được trang bị CSVC và trang thiết bị để thực hiện các hoạt động phục vụ: bàn ghế, tủ, giá sách, đầu kỹ thuật số, điều hòa, hệ thống máy chiếu, máy photocopy, máy tính, ti vi,...Hoạt động của Trung tâm TTTV được quản lý bởi các quy định rõ ràng, minh bạch: Hướng dẫn sử dụng thư viện, quy định hoạt động của thư viện (trong năm học thư viện phục vụ bạn đọc 2 buổi/ngày, kể cả thứ bảy và chủ nhật). Tháng 8/2016, Trung tâm TTTV đã sử dụng hệ thống mượn trả sách tự động 14/7 nhằm tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian. Nguồn tài liệu của Trung tâm TTTV được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Kipos) thay cho giải pháp sử dụng thư viện số ILIb.

Trung tâm TTTV có số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài phục vụ cho hoạt động ĐT và NCKH của CB, GV, người học. Tính đến tháng 30/3/2020, số lượng tài liệu bản in có 14.466 tên sách, giáo trình, tài liệu tham khảo với 160.559 bản, 129 loại báo và tạp chí, 16.000 luận văn và luận án. Bên cạnh đó, Trung tâm TTTV hiện có nguồn tài liệu điện tử với 15.186 tên giáo trình và sách, 15.500 đề tài luận văn và luận án, 5 bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến. Trung tâm TTTV đã đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến online và thư viện số giúp bạn đọc có thể tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành của các CSGD khác (ĐH QG Hà Nội, ĐH QG TP Hồ Chí Minh...); bên cạnh phối hợp, liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin với các thư viện khác nhằm nâng cao năng lực phục vụ. Năm 2019, Trung tâm TTTV đã tham gia vào Liên hiệp thư viện Việt Nam. Số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, luận văn, luận án phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của CTĐT GDTH tính đến năm học 2019-2020 có 1571 đầu sách; trong đó, giáo trình có 386 cuốn, sách tham khảo: 935, tài liệu tiếng nước ngoài: 54, luận văn: 180, luận án: 03, tạp chí khoa học tiếng Việt: 13, CSDL trực tuyến (TCKH nước ngoài): 05 bộ.

Hằng năm, căn cứ nhu cầu đào tạo, NCKH của GV và người học (đặc biệt những CTĐT mới) trên cơ sở đề xuất của các đơn vị đào tạo, trong đó có CTĐT GDTH, Trung tâm TTTV bổ sung, cập nhật các nguồn tài liệu mới với tổng kinh phí 7.129.473.495 đồng; trong đó, năm học 2015-2016: 1.854.373.800 đồng, 2016-2017: 1.545.694.395, 2017-2018: 502.691.200, 2018-2019: 1.006.290.000, 2019-2020: 2.220.424.100.

Nguồn tài liệu của Trung tâm TTTV được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Kipos). Trung tâm TTTV đã tạo lập các bộ sưu tập số thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Bạn đọc có thể tra cứu tài liệu theo ba cổng thông tin điện tử: <http://tvs.lib.vinhuni.edu.vn>; <http://thuvien.vinhuni.edu.vn>; <http://tailieu.vinhuni.edu.vn>. Từ năm 2015-2019, số lượng GV và người học mượn tài liệu đạt 332.533 lượt, bình quân 73.896 lượt/năm. Số lượng GV và người học CTĐT GDTH học sử dụng các loại tài liệu tham khảo của thư viện Nhà trường để phục vụ cho hoạt động ĐT, NCKH trong chu kỳ đánh giá theo thống kê của Trung tâm TTTV là 2513 lượt; trong đó năm học 2015-2016: 598 lượt, 2016-2017: 744, 2017-2018: 592, 2018-2019: 363, 2019-2020: 216 lượt.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 9.2

2.1. Điểm tồn tại TC 9.2

Theo báo cáo TĐG, kiểm tra minh chứng và khảo sát thực tế cho thấy, nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo cao học và NCS còn chưa được phong phú; giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho ngành GDTH có thời điểm chưa được cập nhật kịp thời.

So với quy mô và tiềm lực của Nhà trường thì kinh phí dành cho bổ sung nguồn học liệu mới còn thấp, bình quân 78.026 đồng/người học/năm trong chu kỳ đánh giá (2015-2016: 92.138 đồng/NH, 2016-2017: 72.728, 2017-2017: 25.658, 2018-2019: 56.217, 2019-2020: 143.392).

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 9.2

Trong kế hoạch bổ sung, cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo hằng năm, Nhà trường cần ưu tiên nguồn tài liệu phục vụ đào tạo SDH và cập nhật các giáo trình, tài liệu tham khảo cho CTĐT ngành GDTH.

Nhà trường nên nâng mức đầu tư cho thư viện để bổ sung nguồn học liệu (đặc biệt là giáo trình, tài liệu tham khảo).

3. Mức đạt được của TC 9.2: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh TC 9.3

Nhằm đáp ứng nhu cầu ĐT, NCKH của GV, người học ngành GDTH, trong những năm qua Nhà trường đã xây dựng mới và nâng cấp hệ thống các phòng thực hành tại Trung tâm thực hành thí nghiệm của CSGD. Hiện tại, các phòng thực hành phục vụ cho CTĐT GDTH bao gồm: 01 phòng thực hành múa, 01 phòng thực hành mỹ thuật, 02 phòng thực hành đàn phục vụ việc rèn luyện kỹ năng của các môn nghệ thuật. Nhà trường có trường Thực hành Sư phạm đa cấp học, trong đó có trường Tiểu học với hệ thống CSVC, trang thiết bị đạt tiêu chuẩn quốc gia và đội ngũ giáo viên (100%) có trình độ đại học trở lên là cơ sở rất thuận lợi cho Khoa Giáo dục nói chung và CTĐT GDTH nói riêng triển khai các hoạt động ĐT, NCKH và thực hành sư phạm. Bên cạnh, người học CTĐT GDTH còn được rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và thực tập sư phạm tại 19 trường Tiểu học - “Trường vệ tinh” trên địa bàn thành phố Vinh và thị xã Cửa Lò.

Các phòng thực hành được trang bị hệ thống thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động ĐT và NCKH của GV và người học CTĐT GDTH. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã đầu tư, cải tạo phòng thực hành đàn tại nhà D3 với tổng số kinh phí 120 triệu đồng; xây dựng phòng thực hành âm nhạc, múa thuộc dự án đầu tư cải tạo nhà Trung tâm ĐBCLGD. Hằng năm, các thiết bị, máy móc của các phòng thực hành, thí nghiệm được Trung tâm thực hành thí nghiệm Nhà trường cập nhật, duy tu, bảo dưỡng để đáp ứng nhu cầu ĐT và NCKH. Trong giai đoạn 2015-2020, hằng năm Nhà trường đã dành một khoản kinh phí để bổ sung, duy tu, bảo dưỡng các phòng thí nghiệm, thực hành, trong đó có các phòng TH của CTĐT GDTH với tổng kinh phí 6.017.656.000 đồng; trong đó, năm học 2015-2016: 1.631.193.000 đồng, 2016-2017: 780.676.000, 2017-2018: 2.166.036.000, 2018-2019: 352.152.000, 2019-2020: 1.087.599.000 đồng.

Các phòng thực hành của CTĐT GDTH đều có cán bộ phụ tá thực hành phụ trách. Hiện tại, đội ngũ này của CTĐT GDTH có 02 cán bộ (trong đó, 01 CB của Khoa và 01 CB của Trường THSP). Mỗi phòng thực hành đều có nội quy sử dụng phòng thực hành, có Sổ nhật ký theo dõi các hoạt động của phòng thực hành, hồ sơ theo dõi, quản lý các trang thiết bị của phòng thực hành.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 9.3

2.1. Điểm tồn tại TC 9.3

Qua khảo sát thực tế, phòng thực hành đàn tại nhà D3 có diện tích hẹp, hệ thống thoát hiểm và PCCN chưa đảm bảo; khi phỏng vấn đội ngũ GV có ý kiến đề nghị Nhà trường tăng cường hệ thống tai nghe cho mỗi đàn cũng như số lượng đàn và được sắp xếp ở một phòng thực hành có diện tích lớn hơn.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 9.3

Nhà trường cần có kế hoạch tăng cường CSVC và trang thiết bị phục vụ cho phòng thực hành đàn (phòng thực hành với diện tích lớn hơn, bổ sung đàn, tai nghe) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho CTĐT GDTH triển khai hoạt động dạy học.

Mức đạt được của TC 9.3: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh TC 9.4

Trung tâm CNTT được Nhà trường thành lập có chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Ban Giám hiệu quản lý các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT trong CSGD. Hiện tại, Nhà trường có hệ thống CNTT bao gồm máy tính, phần cứng, phần mềm, trang thông tin điện tử, phòng họp trực tuyến,...phù hợp đáp ứng công tác đào tạo, nghiên cứu và các hoạt động khác của đơn vị. Số lượng máy tính để bàn toàn Trường là 1581 bộ, trong đó số lượng máy tính phục vụ cho hoạt động đào tạo là 1145 bộ, số lượng máy tính phục vụ cho công tác quản lý và hành chính là 436 bộ, 26 máy chủ, 12 phần mềm, 10 phòng họp trực tuyến. Khoa Giáo dục (trong đó có CTĐT GDTH) được trang bị 06 bộ máy tính phục công tác hành chính của đơn vị. Từ năm 2011, Nhà trường đã trang bị máy tính xách tay cho 572 cán bộ quản lý, trưởng bộ môn, các trợ lý đào tạo và các GV có trình độ tiến sĩ trở lên để phục vụ công tác ĐT và NCKH. Nhà trường đã đầu tư và sử dụng các phần mềm có bản quyền như hệ thống iOffice, eOffice, CMC,...để quản lý công tác nhân sự, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài khoản, tài chính, điểm, thu học phí và các nguồn thu khác. Trang thông tin điện tử của Trường (website) có địa chỉ: www.vinhuni.edu.vn; E.mail: vinhuni@vinhuni.edu.vn. Từ năm 2013, Nhà trường đã ban hành Quy chế quản lý, khai thác hệ thống thông tin điện tử của Trường Đại học Vinh (số 1044/QĐ-ĐHV ngày 16/4/2013).

Hệ thống CNTT của Nhà trường từng bước cung cấp, chia sẻ các dữ liệu, thông tin và tri thức nhằm hỗ trợ cho các hoạt động ĐT và NCKH của CB, GV, người học. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí, phủ khắp khuôn viên của CSGD phục vụ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và người học. Tại Trung tâm TTTV được trang bị hơn 100 máy tính nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng hệ thống tài liệu online cho các đối tượng bạn đọc. Nhà trường đang triển khai thực hiện Cổng thông tin dạy và học (hệ thống LMS) đảm bảo tương tác trực tuyến giữa GV và người học nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Tất cả CB, GV của Trường, trong đó có CB, GV ngành GDTH được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng (@vinhuni.edu.vn). Về cơ bản hệ thống

CNTT hoạt động ổn định, an toàn góp phần hỗ trợ cho các hoạt động ĐT và NCKH của Nhà trường.

Các dữ liệu về công tác quản lý của Nhà trường và hoạt động đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng, sử dụng các phần mềm quản lý như CMC, iOffice,...Tất cả các phần mềm được thường xuyên cập nhật để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của CSGD. Tất cả các phòng máy tính cũng như cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ đào tạo và nghiên cứu đều có hồ sơ theo dõi việc vận hành và công tác duy tu, bảo trì các trang thiết bị. Hoạt động đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống CNTT được Nhà trường thực hiện thường xuyên trên cơ sở đề nghị và kế hoạch của các đơn vị chuyên môn (số 1393/QĐ-ĐHV ngày 25/11/2016; số 1394/QĐ-ĐHV ngày 25/1/2016; số 1563/QĐ-ĐHV ngày 23/12/2016; số 1146/ĐHV-CNTT ngày 26/9/2017; số 219/QĐ-ĐHV ngày 03/4/2018; số 2180/QĐ-ĐHV ngày 30/5/2018;...). Trong giai đoạn 2015-2020, Nhà trường đã dành một khoản kinh phí lớn đầu tư cho cơ sở hạ tầng của hệ thống CNTT với 79.177.000.000 đồng; trong đó, năm học 2015-2016: 18.101.000.000, 2016-2017: 16.457.000.000, 2017-2018: 19.641.000.000, 2018-2019: 15.127.000.000, 2019-2020: 9.851.000.000.

Từ năm học 2016-2017, hằng năm Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi người học và các bên liên quan trong trường về mức độ đáp ứng nhu cầu về ĐT và NCKH của hệ thống CNTT của CSGD. Kết quả khảo sát cho thấy có 58,7% người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên) và 22,8% đánh giá mức độ “khá” (đáp ứng từ 70-89%). Năm học 2018-2019 kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ người học hài lòng về hệ thống CTTT cao hơn trước: mức độ “tốt” đạt 76,93%, mức độ “khá” đạt 15,3%.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 9.4

2.1. Điểm tồn tại TC 9.4

Một số phần mềm vẫn có những trục trặc kỹ thuật, theo ý kiến của một số GV trang LMS còn khá ít chức năng, chưa tải được học liệu dưới dạng video, chưa sử dụng được dạng bài tập trắc nghiệm. Vẫn còn khá nhiều CBVC, GV chưa sử dụng email mang tên miền vinhuni.edu.vn do Nhà trường cấp phục vụ các hoạt động chuyên môn và cá nhân.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 9.4

Nhà trường có kế hoạch đánh giá và nâng cấp hệ thống phần mềm cũng như trang LMS nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho CB, GV sử dụng phục vụ cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ. Nhà trường cần có quy định về việc sử dụng email: vinhuni.edu.vn đối với CBVC, GV và SV của CSGD.

3. Mức đạt được của TC 9.4: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Điểm mạnh TC 9.5

Trên cơ sở văn bản quy định của các cấp (Chính phủ, các bộ, ngành liên quan) và thực tiễn của CSGD, Nhà trường đã ban hành văn bản quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường: Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự; quy định về công tác SV tự quản; quy định công tác HS, SV và HV nội trú, ngoại trú; quy định đối với SV tại làng SV cơ sở II; quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong công tác quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng đối với HS, SV trên môi trường mạng tại Trường Đại học Vinh (số 3852/KH-ĐHV ngày 03/11/2014, số 3775/KH-ĐHV ngày 09/10/2015, số 4458/QĐ-ĐHV ngày 26/11/2015, số 07/KH-ĐHV ngày 24/2/2016, số 45/KH-ĐHV ngày 08/11/2016, số 36/KH-ĐHV ngày 12/10/2017, số 539/KH-CTCTHSSV ngày 18/5/2018, số 38/KH-ĐHV ngày 05/10/2018, số 2116/QĐ-ĐHV ngày 21/8/2020).

Trên thực tế, các quy định tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn đã được Nhà trường triển khai thực hiện. Về môi trường, Nhà trường quan tâm đến hệ thống cây xanh để tạo không gian thoáng mát cho CB, GV, NV và người học; phong trào “Chủ nhật xanh” được phát động và thực hiện thường xuyên để tạo cảnh quan “xanh, sạch, đẹp”. Trường đã ký hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường để đảm bảo vệ sinh trong khuôn viên CSGD; định kỳ tổ chức các đợt tập huấn về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường. Về công tác bảo vệ sức khỏe cho CB, GV, NV và người học luôn được Nhà trường quan tâm. Nhà trường có Trạm y tế với diện tích mặt bằng 505 m², diện tích sử dụng là 360 m², được trang bị khá đầy đủ các thiết bị y tế, thuốc điều trị ban đầu cho người bệnh. Phục vụ tại Trạm y tế có đội ngũ: 02 bác sĩ, 03 y sĩ, 05 y tá, 01 dược sĩ. Trạm y tế thường xuyên tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tuyên truyền, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản. Hệ thống ký túc xá của Nhà trường đã đáp ứng được nhu cầu của người học gồm 10 tòa nhà từ 03 đến 09 tầng với 811 phòng, bố trí cho gần 4000 chỗ ở cho SV. Trong giai đoạn 2015-2019, CTĐT GDTH có 108/1209 người học được ở tại ký túc xá của Trường. Tỷ số diện tích trên người học tại ký túc xá là 5,3m². Hệ thống sân bãi phục vụ cho hoạt động TDTT, văn hóa văn nghệ được Nhà trường đầu tư xây dựng với 06 sân bóng chuyền, 06 sân bóng đá mini, 01 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho CB, SV với tổng diện tích là 35.000m², 01 nhà thi đấu đa năng với 1000 chỗ ngồi cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho các bên liên quan trong CSGD. Về công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong Nhà trường được BGH quan tâm. Lực lượng bảo vệ của Trường gồm 16 nhân viên thường xuyên được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên được cung cấp các thông tin về tình hình trật tự, trị an, an ninh của địa phương nơi đơn vị đóng. Lực lượng bảo vệ được trang bị các phương tiện và trang phục đáp ứng yêu

cầu công việc, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Đầu năm 2018, Nhà trường đã ký hợp đồng với Công ty vệ sĩ để tăng cường tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn cho con người và CSVC, trang thiết bị của CSGD. Công tác phòng chống bão lụt, PCCC của Nhà trường thực hiện nghiêm túc và đảm bảo các điều kiện theo quy định. Trường đã thành lập Ban Chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ (quyết định số 750/QĐ-ĐHV ngày 14/7/2017, số 308/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2018, số 2349/QĐ-ĐHV ngày 28/8/2019). Hệ thống PCCC được bố trí ở tất cả các tòa nhà làm việc, phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm, ký túc xá, hội trường,... Trong giai đoạn 2015-2020, Nhà trường đã 02 lần (tháng 6/2018 và tháng 5/2020) phối hợp với Phòng cảnh sát PC&CC số 1 của lực lượng Cảnh sát PC&CC tỉnh Nghệ An tổ chức tập huấn các biện pháp ứng phó khẩn cấp cho các đối tượng liên quan trong CSGD.

Năm học 2016-2017, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học của CSGD về môi trường, sức khỏe và an toàn. Kết quả phản hồi cho thấy, đối với công tác vệ sinh môi trường có 66,1% người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên), 25,6% đánh giá mức “khá” (đáp ứng từ 70-89%); đối với công tác chăm sóc sức khỏe có 51,5% người học được khảo sát đánh giá mức “tốt”, 29,8% đánh giá mức “khá”; đối với công tác an ninh, trật tự của Nhà trường có 64,1% người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt”, 26,1% đánh giá mức “khá”. Kết quả khảo sát năm học 2017-2018 cho thấy mức độ hài lòng của người học cao hơn năm học 2016-2017: đối với công tác vệ sinh môi trường có 75,1% người học đánh giá mức độ “tốt”; đối với công tác chăm sóc sức khỏe có 68,2% người học đánh giá mức “tốt”; đối với công tác an ninh, trật tự có 76,6% người học đánh giá mức “tốt”.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 9.5

2.1. Điểm tồn tại TC 9.5

Các công trình đã xây dựng trước đây và một số mới xây dựng chưa chú ý thiết kế dành riêng ưu tiên cho người khuyết tật.

Nhà trường chưa lấy ý kiến đánh giá, góp ý của các bên liên quan một cách thường xuyên và hệ thống về môi trường, sức khỏe và an toàn (chỉ lấy ý kiến SV từ năm học 2016-2017).

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 9.5

Nhà trường cần đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu cơ bản của người khuyết tật (lối đi, vệ sinh,...).

Nhà trường cần định kỳ khảo sát ý kiến các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn làm cơ sở cải tiến chất lượng phục vụ tốt hơn cho các hoạt động ĐT, NCKH và quản lý trong Trường và Khoa.

3. Mức đạt được của TC 9.5: Đạt (Mức 4/7)

Đánh giá chung tiêu chuẩn 9:

Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp hỗ trợ các hoạt động ĐT và NCKH. Khoa Giáo dục và CTĐT GDTH được trang bị 06 phòng làm việc và 04 phòng thực hành. Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào với tòa nhà 7 tầng có diện tích gần 29.000m². Số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, luận văn, luận án phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của CTĐT GDTH tính đến năm học 2019-2020 có 1571 đầu sách; trong đó, giáo trình có 386 cuốn, sách tham khảo: 935, tài liệu tiếng nước ngoài: 54, luận văn: 180, luận án: 03, tạp chí khoa học tiếng Việt: 13, CSDL trực tuyến (TCKH nước ngoài): 05 bộ. Nhà trường có hệ thống CNTT bao gồm máy tính, phần cứng, phần mềm, trang thông tin điện tử, phòng họp trực tuyến,... đáp ứng công tác đào tạo, nghiên cứu và các hoạt động khác của đơn vị. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí, phủ khắp khuôn viên của CSGD. Nhà trường đã ban hành văn bản quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường: Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự; quy định về công tác SV tự quản; quy định công tác HS, SV và HV nội trú, ngoại trú;...Các quy định của Nhà trường đã được triển khai thực hiện trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng; đầu tư bố trí trang thiết bị; tổ chức khám sức khỏe định kỳ, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản; phòng chống cháy nổ, bão lụt; đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trong CSGD.

Tuy nhiên, tần suất sử dụng trang thiết bị (Amply và máy chiếu) phục vụ cho giảng dạy và học tập vẫn còn một số phòng chưa được sử dụng. Một số phòng học hiện đang sử dụng các bàn ghế quá cũ và chưa được trang bị hệ thống amply, do đó sẽ khó khăn cho hoạt động đổi mới PP dạy học. Nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo cao học và NCS còn chưa được phong phú; giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho ngành GDTH có thời điểm chưa được cập nhật kịp thời. So với quy mô và tiềm lực của Nhà trường thì kinh phí dành cho bổ sung nguồn học liệu mới chưa tương xứng (bình quân 75.046 đồng/SV/). Phòng thực hành đàn tại nhà D3 có diện tích hẹp, hệ thống thoát hiểm và PCCN chưa đảm bảo; khi phỏng vấn đội ngũ GV có ý kiến đề nghị Nhà trường tăng cường hệ thống tai nghe cho mỗi đàn cũng như số lượng đàn và được sắp xếp ở một phòng thực hành có diện tích lớn hơn. Một số phần mềm vẫn có những trục trặc kỹ thuật, theo ý kiến của một số GV trang LMS còn khá ít chức năng, chưa tải được học liệu dưới dạng video, chưa sử dụng được dạng bài tập trắc nghiệm. Nhà trường chưa lấy ý kiến đánh giá, góp ý của các bên liên quan một cách thường xuyên và hệ thống về môi trường, sức khỏe và an toàn (chỉ lấy ý kiến SV từ năm học 2016-2017).

Nhà trường cần có kế hoạch đánh giá hiệu quả sử dụng và xây dựng phương án sử dụng tối ưu hệ thống CSVN nói chung, hệ thống phòng học và trang thiết bị phục

vụ hoạt động giảng dạy và học tập nói riêng để tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo của CSGD. Trong kế hoạch bổ sung, cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo hằng năm, Nhà trường cần ưu tiên nguồn tài liệu phục vụ đào tạo SDH và cập nhật các giáo trình, tài liệu tham khảo cho CTĐT ngành GDTH. Nhà trường nên nâng mức đầu tư cho thư viện để bổ sung nguồn học liệu. Nhà trường cần có kế hoạch tăng cường CSVC và trang thiết bị phục vụ cho phòng thực hành đàn (phòng thực hành với diện tích lớn hơn, bổ sung đàn, tai nghe) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho CTĐT GDTH triển khai hoạt động dạy học. Nhà trường có kế hoạch đánh giá và nâng cấp hệ thống phần mềm cũng như trang LMS nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho CB, GV sử dụng phục vụ cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ. Nhà trường cần định kỳ khảo sát ý kiến các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn làm cơ sở cải tiến chất lượng phục vụ tốt hơn cho các hoạt động ĐT, NCKH và quản lý trong Trường và Khoa.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị</i>		
1	Tiêu chí 9.1	4	
2	Tiêu chí 9.2	4	
3	Tiêu chí 9.3	4	
4	Tiêu chí 9.4	4	
5	Tiêu chí 9.5	4	

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Điểm mạnh TC 10.1

Năm 1995, Trường Đại học Vinh bắt đầu đào tạo sinh viên Khoá I ngành Giáo dục Tiểu học đồng thời với sự thành lập Khoa Giáo dục Tiểu học, hiện nay là Khoa Giáo dục. Trong quá trình đào tạo, CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học được rà soát và phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và phù hợp với quy định hiện hành. Trong giai đoạn 2015-2019, Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản và quyết định giao nhiệm vụ, thông báo kế hoạch và hướng dẫn quy trình rà soát, điều chỉnh các CTĐT của Trường căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học đã được rà soát, điều chỉnh vào các năm

2015, 2016, 2017 và 2018 trên cơ sở tổng hợp thông tin phản hồi từ các bên liên quan trong và ngoài Trường.

Nhà trường có Quyết định số 2732/QĐ-ĐHV ngày 07/8/2015 thành lập Hội đồng liên ngành với trách nhiệm tư vấn việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT đại học hệ chính quy của các ngành học tại Trường Đại học Vinh. Theo kế hoạch xây dựng và phát triển CTĐT theo CDIO, Nhà trường giao Phòng Đào tạo là đơn vị đầu mối tham mưu công tác tổ chức thực hiện, Phòng TCCB tham mưu thành lập Ban Chỉ đạo, các Tiểu ban xây dựng CTĐT; các Khoa/Viện chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến CTĐT của đơn vị. Việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được các đơn vị triển khai thực hiện định kỳ và theo kế hoạch nghiên cứu từng giai đoạn. Hằng năm, Nhà trường và Khoa/Viện khảo sát lấy ý kiến của sinh viên đang học về chất lượng các học phần, hoạt động giảng dạy và đánh giá, về các điều kiện hỗ trợ học tập bằng mẫu phiếu đánh giá thông qua công cụ điều tra trực tuyến.

Để rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học, ngoài các kênh thu thập thông tin chung, Nhà trường có Quyết định số 186/QĐ-ĐHV ngày 16/3/2016 thành lập Nhóm nghiên cứu gồm 6 thành viên thuộc Khoa Giáo dục với nhiệm vụ khảo sát thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để bổ sung, điều chỉnh CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học. Nhóm nghiên cứu đã xây dựng mẫu phiếu khảo sát cho từng nhóm đối tượng liên quan, tiến hành lấy ý kiến đóng góp cho CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học từ 6 nhóm đối tượng: (1) Giảng viên các trường đại học có đào tạo giáo viên Tiểu học, (2) Cán bộ quản lý ở trường Tiểu học, (3) Cán bộ cơ quan quản lý chuyên ngành, (4) Chuyên gia nghiên cứu giáo dục, (5) Cựu sinh viên, (6) Sinh viên đang học năm cuối ngành Giáo dục Tiểu học tại Đại học Vinh. Phương pháp thu thập dữ liệu được thực hiện theo nhiều hình thức khác nhau tùy theo nhóm đối tượng như gửi thư (qua bưu điện và qua email), mời gặp mặt tại Khoa, đến nơi làm việc tại cơ quan của người được mời khảo sát, tổ chức hội thảo đóng góp ý kiến. Sau khi tiến hành điều tra khảo sát, Nhóm nghiên cứu thực hiện xử lý số liệu, tiến hành đánh giá sơ bộ về mức độ đầy đủ thông tin, nhập dữ liệu và thống kê giá trị trung bình và phương sai. Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến từ các bên liên quan đã được Nhóm nghiên cứu và các đơn vị tổng hợp gửi về Ban Giám hiệu, Khoa Giáo dục và các bộ phận có trách nhiệm để làm cơ sở cho việc xây dựng, điều chỉnh CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học tiếp cận CDIO.

Nghiên cứu minh chứng cho thấy, hằng năm Nhà trường ban hành nhiều loại văn bản, quyết định, thông báo kế hoạch, hướng dẫn triển khai về việc khảo sát ý kiến từ các bên liên quan làm cơ sở để bổ sung, điều chỉnh CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học. Khoa Giáo dục chủ động thực hiện các đề tài nghiên cứu phục vụ hoạt động khảo sát, thu thập và xử lý thông tin phản hồi từ các bên liên quan. Khoa tổ chức nhiều buổi họp Hội đồng Khoa để thảo luận, có biên bản thống nhất nội dung bổ sung, điều chỉnh CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học. Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa Giáo dục,

Hiệu trưởng ban hành các quyết định áp dụng CTĐT điều chỉnh ngành Giáo dục Tiểu học vào các năm 2015, 2016, 2017 và 2018.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 10.1

2.1. Điểm tồn tại TC 10.1

Nhà trường và Khoa Giáo dục đã thực hiện nhiều đợt khảo sát ý kiến từ các bên liên quan, tuy nhiên, Nhà trường và Khoa chưa có báo cáo tổng hợp thống kê nhu cầu cụ thể của các bên liên quan về ngành Giáo dục Tiểu học. Ngoài báo cáo của đề tài nghiên cứu, các đơn vị thu thập thông tin khác chưa có báo cáo phân tích cụ thể về dữ liệu thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 10.1

Trên cơ sở dữ liệu thu thập từ các bên liên quan, Khoa Giáo dục cần xây dựng báo cáo tổng hợp có thống kê nhu cầu nguồn nhân lực ngành Giáo dục Tiểu học để Hội đồng Khoa học Khoa tham khảo trong việc điều chỉnh/phát triển CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học.

3. Mức đạt được của TC 10.1: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh TC 10.2

Thực hiện nội dung Văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 và Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng KH&ĐT Trường Đại học Vinh tổ chức cuộc họp và thống nhất kết luận về việc xây dựng/phát triển các CTĐT của Trường. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng KH&ĐT, Hiệu trưởng Nhà trường có văn bản số 10/KH-ĐHV ngày 08/3/2016 ban hành kế hoạch xây dựng và phát triển CTĐT theo CDIO với mục đích tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo theo định hướng nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội. Kế hoạch theo văn bản số 10/KH-ĐHV bao gồm nội dung hướng dẫn quy trình xây dựng và phát triển các CTĐT tại Trường Đại học Vinh đáp ứng các mục tiêu phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên theo CDIO đúng tiêu chuẩn; giúp sinh viên phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực thực tiễn; đổi mới và áp dụng phương pháp dạy và học tiên tiến, xây dựng phương thức kiểm tra đánh giá phù hợp, tiếp cận với các CTĐT quốc tế. Quy trình xây dựng và phát triển CTĐT theo CDIO năm 2016 gồm nhiều bước được thực hiện theo kế hoạch, cụ thể.

Bước 1-5: Mời chuyên gia tập huấn; Cử các nhóm giảng viên đi học tập kinh nghiệm tại các trường trong nước; Nghiên cứu tài liệu, văn bản hướng dẫn; Tổ chức rà soát các CTĐT hiện hành; Thành lập nhóm chuyên trách xây dựng CTĐT cho từng ngành, nhóm ngành.

Bước 6-8: Rà soát, xây dựng chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo; Thiết kế khung chương trình, đề cương chi tiết học phần và đánh giá năng lực của sinh viên theo CDIO dựa trên chuẩn đầu ra; Tổ chức hội thảo về CTĐT với sự tham dự của chuyên gia, hội đồng khoa học, đại diện các bên liên quan trong và ngoài trường.

Bước 9-10: Tổ chức nghiệm thu; Ra quyết định ban hành áp dụng CTĐT được xây dựng, phát triển.

Nghiên cứu minh chứng và thông qua phỏng vấn cho thấy, trong giai đoạn 2016-2019, Khoa Giáo dục đã chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung công việc để xây dựng/phát triển CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học theo CDIO. Khoa GD cử giảng viên tham gia các kế hoạch chung của Trường; thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan; rà soát xây dựng chuẩn đầu ra theo văn bản hướng dẫn số 03/HD-ĐHV ngày 19/4/2016, văn bản số 1447/ĐHV-ĐT về việc hướng dẫn thiết kế đề cương môn học đánh giá năng lực của sinh viên dựa trên CDR của Hiệu trưởng ban hành; tổ chức họp Hội đồng Khoa học Khoa và có tờ trình gửi Ban Giám hiệu đề xuất bổ sung, điều chỉnh CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học vào các năm 2016, 2017 và 2018.

Sau 3 năm thực hiện quy trình năm 2016 cho việc xây dựng/phát triển CTĐT, Nhà trường có sự điều chỉnh và ban hành Quy định về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học hệ chính quy theo Quyết định số 2382/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019, gọi tắt là Quy trình xây dựng CTĐT năm 2019. So với Quy trình năm 2016, Quy trình xây dựng CTĐT năm 2019 có sự cải tiến cho phù hợp với yêu cầu của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH; Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 về quy định kiểm định chất lượng; Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo. Quy trình xây dựng CTĐT năm 2019 gồm 7 bước: thành lập Tổ soạn thảo; xây dựng dự thảo; triển khai lấy ý kiến các bên liên quan; hoàn thiện lần 1; xây dựng chuẩn đầu ra và đề cương chi tiết các học phần; tổ chức hội thảo hoàn thiện lần 2; phê duyệt và công bố. Quy định về quy trình xây dựng CTĐT năm 2019 còn bao gồm các quy trình như (i) Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra, (ii) Quy trình thẩm định và ban hành CTĐT (đối với những ngành xây dựng mới), (iii) Quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá, phát triển CTĐT ít nhất 2 năm một lần. Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho Trưởng các khoa/viện tổ chức rà soát, đánh giá CTĐT hiện hành theo định kỳ để điều chỉnh, phát triển CTĐT mới trình Hiệu trưởng ký ban hành.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 10.2

2.1. Điểm tồn tại TC 10.2

Quy trình xây dựng CTĐT năm 2019 có sự cải tiến so với Quy trình năm 2016, tuy nhiên, qua khảo sát minh chứng cho thấy Nhà trường chưa có văn bản về việc rà soát, đánh giá quy trình xây dựng, phát triển ban hành năm 2016. Khoa Giáo dục chưa chính thức triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học cũng như các ngành khác theo Quy trình xây dựng CTĐT ban hành năm 2019.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 10.2

Nhà trường cần triển khai rà soát, đánh giá quy trình đã được sử dụng trong thời gian trước làm cơ sở cho việc cải tiến quy trình xây dựng, phát triển CTĐT giai đoạn tới. Khoa Giáo dục cần chủ động xây dựng kế hoạch triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học cũng như các ngành khác theo Quy trình xây dựng CTĐT ban hành năm 2019.

3. Mức đạt được của TC 10.2: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh TC 10.3

Trong giai đoạn 2015-2019, việc rà soát, đánh giá quá trình dạy-học và đánh giá kết quả học tập của người học được Ban Giám hiệu Trường Đại học Vinh chỉ đạo thực hiện bằng hai phương thức: (i) thường xuyên giám sát, kiểm tra, (ii) lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

Để thực hiện việc, kiểm tra hoạt động dạy và học, Nhà trường thành lập Ban Giám sát, kiểm tra công tác tổ chức dạy học tại Quyết định số 3958/QĐ-ĐHV ngày 11/11/2014; hằng năm có thông báo về kế hoạch giám sát, kiểm tra công tác dạy học. Khảo sát minh chứng cho thấy, trong từng năm học, Nhà trường đều ban hành văn bản thông báo kế hoạch giám sát, kiểm tra công tác dạy-học, cụ thể: Thông báo số 1628/TB-ĐHV ngày 08/5/2015; Kế hoạch số 50/KH-ĐHV ngày 28/11/2017; Kế hoạch theo Quyết định số 994/QĐ-ĐHV ngày 18/10/2018; Kế hoạch theo Quyết định số 2710/QĐ-ĐHV ngày 04/10/2019.

Để thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, Hiệu trưởng Nhà trường ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học theo Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016. Hằng năm, Nhà trường có văn bản hướng dẫn việc triển khai quy trình đánh giá của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên kèm theo phiếu lấy ý kiến phản hồi dành cho người học. Từ năm 2017, việc khảo sát ý kiến phản hồi của người học được tiến hành theo hình thức online gồm 7 bước, sinh viên đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của mình và trả lời bảng hỏi theo hướng dẫn. Nội dung thông tin cần thu thập gồm 3 phần: (i) Hoạt động giảng dạy

của giảng viên; (ii) Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; (iii) Sự hài lòng của người học đối với kết quả đạt được. Ngoài đối tượng là sinh viên đại học hệ chính quy, Nhà trường còn lấy ý kiến từ sinh viên hệ vừa làm vừa học, đào tạo từ xa; học viên cao học; học sinh Trường THPT chuyên; phụ huynh học sinh Trường Thực hành sư phạm.

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Vinh, ban hành tại Quyết định số 991/QĐ - ĐHV ngày 25/03/2014. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, Nhà trường có sự điều chỉnh, cải tiến phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học cho phù hợp hơn. Năm 2017, Nhà trường có Quyết định số 1262/ QĐ - ĐHV ngày 13/11/2017 điều chỉnh việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo tiếp cận năng lực và đến năm 2019, Nhà trường tiếp tục ban hành Văn bản số 04/HD-ĐHV ngày 30/03/2019 Hướng dẫn tạm thời việc thực hiện đánh giá quá trình trong đào tạo theo tiếp cận CDIO tại trường Đại học Vinh.

Khoa Giáo dục đã triển khai các quy định, hướng dẫn của Nhà trường về hoạt động rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; thu thập và tổng hợp thông tin nhằm đề xuất cải tiến phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo theo hệ tín chỉ. Khoa Giáo dục chủ động đề xuất quy trình đánh giá học phần bao gồm mẫu bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, bài tiểu luận đối với đánh giá cuối kỳ.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 10.3

2.1. Điểm tồn tại TC 10.3

Các phiếu khảo sát về hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá còn chưa có nhiều nội dung tìm hiểu thông tin chuyên sâu về phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để bảo đảm tương thích với chuẩn đầu ra. Khoa Giáo dục chưa có biên bản họp hoặc tài liệu thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy-học, đánh giá kết quả học tập với chuẩn đầu ra; chưa chủ động tổ chức những buổi hội thảo chuyên đề về đổi mới giảng dạy, kiểm tra đánh giá bảo đảm sự tương thích với chuẩn đầu ra được xây dựng và điều chỉnh đối với ngành Giáo dục Tiểu học.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 10.3

Nhà trường và Khoa cần xây dựng các phiếu khảo sát có nhiều nội dung chuyên sâu về phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để bảo đảm tương thích với chuẩn đầu ra. Hội đồng Khoa học Khoa Giáo dục cần tổ chức các buổi họp thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy-học, đánh giá kết quả học tập với chuẩn đầu ra được xây dựng và điều chỉnh

đối với ngành Giáo dục Tiểu học; Khoa cần chủ động tổ chức những buổi hội thảo chuyên đề về đổi mới giảng dạy, kiểm tra đánh giá bảo đảm sự tương thích với chuẩn đầu ra.

3. Mức đạt được của TC 10.3: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Điểm mạnh TC 10.4

Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025 đề ra các mục tiêu và giải pháp chủ yếu phát triển đồng bộ 6 lĩnh vực khoa học và công nghệ nhằm nâng cao vị thế và thương hiệu của Nhà trường, phấn đấu đến năm 2025 Trường Đại học Vinh có một số lĩnh vực nghiên cứu đạt trình độ hiện đại so với khu vực và quốc tế. Chiến lược khẳng định hoạt động khoa học công đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, chú trọng đầu tư và thúc đẩy hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học giáo dục nhằm giữ vững và phát huy uy tín, thương hiệu trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên/giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.

Hàng năm, giảng viên Khoa Giáo dục xây dựng kế hoạch năm học, đề ra những hoạt động khoa học công nghệ cụ thể như đăng ký đề tài NCKH, tham gia dự án, tham dự các hội thảo/hội nghị khoa học, viết bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế, hướng dẫn sinh viên NCKH. Trong giai đoạn 2015-2019, giảng viên Khoa Giáo dục đã thực hiện 7 đề tài cấp Bộ và 37 đề tài cấp Trường, đồng thời công bố 30 bài báo quốc tế, 207 bài báo trong nước và 98 bài báo trên tạp chí khoa học công nghệ của Trường. Giảng viên của Khoa còn xuất bản 23 giáo trình, 08 sách chuyên khảo và 02 sách tham khảo.

Trong tổng số 44 đề tài các cấp của giảng viên Khoa Giáo dục, Hội đồng Khoa học & Đào tạo của Khoa thống nhất ứng dụng kết quả của 27 đề tài nghiên cứu (tỉ lệ 61,4%) vào việc cập nhật chương trình dạy học ngành Giáo dục Tiểu học. Một số đề tài nghiên cứu cấp Bộ được ứng dụng để xây dựng modul như Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên ngành Giáo dục Tiểu học; một số được ứng dụng xây dựng giáo trình Phương pháp dạy học tiếng Việt tiểu học, giáo trình môn Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở Tiểu học, giáo trình môn Phương pháp dạy học môn Mỹ thuật ở Tiểu học. Nhiều đề tài cấp Trường được ứng dụng xây dựng chuẩn đầu ra, đề cương sơ lược và chi tiết, ma trận đề thi và ngân hàng đề thi cho 39 học phần trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học tiếp cận CDIO.

Bên cạnh đó, giảng viên của Khoa đã hướng dẫn sinh viên đăng ký và tham gia thực hiện đề tài NCKH theo lĩnh vực chuyên môn đang học. Trong giai đoạn 2015-2019, Khoa Giáo dục có 25 sinh viên tham gia các đề tài cấp Trường; có 9 giải thưởng

nghiên cứu khoa học và sáng tạo; có 10 bài báo được công bố và đăng trên tạp chí của Trường. Các đề tài NCKH của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học đều thuộc lĩnh vực chuyên môn đào tạo, phục vụ cho quá trình dạy và học ngành Giáo dục Tiểu học, giúp sinh viên nắm rõ hơn kiến thức chuyên ngành, hiểu và vận dụng các phương pháp nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập trong phân tích tổng hợp và lý giải các vấn đề lý luận và thực tiễn.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng 10.4

2.1. Điểm tồn tại TC 10.4

Nghiên cứu minh chứng cho thấy Khoa Giáo dục chưa có kế hoạch cụ thể để triển khai Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Trường; chưa chủ động xây dựng hoặc đề xuất chính sách khuyến khích/hỗ trợ việc đăng ký và thực hiện các đề tài phục vụ việc dạy và học. Các giảng viên ngành GDTH chưa có đề tài khoa học cấp nhà nước; Khoa chưa tổ chức hội thảo/hội nghị trong nước và quốc tế để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH trong việc cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của sinh viên.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 10.4

Trong giai đoạn tới, Khoa Giáo dục cần xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Trường; chủ động nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích/hỗ trợ việc đăng ký và thực hiện các đề tài phục vụ việc dạy và học; thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh để có những đề tài cấp nhà nước và đề tài liên kết với các trường/viện trong nước và nước ngoài. Khoa cần tăng cường các quan hệ hợp tác, tổ chức hoặc đồng tổ chức các hội thảo/hội nghị trong nước và quốc tế để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH trong việc cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học.

3. Mức đạt được của TC 10.4: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh TC 10.5

Ngoài các đơn vị hỗ trợ đào tạo như thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, Trường Đại học Vinh còn thành lập một số đơn vị chuyên trách có nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong học tập, NCKH, tìm việc làm và các hỗ trợ khác trong sinh hoạt văn hoá, tinh thần. Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu - Khởi nghiệp sáng tạo phối hợp với Khoa/Viện tổ chức nhiều chương trình hỗ trợ sinh viên như tư vấn kỹ năng nghề

nghiệp, kỹ năng sống; tư vấn tìm việc làm; tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản cho nữ sinh viên.

Nhằm đánh giá và cải tiến các hoạt động của Trường, Hiệu trưởng ra Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016 ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động của Trường, trong đó bao gồm các dịch vụ và hoạt động hỗ trợ sinh viên. Quy trình lấy ý kiến người học theo hình thức trực tuyến gồm 4 bước; quy trình lấy ý kiến theo hình thức bằng giấy gồm 6 bước. Nhà trường giao Phòng CTCT-HSSV làm đơn vị đầu mối, phối hợp với Trung tâm ĐBCL, Khoa/Viện và các đơn vị liên quan triển khai thu thập dữ liệu, tổng hợp và báo cáo Ban Giám hiệu xem xét và xử lý. Hằng năm, Nhà trường tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá và rút kinh nghiệm trên cơ sở báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học. Từ năm học 2017-2018, nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của người học được kết hợp với Phiếu khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công (theo Quyết định số 2329/QĐ-BGDĐT ngày 11/7/2017).

Nghiên cứu minh chứng cho thấy hằng năm Nhà trường đều có kế hoạch triển khai và có báo cáo tổng hợp công tác và kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học đối với các hoạt động của Trường, trong đó có các nội dung về Dịch vụ giáo dục, Cơ sở vật chất, Môi trường đào tạo, Hoạt động đào tạo, Kết quả đào tạo; mỗi nội dung có 4-5 câu hỏi về các vấn đề cụ thể. Sinh viên đánh giá sự hài lòng đối với các vấn đề cụ thể liên quan đến nội dung theo 5 mức, từ Rất không hài lòng đến Rất hài lòng. Phiếu khảo sát còn có câu hỏi mở để sinh viên có thể đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ về các nội dung trên. Báo cáo Kết quả khảo sát qua các năm cho thấy trung bình khoảng 95% sinh viên trả lời hài lòng đối với các dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường; số còn lại phân vân, không trả lời hoặc trả lời không hài lòng. Về nội dung cơ sở vật chất, có 91% sinh viên trả lời hài lòng và rất hài lòng về phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm; 82% hài lòng và rất hài lòng về ký túc xá; 85% đối với hệ thống công nghệ thông tin; 87% đối với dịch vụ và sự hỗ trợ của thư viện. Đối với dịch vụ tư vấn hỗ trợ nói chung, có 91% sinh viên trả lời hài lòng và rất hài lòng.

Cùng với việc khảo sát qua phiếu khảo sát, Nhà trường và Khoa/Viện còn tiến hành một số hoạt động như tổ chức hội nghị dân chủ sinh viên, tổ chức chương trình đối thoại giữa Hiệu trưởng với sinh viên để thu thập ý kiến của người học đối với các hoạt động của Nhà trường. Khoa còn phân công cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm quản lý lớp, tham dự các cuộc họp lớp để nắm bắt tình hình và có sự hỗ trợ kịp thời. Trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào cũng phối hợp tổ chức hội nghị bạn đọc, có hộp thư lấy ý kiến đóng góp về hoạt động và dịch vụ của Thư viện.

2. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 10.5

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường được tiến hành khảo sát tập trung vào đối tượng sinh viên đang học; chưa có minh chứng

cho thấy Nhà trường khảo sát ý kiến các nhóm đối tượng như giảng viên, nhân viên. Nội dung câu hỏi chưa đi sâu vào từng vấn đề; sinh viên chỉ trả lời chung chung theo mức độ hài lòng; số lượng sinh viên đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng qua câu hỏi mở còn ít hoặc chưa cụ thể; chưa có báo cáo cụ thể về việc xử lý số liệu để bảo đảm độ tin cậy đối với dữ liệu thu thập.

Nhà trường có thông báo kết quả khảo sát đến cá nhân, đơn vị liên quan nhưng chưa có minh chứng báo cáo về kết quả cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Khảo sát minh chứng và phỏng vấn cho thấy một số ý kiến đề xuất khá giống nhau qua các năm: tăng cường số giáo trình, sách và tài liệu tham khảo tại thư viện; trang bị thêm cơ sở dữ liệu cho thư viện; nâng cấp hệ thống wifi và phần mềm để dạy online; cần mua thêm phần mềm phục vụ giảng dạy; tăng cường ánh sáng, sửa chữa hoặc thay mới một số màn hình, máy chiếu tại một số phòng học; phát triển phòng Multimedia cho sinh viên thực hành soạn bài giảng elearning.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 10.5

Ngoài sinh viên đang học, Nhà trường và Khoa/Viện cần mở rộng đối tượng khảo sát đến cán bộ giảng viên, nhân viên toàn trường trong việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường; Khoa/Viện và các đơn vị chức năng cần có giải pháp khuyến khích, động viên sinh viên tham gia khảo sát, tăng cường việc trả lời các câu hỏi mở thông qua khảo sát và qua các cuộc đối thoại, hội nghị sinh viên để thu thập được những thông tin cụ thể và thực tế hơn theo nhu cầu của người học.

Nhà trường cần tổ chức các buổi họp/hội nghị báo cáo kết quả khảo sát và có kết luận đưa ra giải pháp và kế hoạch cụ thể để cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác trên cơ sở ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

3. Mức đạt được của TC 10.5: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh TC 10.6

Trường Đại học Vinh thực hiện hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan theo quy trình và kế hoạch được hướng dẫn trong “Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học” do Hiệu trưởng ký ban hành tại Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016. Từ năm học 2017-2018, nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của người học được kết hợp với Phiếu khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công theo Quyết định số 2329/QĐ-BGDĐT ngày 11/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường và Khoa/Viện còn tiến hành thu

thập ý kiến phản hồi thông qua một số phương thức như: Hội nghị dân chủ sinh viên; Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và Sinh viên; Hội nghị CB trẻ; Hội nghị công chức, viên chức; Diễn đàn trao đổi với nhà tuyển dụng...

Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến của người học xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung và các phương pháp, hình thức tiến hành việc khảo sát ý kiến phản hồi của người học. Quy định cũng nêu rõ việc tổng hợp báo cáo và sử dụng kết quả đối với cá nhân, đơn vị Khoa/Viện/Phòng chức năng và Ban Giám hiệu Nhà trường để có những định hướng, đưa ra quyết định kịp thời nhằm hoàn thiện, nâng cao chất lượng đào tạo chung. Nhà trường có sự phân công trách nhiệm cho các đơn vị, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện công tác khảo sát ý kiến phản hồi, trong đó Phòng CTCT-HSSV là đơn vị đầu mối, phối hợp với Trung tâm ĐBCL, Khoa/Viện và các đơn vị liên quan triển khai thu thập dữ liệu, tổng hợp và báo cáo Ban Giám hiệu xem xét và xử lý. Hằng năm, Nhà trường có ban hành kế hoạch và hướng dẫn các đơn vị thực hiện khảo sát ý kiến của các nhóm đối tượng khác nhau như sinh viên hệ chính quy, sinh viên hệ vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, học viên cao học, học sinh Trường THPT chuyên, phụ huynh học sinh Trường Thực hành sư phạm.

Khoa Giáo dục đã chủ động thực hiện các đề tài nghiên cứu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trong và ngoài trường làm cơ sở cho việc phát triển CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học theo hướng tiếp cận CDIO. Hằng năm, Khoa tổ chức thực hành Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, Thực tập sư phạm cho sinh viên; các bộ môn lập kế hoạch, triển khai thực hiện hoạt động rèn luyện, thực tập và tổ chức kiểm tra thực tế của sinh viên tại các cơ sở. Thông qua các hoạt động này, Khoa Giáo dục thu thập thông tin phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động nhằm cải tiến chất lượng chương trình dạy học, tăng cường hoạt động hỗ trợ và tiện ích cho người học, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội.

Nghiên cứu minh chứng cho thấy, Nhà trường ban hành nhiều văn bản về quy định, thông báo kế hoạch, phân công, hướng dẫn các đơn vị triển khai kế hoạch và báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan. Trước khi ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học, Nhà trường có văn bản gửi các đơn vị yêu cầu góp ý dự thảo để sau đó tổng hợp và hoàn thiện Quy định. Tháng 12/2016 và tháng 6/2017, Nhà trường có báo cáo đánh giá việc thực hiện khảo sát theo Quy định tạm thời, đưa ra một số tồn tại và định hướng hoàn thiện trong thời gian tới với việc thành lập Tổ công tác lấy ý kiến phản hồi, tiếp tục rà soát để hoàn thiện các bộ câu hỏi đã có và xây dựng các bộ câu hỏi mới phù hợp với tình hình và yêu cầu phát triển của Trường.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 10.6

2.1. Điểm tồn tại TC 10.6

Nhà trường ban hành nhiều văn bản quy định, thông báo kế hoạch và hướng dẫn các đơn vị triển khai lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan theo học kỳ và từng năm học; tuy nhiên, từ năm 2018 đến nay, Nhà trường chưa tiến hành việc đánh giá và báo cáo việc hoàn thiện/cải tiến cơ chế và các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Nhà trường vẫn sử dụng Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học ban hành vào tháng 11/2016, chưa có văn bản chính thức điều chỉnh quy định cho phù hợp với tình hình trong giai đoạn mới. Quá trình khảo sát ý kiến phản hồi tập trung nhiều vào đối tượng sinh viên đang học; việc thu thập ý kiến từ các đối tượng như giảng viên, nhân viên và các bên liên quan ngoài trường chưa được tiến hành thường xuyên. Nghiên cứu minh chứng cho thấy, Nhà trường và các đơn vị, Khoa/Viện chưa có các báo cáo cụ thể về việc cải tiến các hoạt động trên cơ sở tổng hợp ý kiến phản hồi hằng năm.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 10.6

Nhà trường cần tiến hành rà soát, đánh giá quy trình và các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan nhằm cải thiện cơ chế phản hồi có tính hệ thống hơn; cần ban hành văn bản quy định chính thức để thay Quy định tạm thời đã ban hành nhiều năm trước. Trong quá trình khảo sát, Nhà trường và Khoa/Viện cần mở rộng các nhóm đối tượng để có thông tin phản hồi đầy đủ và thực tế hơn đối với các hoạt động của Nhà trường và đơn vị. Khoa Giáo dục cần chủ động triển khai các hoạt động khảo sát đáp ứng yêu cầu phát triển và cải tiến chất lượng đào tạo của Khoa; có báo cáo kết quả rà soát và kế hoạch cải tiến trên cơ sở tổng hợp ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Khoa Giáo dục nên thường xuyên tổ chức các buổi họp/hội nghị trao đổi kinh nghiệm về việc khảo và có đề xuất với Nhà trường về việc cải tiến cơ chế phản hồi nhằm nâng cao tính hệ thống và hiệu quả cho hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan đối với Nhà trường nói chung và Khoa Giáo dục nói riêng.

3. Mức đạt được của TC 10.6: Đạt (Mức 4/7)

Đánh giá chung tiêu chuẩn 10:

Trường Đại học Vinh ban hành Quy định về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học hệ chính quy năm 2016 và được điều chỉnh năm 2019. Nhà trường có các văn bản, quyết định giao nhiệm vụ, thông báo kế hoạch và hướng dẫn quy trình rà soát, điều chỉnh CTĐT; ban hành Đề án xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận CDIO thành lập Hội đồng liên ngành với trách nhiệm tư vấn việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT đại học hệ chính quy. Nhà trường có các văn bản hướng dẫn lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về chuẩn đầu ra và khung CTĐT làm cơ sở cho việc cập nhật và điều chỉnh các CTĐT của Trường.

Việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được Nhà trường và các Khoa/Viện triển khai thực hiện định kỳ và theo kế hoạch nghiên cứu bằng nhiều hình

thức khác nhau. Khoa Giáo dục tổ chức nhiều buổi họp Hội đồng Khoa học Viện để thảo luận, có biên bản thống nhất nội dung bổ sung, điều chỉnh CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học vào các năm 2015, 2016, 2017 và 2018 trên cơ sở tổng hợp ý kiến phản hồi. Trong giai đoạn 2015-2019, giảng viên Khoa Giáo dục đã thực hiện 44 đề tài NCKH, trong đó có 27 đề tài nghiên cứu được ứng dụng trong xây dựng, phát triển CTĐT, hoạt động giảng dạy và học tập; đã hướng dẫn sinh viên đăng ký và tham gia thực hiện đề tài NCKH theo lĩnh vực chuyên môn đang học, đạt nhiều giải thưởng.

Ngoài các đơn vị hỗ trợ đào tạo như thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, Trường Đại học Vinh còn thành lập một số đơn vị chuyên trách có nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong học tập, NCKH, tìm việc làm và các hỗ trợ khác trong sinh hoạt văn hoá, tinh thần. Nhà trường ban hành nhiều văn bản về quy định, thông báo kế hoạch, phân công, hướng dẫn các đơn vị triển khai kế hoạch khảo sát ý kiến của các bên liên quan. Hằng năm Nhà trường có báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan nhằm rút kinh nghiệm và đề ra giải pháp cải tiến các hoạt động dịch vụ tư vấn và hỗ trợ sinh viên của Trường.

Tuy nhiên, Nhà trường chưa tiến hành việc đánh giá và báo cáo việc hoàn thiện/cải tiến cơ chế và các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Quá trình khảo sát ý kiến phản hồi tập trung nhiều vào đối tượng sinh viên đang học; việc thu thập ý kiến từ các đối tượng như giảng viên, nhân viên và các bên liên quan ngoài trường chưa được tiến hành thường xuyên. Nhà trường chưa có văn bản về việc rà soát, đánh giá quy trình xây dựng, phát triển CTĐT ban hành năm 2016.

Khoa Giáo dục chưa chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch định kỳ trong việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu nguồn nhân lực từ các bên liên quan đối với ngành Giáo dục Tiểu học; chưa có báo cáo tổng hợp thống kê nhu cầu nguồn nhân lực cụ thể đối với các ngành đào tạo của Khoa; chưa có báo cáo phân tích về dữ liệu thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về ngành Giáo dục Tiểu học. Các phiếu khảo sát về hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá chưa có nhiều nội dung tìm hiểu thông tin chuyên sâu về phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để bảo đảm tương thích với chuẩn đầu ra.

Khoa Giáo dục chưa chính thức triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành Sư phạm Hoá học cũng như các ngành khác theo Quy trình xây dựng CTĐT ban hành năm 2019; chưa có kế hoạch cụ thể để triển khai Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Trường; chưa có đề tài khoa học liên kết với các đối tác trong và ngoài nước; chưa chủ động xây dựng hoặc đề xuất chính sách khuyến khích/hỗ trợ việc đăng ký và thực hiện các đề tài phục vụ việc dạy và học.

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường được tiến hành khảo sát tập trung vào đối tượng sinh viên đang học; chưa có minh chứng

cho thấy Nhà trường khảo sát ý kiến các nhóm đối tượng như giảng viên, nhân viên; chưa có minh chứng báo cáo về kết quả cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Nhà trường cần tiến hành rà soát, đánh giá quy trình và các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan nhằm cải thiện cơ chế phản hồi có tính hệ thống hơn; cần mở rộng các nhóm đối tượng để có thông tin phản hồi đầy đủ và thực tế hơn đối với các hoạt động của Nhà trường. Nhà trường cần triển khai rà soát, đánh giá quy trình đã được sử dụng trong thời gian trước làm cơ sở cho việc cải tiến quy trình xây dựng, phát triển CTĐT giai đoạn tới. Khoa Giáo dục cần chủ động triển khai các hoạt động khảo sát đáp ứng yêu cầu phát triển và cải tiến chất lượng đào tạo của Khoa; có báo cáo kết quả rà soát và kế hoạch cải tiến trên cơ sở tổng hợp ý kiến phản hồi từ các bên liên quan; cần có báo cáo tổng hợp thống kê nhu cầu nguồn nhân lực cụ thể đối với các ngành đào tạo của Khoa nói chung và ngành Giáo dục Tiểu học nói riêng. Nhà trường và Khoa Giáo dục cần xây dựng các phiếu khảo sát có nhiều nội dung chuyên sâu về phương pháp giảng dạy cũng như phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để bảo đảm tương thích với chuẩn đầu ra. Khoa Giáo dục cần xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Trường; chủ động nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích/hỗ trợ việc đăng ký và thực hiện các đề tài phục vụ việc dạy và học; thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh để có những đề tài cấp nhà nước và đề tài liên kết với các trường/viện trong nước và nước ngoài. Nhà trường và Khoa cần tổ chức các buổi họp/hội nghị báo cáo kết quả khảo sát và có kết luận đưa ra giải pháp và kế hoạch cụ thể để cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác trên cơ sở ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng</i>		
1	Tiêu chí 10.1	5	
2	Tiêu chí 10.2	4	
3	Tiêu chí 10.3	4	
4	Tiêu chí 10.4	5	
5	Tiêu chí 10.5	4	
6	Tiêu chí 10.6	4	

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra***TC 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.*****1. Điểm mạnh TC 11.1**

Nhà trường có ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy (QĐ số 1291/QĐ-ĐHV, ngày 15/8/2016). Vì vậy cơ sở dữ liệu người học tham gia CTĐT được hệ thống theo dõi tiến độ học tập của SV qua CVHT, trợ lý quản lý SV, trợ lý đào tạo của Khoa do 1 lãnh đạo khoa trực tiếp chỉ đạo, trên cơ sở phối hợp với Phòng CTCT-HSSV, Phòng Đào tạo, Trung tâm Đảm bảo chất lượng. Trong hệ thống đó tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn được xác lập, danh sách thôi học, tốt nghiệp cũng được cập nhật hằng năm.

Trong chu kỳ đánh giá, tỉ lệ SV hoàn thành CTĐT và tốt nghiệp ngành GDTH đạt mức khá cao, bình quân trong giai đoạn đánh giá là 84,5% (có năm đạt đến 96,72%). Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn (4 năm) được xác lập thấp nhất là K54 (2013-2017) đạt 47,9% và cao nhất là K52 (2011-2015) đạt 96,7%, còn lại biến động từ 63% đến 80,2%.

Tỉ lệ thôi học những năm vừa qua dao động trong mức thấp từ 1,3% đến 8,5% (năm học 2017-2018). Tính chung bình quân trong giai đoạn từ 2015 đến 2019, tỉ lệ SV thôi học tính trên tổng số nhập học của ngành là 5,15%.

Khoa đã tìm hiểu nguyên nhân chủ yếu SV bỏ học: i) Không phù hợp với nghề sư phạm, ii) Có cơ hội học ngành nghề khác phù hợp hơn, iii) Cơ hội làm giáo viên sau khi tốt nghiệp khó khăn, iv) Thôi học để đi làm,... Nhà trường, Khoa đã có nhiều giải pháp, hoạt động tư vấn hỗ trợ SV như phát triển năng lực sư phạm (hội thi nghiệp vụ sư phạm, hoạt động tình nguyện nâng cao nhận thức xã hội, hoạt động Đoàn, Hội làm phong phú đời sống tinh thần và không gian trải nghiệm, câu lạc bộ, xây dựng quỹ học bổng từ doanh nghiệp, giới thiệu việc làm, trao đổi tư vấn, thông tin,...). Đặc biệt, Nhà trường đã bổ sung môn học phần “Nhập môn ngành sư phạm” và trải nghiệm thực hiện đồ án nhập môn ngành sư phạm từ năm 2018, giúp SV định hướng, hiểu biết ngành nghề và yêu nghề sư phạm.

Khoa đã đối sánh về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của GDTH với các ngành sư phạm khác trong trường cho thấy bình quân trong giai đoạn đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp ở mức cao nhất và tỉ lệ thôi học là thấp nhất. Giai đoạn 2015-2019, ngành GDTH có tỉ lệ tốt nghiệp/thôi học là 84,5%/5,15%, ngành SP Sinh học là 80,1%/13,8%, ngành SP Toán học là 81,3%/12,2%, ngành SP Vật lý là 80,6%/14,2%.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 11.1

2.1. Điểm tồn tại TC 11.1

Trong giai đoạn đánh giá, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn 4 năm ở mức bình quân thấp 70%. Tỉ lệ tốt nghiệp đúng 4 năm ngày càng giảm xuống theo khóa học, cá biệt khóa 2013-2017 chỉ còn 47,9%. Mặc dù Khoa đã phân tích và tìm giải pháp cải thiện nhưng hiệu quả mang lại chưa rõ ràng, biến động không theo quy luật, chưa cải thiện được kết quả.

Có SV tốt nghiệp chậm tiến độ có nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, do học lực còn yếu, không đủ năng lực theo chương trình,... là những lý do có thể cải thiện được, nhưng các hỗ trợ, tư vấn của Khoa chưa mang lại hiệu quả để nâng tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn. Ngoài ra, mặc dù SV có điểm đầu vào cao nhất trường, nhưng vẫn chưa có SV nào tốt nghiệp trước thời hạn.

Nhà trường, Khoa chưa dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp để đề xuất các biện pháp khả thi cải tiến chất lượng; hỗ trợ người học tốt nghiệp một cách hiệu quả, chưa tổ chức đối sánh với các CTĐT của các trường sư phạm trong nước và nước ngoài về tỉ lệ SV thôi học và tốt nghiệp

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 11.1

Nhà trường và Khoa cần xây dựng sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, đặc biệt là chậm tốt nghiệp; nhật ký tư vấn cho người học sau khi thôi học.

Nhà trường và Khoa cần nghiên cứu dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp để đề xuất các biện pháp khả thi nhằm cải tiến chất lượng, hỗ trợ người học tốt nghiệp hiệu quả.

Nhà trường và Khoa cần tổ chức đối sánh về tỉ lệ SV thôi học và tốt nghiệp với các trường SP trong nước và nước ngoài. Sử dụng tốt kết quả thống kê tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học hằng năm để điều chỉnh chương trình và phương pháp dạy học, điều chỉnh hoạt động đào tạo của Khoa trong giai đoạn tiếp theo. Nên bổ sung Nhập môn ngành Giáo dục học để SV hiểu biết và yêu ngành SP tiểu học; các môn về chính trị, xã hội nên dàn đều trong các năm học để SV có điều kiện tiếp cận nhanh các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành.

3. Mức đạt được của TC 11.1: Đạt (Mức 4/7).

TC 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh TC 11.2

Nhà trường và Khoa chỉ đào tạo ngành GDTH chính quy và đã xây dựng kế hoạch đào tạo một khóa chuẩn là 4 năm, tối đa không quá 6 năm. Trong đó có xác lập

được thời gian tốt nghiệp trung bình của người học tham gia CTĐT, thông báo tới SV bằng nhiều hình thức (sổ tay SV, tuần sinh hoạt công dân, CVHT,...) để SV chủ động hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp đúng tiến độ. Nhà trường có quy định rõ ràng về quá trình tích lũy học phần, tín chỉ và điều kiện tốt nghiệp.

Khoa phối hợp với CVHT nhắc nhở SV nắm thông tin, chủ động lên kế hoạch học tập cá nhân; tư vấn cho SV lựa chọn môn học tương đương thay thế cho các môn học còn nợ. Nhà trường và Khoa có cơ sở dữ liệu về người học tham gia CTĐT có thể theo dõi về thời gian tốt nghiệp của SV; đã đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT GDTH với CTĐT SP Hóa học, SP Toán học, SP Vật lý của Nhà trường và cho thấy ngành GDTH có thời gian tốt nghiệp trung bình lớn hơn. Năm 2015, 2016 thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành GDTH là 4,01 và 4,35 năm so với SPHH là 4,06 và 4,11 năm; thì năm 2017 và 2019 là 4,6 và 4,26 năm so với SPHH là 4,03 năm. Bình quân trong 5 năm giai đoạn đánh giá thời gian tốt nghiệp trung bình của GDTH là 4,27 năm.

Khoa đã chú trọng tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn, giám sát tiến độ học tập, thường xuyên thống kê, theo dõi và tư vấn lựa chọn học phần hợp lý, đổi mới phương pháp học tập cho các trường hợp chậm tiến độ, học lực yếu. Nhà trường thường xuyên cảnh báo, nhắc nhở SV, cập nhật trên trang tài khoản cá nhân của SV, gửi email thông báo,...

Trong các cuộc họp thường kỳ, Khoa đã có những báo cáo đánh giá tình hình học tập của SV, đề xuất các biện pháp hỗ trợ và tư vấn SV một cách hiệu quả. Nhờ đó đã rút ngắn được thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành GDTH trong những năm cuối còn 4,26 và 4,16 năm.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 11.2

2.1. Điểm tồn tại TC 11.2

Nhà trường và Khoa chưa ban hành quy định về các điều kiện để có thể học vượt, chưa hướng dẫn người học học vượt; chưa có nhật ký tư vấn/hỗ trợ người học hoàn thành chương trình học tập đúng thời hạn hoặc rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành GDTH khá cao, cá biệt có khóa 2013-2017 (K54) lên đến 4,6 năm.

Nhà trường và Khoa chưa tổ chức đối sánh về thời gian tốt nghiệp trung bình với CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 11.2

Nhà trường và Khoa nên nghiên cứu đặt mục tiêu phấn đấu để SV tốt nghiệp đúng hạn tiến tới rút ngắn thời gian học của SV, nên có quy định các điều kiện để có

thể học vượt, hướng dẫn, tổ chức học vượt, quy định CVHT đôn đốc, tư vấn để SV cải thiện kết quả học tập và nâng cao chất lượng.

Nhà trường và Khoa cần có giải pháp hiệu quả hơn để tăng tỉ lệ SV tốt nghiệp tốt nghiệp đúng hạn; có quy định nhiệm vụ rõ ràng cá nhân chịu trách nhiệm theo dõi, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình; quy định các điều kiện có thể học vượt hoặc hướng dẫn, tổ chức học vượt, quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình; có nhật ký tư vấn/hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Nhà trường và Khoa cần tổ chức đối sánh về thời gian tốt nghiệp trung bình với các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước để có các giải pháp cải tiến CTĐT và phương pháp đào tạo.

3. Mức đạt được của TC 11.2: Đạt (Mức 4/7).

TC 11.3. Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh TC 11.3

Nhà trường đã triển khai thực hiện điều tra khảo sát SV sau tốt nghiệp (QĐ 1307/QĐ-ĐHV, ngày 01/11/2016, QĐ 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016 và QĐ 2396/QĐ-ĐHV, ngày 06/9/2019). Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp là đơn vị chủ trì làm đầu mối phối hợp với Khoa và các bộ phận chức năng thu thập thông tin, khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp 6 tháng và 1 năm theo quy định (QĐ 510/QĐ-ĐHV, ngày 17/5/2016 và QĐ 1106/ĐH-ĐHV, ngày 06/6/2018). Để nắm sát thực tế hơn Khoa đã giao cho trợ lý quản lý SV phối hợp cùng Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp thực hiện việc khảo sát SV sau tốt nghiệp.

Nhà trường đã sử dụng các hình thức: khảo sát qua mạng internet, qua thư tín, điện thoại, phỏng vấn trực tiếp. Thông tin phản hồi được nhập vào phần mềm quản lý của hệ thống.

CSDL về người học có thống kê, lưu trữ danh sách và có hệ thống theo dõi tình trạng việc làm của người học tốt nghiệp. Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp của ngành GDTH các năm 2015, 2016 và 2017 lần lượt là 92,85%, 90,9% và 69,7%. Đây là số liệu đáng tin cậy phản ánh nguồn cung lớn hơn cầu của ngành GDTH cả nước hiện nay nói chung và khu vực Nghệ An, Hà Tĩnh nói riêng.

Đối sánh với các ngành sư phạm trong trường cho thấy ngành GDTH có tỉ lệ SV có việc làm đạt ở mức nhóm cao của Trường. SP Sinh học có tỉ lệ việc làm tương ứng là 82,3%, 72% và 70,8%; SP Vật lý lần lượt là 93,7%, 74,5% và 73%.

Nhà trường, Khoa đã có các giải pháp nâng cao khả năng có việc làm của SV như tổ chức các khoa huấn luyện kỹ năng mềm với các chuyên gia có uy tín, giao lưu, nói chuyện chuyên đề với các thầy cô giàu kinh nghiệm thực tiễn, các nhà quản lý giáo dục, thông tin việc làm, tăng cường các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm; tổ chức Ngày hội việc làm tại trường

Đoàn ĐGN đã khảo sát 3 khóa SV ngành GDTH (2013-2017, 2014-2018, 2015-2019) gồm 260 cựu SV, kết quả là tỉ lệ có việc làm/đúng ngành đạt trên 90%, lần lượt là 91,18%/92,47%; 92,47%/90,7% và 92,05%/91,36%. Tỉ lệ SV tốt nghiệp làm việc trong khu vực nhà nước giảm (từ 92% khóa 2011-2015 xuống 84% khóa 2012-2016, đến 78% khóa 2013-2017) và trong các cơ sở tư nhân, có yếu tố nước ngoài có xu hướng tăng, từ 8% (khóa 2012-2016) lên đến 19,2% (khóa 2013-2017), tỉ lệ tự tạo việc làm những năm 2015, 2016 hầu như không có, năm 2017 có 6 SV.

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 11.3

2.1. Điểm tồn tại TC 11.3

Nhà trường và Khoa chưa có đủ thống kê, lưu trữ đầy đủ danh sách người học tốt nghiệp về vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác (chỉ thống kê khu vực làm việc nhà nước, tư nhân, tự tạo việc làm); chưa dự đoán xu thế về việc làm (nhu cầu về số lượng, chất lượng lao động, mức thu nhập...).

Nhà trường và Khoa tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp nâng cao tỉ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo và mức lương cao phù hợp cũng như thực hiện các phương án hỗ trợ hiệu quả người tốt nghiệp có việc làm, tự tạo việc làm tốt hơn (chỉ mới tổ chức Ngày hội việc làm).

Nhà trường và Khoa chưa thực hiện đối sánh về tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp và thu nhập với các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước; chưa khảo sát, trao đổi với các đơn vị sử dụng lao động trong việc gắn kết, hợp tác giữa hai bên. Khoa chưa sử dụng hiệu quả các thông tin về tình hình và đối sánh việc làm của SV tốt nghiệp để cải tiến chất lượng.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 11.3

Để nâng cao chất lượng, tỉ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp CTĐT GDTH, Nhà trường và Khoa cần phân công thật rõ ràng các công việc liên quan đến việc làm của SV tốt nghiệp (bao gồm lập kế hoạch hành động nâng cao khả năng có việc làm của SV, theo dõi, khảo sát, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, việc làm và thu nhập của SV sau tốt nghiệp, kết nối với nhà sử dụng lao động trong phát triển, cải tiến các hoạt động dạy học hướng đến đạt CDR, hỗ trợ SV tìm kiếm và tự tạo việc làm, xây dựng, cập nhật và quản lý CSDL về việc làm người học tốt nghiệp, ...), dự đoán xu thế về việc làm (nhu cầu về số lượng, chất lượng lao động, mức thu nhập...).

Nhà trường và Khoa cần nghiên cứu điều chỉnh CTĐT theo hướng bổ sung thêm Nhập môn ngành (chuyên ngành Giáo dục tiểu học), tăng thêm học phần tự chọn phù hợp đổi mới giáo dục, nâng cao thêm kỹ năng nghiên cứu, thực hành để nâng cao khả năng có việc làm, đáp ứng nhu cầu xã hội; cần thống kê, lưu trữ danh sách người học tốt nghiệp về vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác và đưa thông tin này vào CSDL tích hợp về người học; cần thu thập, phân tích ý kiến tất cả các bên liên quan thường xuyên hơn; có chương trình khảo sát và dự báo về nhu cầu sử dụng lao động ngành GDTH theo giai đoạn (5-10 năm) và từng năm để định hướng phát triển, đổi mới CTĐT có hướng chuyên sâu theo chương trình giáo dục phổ thông 2020, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo GV cũng như yêu cầu các bên liên quan; cần tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp nâng cao tỉ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo và mức lương cao phù hợp cũng như thực hiện các phương án hỗ trợ người tốt nghiệp có việc làm, tự tạo việc làm tốt hơn.

Phỏng vấn các nhà SDLĐ (lãnh đạo Sở GD&ĐT, Trường TH,...) cho thấy Nhà trường và Khoa cần phát triển các năng lực và kỹ năng sau đây của người học để đáp ứng tốt hơn yêu cầu dạy học ở trường phổ thông: (1) các kỹ năng về bồi dưỡng học sinh giỏi; (2) kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; (3) năng lực cải tiến, sáng tạo phương pháp dạy học, năng lực ngoại ngữ để tham khảo các bài tập mới, phương pháp dạy học hay của các nước tiên tiến để vận dụng; năng lực GV chủ nhiệm (cần tăng chuyên đề GVCN, hiện tại ít nên SV gặp khó khăn nhiều khi làm GVCN); (4) kỹ năng giao tiếp với HS tiểu học, phối hợp với phụ huynh; (5) kỹ năng tổ chức ngoại khóa, sinh hoạt chuyên đề; (6) kỹ năng quản lý lớp và học sinh; (7) kỹ năng xử lý tình huống; và các kỹ năng mềm khác để làm được các việc khác ngoài giảng dạy.

3. Mức đạt được của TC 11.3: Đạt (Mức 4/7).

TC 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh TC 11.4

Nhà trường có kế hoạch chiến lược phát triển KHCN, trong đó có đề cập hoạt động NCKH của SV (QĐ 393/QĐ-ĐHV, ngày 09/5/2017 và 766/QĐ-ĐHV, ngày 31/8/2018); khuyến khích SV tham gia NCKH bằng nhiều phương thức như: thực hiện các đề tài NCKH SV theo kinh phí trường cấp, tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, CLB khoa học, các giải thưởng KHCN trong và ngoài nước, ứng dụng tiến bộ KH&CN, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học; tổ chức hội nghị khoa học SV cấp trường, tổ chức hội thảo khoa học cấp khoa,... Hoạt động NCKH của SV được quản lý theo Chương 4 của Quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Trường ĐHV (QĐ số 480/QĐ-ĐHV, ngày 09/5/2016).

Trong giai đoạn 2015 – 2019, có 130 SV của ngành đã chủ trì và tham gia các đề tài NCKH các cấp dưới sự hướng dẫn của các GV của Khoa, chiếm tỉ lệ 13,9%. Khoa thường xuyên tổ chức tọa đàm, hàng năm có tổ chức hội nghị NCKH SV nhằm cho SV tập làm quan với báo cáo khoa học, giới thiệu các công trình nghiên cứu để tuyển chọn dự thi cấp Trường, cấp Bộ. Các đề tài tập trung vào lĩnh vực nghiên cứu về tâm lý học, giáo dục học tiểu học và PPGD các môn học. Trong đó có một số NCKH có chất lượng và đạt được 9 giải thưởng ở các Hội nghị Nghiên cứu khoa học SV (7 giải thưởng NCKH cấp trường, 2 Giải thưởng NCKH cấp Bộ, 10 bài báo khoa học). Từ hoạt động NCKH của SV, một số đã trưởng thành, tiếp tục nghiên cứu và sớm trở thành ThS, TS. So sánh với chuẩn chung của các trường đại học trong cả nước thì kết quả NCKH của SV ngành GDTH đạt mức khá.

Đối sánh với các ngành SP Toán học, SP Vật lý thì số SV tham gia NCKH, số đề tài và số giải thưởng của ngành GDTH cũng tương đương (QĐ số 525/QĐ-ĐHV, ngày 11/02/2015, 744/QĐ-ĐHV, ngày 11/4/2019).

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 11.4

2.1. Điểm tồn tại TC 11.4

Nhà trường và Khoa chưa sử dụng hết 3% từ nguồn thu học phí cho SV NCKH nên tỉ lệ SV tham gia hoạt động NCKH chưa tương xứng với tiềm năng.

Nhà trường, Khoa chưa xây dựng dữ liệu về việc tổ chức các hội nghị tổng kết, đánh giá hoạt động NCKH của người học; chưa phát triển các liên kết với các Sở GD&ĐT, các trường, viện nghiên cứu để tạo nhiều cơ hội cho SV NCKH, phục vụ xã hội; chưa thực hiện đối sánh loại hình, số lượng và kết các hoạt động nghiên cứu của người học CTĐT ngành SP GDTH với các CTĐT tương tự trong các trường ĐH khác trong nước và trên thế giới.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 11.4

Nhà trường cần áp dụng nhiều giải pháp phù hợp để đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả và tính ứng dụng của NCKH SV, tăng tỉ lệ SV tham gia thực hiện đề tài NCKH, số lượng bài đăng trên các tạp chí khoa học, tuyển tập hội nghị khoa học các cấp; cần có kế hoạch/chiến lược phát triển KHCN trong đó xác lập được các loại hình nghiên cứu và số lượng các hoạt động NCKH cho người học tương thích với mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và CDR của CTĐT; nên thu thập và cung cấp thông tin về nhu cầu thực tiễn và xây dựng ngân hàng các hướng/đề tài/nhiệm vụ KHCN hội tụ tạo ra các sản phẩm hoàn chỉnh dùng được, đặc biệt là đổi mới giáo dục phổ thông, sách giáo khoa,... đáp ứng nhu cầu xã hội, góp phần thực hiện CDR CTĐT để GV, SV nghiên cứu giải quyết, nâng cao hiệu quả, tính ứng dụng thực tiễn NCKH SV;

Nhà trường cần trích đủ 3% từ nguồn thu học phí cho NCKH SV; cần chú trọng tăng cường liên kết, hợp tác với các bên liên quan, đặc biệt là các đơn vị sử dụng sản phẩm NCKH của Nhà trường và Khoa, như các Sở GD&ĐT, các trường đại học, các viện nghiên cứu để tạo nhiều cơ hội cho SV NCKH, phục vụ xã hội, cải tiến và nâng cao hiệu quả NCKH SV.

Nhà trường, Khoa cần đối sánh hàng năm các loại hình, số lượng và kết quả hoạt động NCKH của người học CTĐT ngành SP GDTH với các CTĐT tương tự trong Nhà trường, với các trường ĐH khác trong nước và trên thế giới để cải tiến chất lượng và số lượng NCKH SV.

3. Mức đạt được của TC 11.4: Đạt (Mức 4/7).

TC 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh TC 11.5

Nhà trường có Trung tâm Hỗ trợ SV và QH doanh nghiệp và Phòng CTCTHS-SV được giao nhiệm vụ lấy ý kiến phản hồi từ người học theo quy định về quy trình/phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường sự hài lòng của các bên liên quan (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV, ngày 01/11/2016). Từ năm 2019, Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng của trường ĐH Vinh, trong đó quy định rõ trách nhiệm khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan cho các bộ phận chức năng theo hệ thống ĐBCL bên trong (QĐ số 584/QĐ-ĐHV, ngày 26/3/2019).

Việc lấy ý kiến phản hồi của SV được tổ chức định kỳ và bằng phiếu khảo sát online (qua trang web của trường), gửi qua thư tín và phỏng vấn trực tiếp. Kết quả được nhập vào phần mềm khảo sát và xử lý phân tích. Nội dung khảo sát bao gồm 4 nhóm: i) CTĐT, ii) Giảng viên, iii) Tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất, iv) Mức độ đáp ứng mong đợi của SV (BC số 43/BC-ĐHV, ngày 14/9/2017, 44/BC-ĐHV, ngày 29/8/2018, 51/BC-ĐHV, ngày 31/7/2019). Kết quả thống kê cho thấy tỉ lệ đánh giá tốt các chỉ số CTĐT đạt từ 67,1% đến 73%; đánh giá tốt cho các chỉ số giảng viên đạt từ 71,2% đến 75,4%. Mức độ hài lòng so với mong đợi của SV về năng lực đạt được sau khi hoàn thành khóa đào tạo đạt từ 63-70%.

Nhà trường có cơ chế và hình thức khác nhau để CB, GV được bày tỏ ý kiến về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất, về các mặt hoạt động khác của Nhà trường, Khoa thông qua hội nghị CBVC hàng năm, các sinh hoạt chi bộ đảng, công đoàn thường kỳ. Các ý kiến phản ánh hợp lý được Nhà trường, Khoa tiếp thu đưa vào kế hoạch để điều chỉnh kịp thời. Kết quả cải tiến được xác minh, đánh giá qua kỳ họp hoặc hội nghị.

Đánh giá của NTD chủ yếu thông qua những cuộc họp tổng kết mỗi kỳ thực tập sư phạm, hội thảo (Số 4972/KH-ĐHV, ngày 28/12/2015, Số 54/KH-ĐHV, ngày 23/12/2016, Số 52/KH-ĐHV, ngày 07/12/2017, Số 56/KH-ĐHV, ngày 07/12/2018). Qua đó những kiến nghị phù hợp, Khoa đã tiếp thu để cải tiến chất lượng.

Năm 2019 Nhà trường ban hành Quy định hoạt động ĐBCL, trong đó có các quy định về quy trình, công cụ và tiêu chí đo lường sự hài lòng của các bên liên quan về CTĐT, kết quả đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao tri thức (QĐ số 584/QĐ-ĐHV, ngày 26/3/2019).

Qua phỏng vấn trực tiếp NTD cho thấy họ đánh giá SV tốt nghiệp GDTH có kiến thức vững, rất chịu khó, cần cù, trách nhiệm với công việc, đoàn kết, giúp đỡ nhau; so với SV tốt nghiệp từ trường ĐHSP Hà Nội thì năng lực tương đương.

Trên cơ sở kết quả khảo sát đó, Nhà trường đã tham khảo cải tiến CTĐT ngành GDTH, như đổi mới nội dung các học phần về lí luận và phương pháp dạy học tiểu học, tăng cường thực hành tại trường thực hành SP, đầu tư hạ tầng CNTT, cải tạo không gian học tập,...

2. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng TC 11.5.

2.1. Điểm tồn tại TC 11.5

Phương pháp đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan để cải tiến chất lượng đào tạo của Nhà trường, Khoa chỉ mới tập trung cho SV đang theo học. Chưa có khảo sát một cách có hệ thống khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan (cựu người học, GV, nhà SDLĐ, nhân viên, CBQL) về CTĐT, kết quả đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao tri thức. Nhà trường và Khoa chưa đối sánh việc lấy ý kiến mức độ hài lòng của các bên liên quan của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

Kết quả khảo sát SV cho thấy tỉ lệ chưa hài lòng về các chỉ số CTĐT vẫn còn đạt từ 27% đến 33%; các chỉ số giảng viên chưa hài lòng từ 24% đến 28%. Mức độ chưa hài lòng so với mong đợi của SV về năng lực đạt được sau khi hoàn thành khóa đào tạo từ 30-37%.

Nhà trường và Khoa chưa áp dụng nhiều giải pháp và đầu tư cải tiến chất lượng CTĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng dựa trên kết quả đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan.

2.2. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng TC 11.5

Để không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo, đáp ứng mức độ hài lòng của các bên liên quan, Nhà trường cần: i) tổ chức đánh giá mức độ hài lòng, nhu cầu, yêu cầu của tất cả các bên liên quan đối với CTĐT GDTH; ii) trên cơ sở ý kiến các bên liên quan, cải tiến CTĐT GDTH bao gồm CĐR, nội dung, phương pháp đào tạo, điều kiện

ĐBCL gắn với đạt CDR và nâng cao chất lượng đào tạo; iii) tăng cường liên kết, hợp tác với các cơ sở SDLĐ để nâng cao khả năng của NH có việc làm và tự tạo việc làm, chuyển giao tri thức đáp ứng tốt hơn nhu cầu, yêu cầu phát triển của vùng Bắc Trung bộ và đất nước; iv) đối sánh hằng năm về mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT và kết quả đào tạo, NCKH, chuyển giao tri thức, phục vụ cộng đồng của GV và SV ngành GDTH với các trường ĐH khác trong nước và trên thế giới để cải tiến chất lượng đào tạo; v) phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện các nhiệm vụ trên. vi) cần nghiên cứu điều chỉnh CTĐT theo hướng nâng cao thêm kỹ năng NC, TH TN để nâng cao khả năng NCKH, có việc làm, khả năng khởi nghiệp của người học.

3. Mức đạt được của TC 11.5: Đạt (Mức 4/7).

Đánh giá chung Tiêu chuẩn 11

Nhà trường và Khoa đã xác lập, giám sát được tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp; thời gian tốt nghiệp trung bình; loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học; mức độ hài lòng của một số bên liên quan như SV, cựu SV, nhà SDLĐ.

Nhà trường có hệ thống thông tin về người học, hệ thống tổ chức theo dõi KQHT, thôi học, tốt nghiệp, theo dõi tiến độ học tập của người học và cảnh báo học vụ; đã có một số giải pháp để cải tiến nâng cao chất lượng từng tiêu chí; tổ chức cho SV thực hiện các đề tài NCKH một cách bài bản, SV giành được các giải thưởng NCKH (Bộ, Trường), có các bài báo công bố thể hiện chất lượng các đề tài NCKH của SV. Tỉ lệ SV có việc làm và có việc làm đúng chuyên môn so với SV tốt nghiệp khá cao.

Tuy nhiên, Nhà trường và Khoa: i) chưa quy định rõ ràng về tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm chính làm đầu mối điều phối thống nhất và phối hợp trong theo dõi, thu thập và lưu trữ thông tin, xây dựng và quản lý CSDL tích hợp liên thông về người học, đánh giá, đối sánh tiến độ học tập, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, việc làm (tỉ lệ có việc làm, tạo việc làm, thu nhập, đào tạo lại sau tốt nghiệp), hoạt động và kết quả NCKH SV, mức độ hài lòng các bên liên quan; ii) chưa có CSDL tích hợp, liên thông về người học nói chung, cựu SV nói riêng, dễ dàng tra cứu, truy xuất các thông tin theo yêu cầu của người dùng, trong đó tình hình thôi học và nguyên nhân, tỉ lệ và thời gian tốt nghiệp trung bình, việc làm (tỉ lệ có việc làm, tạo việc làm, thu nhập, vị trí và đơn vị công tác, đào tạo lại sau tốt nghiệp), hoạt động NCKH SV và phục vụ cộng đồng, hoạt động rèn luyện, mức độ hài lòng các bên liên quan; iii) chưa tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp nâng cao tỉ lệ SV NCKH, công bố bài báo, tốt nghiệp, có việc làm đúng ngành đào tạo và mức lương cao phù hợp cũng như thực hiện các phương án hỗ trợ người tốt nghiệp có việc làm, tạo việc làm tốt hơn. Hoạt động dạy học nói riêng, việc thực hiện CTĐT nói

chung chưa phát triển được đầy đủ các năng lực và kỹ năng của SV đáp ứng một số yêu cầu của các nhà tuyển dụng/ SDLĐ; iv) chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả tình trạng SV chưa đạt chuẩn ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm, giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất trong thời hạn học tập chuẩn để giảm tỉ lệ SV thôi học và tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn. Tỉ lệ SV tham gia thực hiện đề tài NCKH còn thấp. Các quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường sự hài lòng của từng bên liên quan về CTĐT, kết quả đào tạo (kiến thức, năng lực, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của SV tốt nghiệp, ...) chưa được cải tiến nhiều.

Nhà trường và Khoa cũng chưa tổ chức đối sánh liên tục hàng năm với các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước về: i) tỉ lệ thôi học và tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học, xu thế tỉ lệ tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình của người học tham gia CTĐT; ii) tỉ lệ và xu hướng SV có việc làm sau tốt nghiệp và thu nhập, về khảo sát, trao đổi, làm việc với các nhà tuyển dụng, SDLĐ trong việc gắn kết các đơn vị này với Nhà trường và Khoa ở tất cả các khâu của quá trình đào tạo, nâng cao khả năng có và tạo việc làm cho SV tốt nghiệp; iii) số lượng và chất lượng các loại hình, kết quả hoạt động NCKH SV, mức độ hài lòng của tất cả các bên liên quan về CTĐT và kết quả đào tạo và NCKH, chuyển giao tri thức, phục vụ cộng đồng của GV và SV Khoa; iv) mức độ hài lòng của các bên liên quan để đề xuất các biện pháp khả thi cải tiến chất lượng, hỗ trợ người học tốt nghiệp và nâng cao tỉ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo. Nhà trường và khoa cũng chưa tổ chức định kỳ thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp nâng cao tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng và trước hạn, NCKH, công bố bài báo, có việc làm đúng ngành đào tạo và mức lương cao phù hợp cũng như thực hiện các phương án hỗ trợ người tốt nghiệp có việc làm, tạo việc làm tốt hơn. Tỉ lệ SV tham gia thực hiện đề tài NCKH, tính ứng dụng và hội tụ tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh dùng ngay được của các đề tài NCKH SV chưa cao. Liên kết với các bên liên quan như cơ sở giáo dục phổ thông, trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp.... để tạo nhiều cơ hội cho SV NCKH, phục vụ xã hội và cải tiến chất lượng nói chung chưa thường xuyên và hiệu quả. Công tác quản lý chất lượng, quy trình quản lý, hồ sơ quản lý, theo dõi kết quả học tập, NCKH, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn, việc làm của SV tốt nghiệp, lấy ý kiến phản hồi và đánh giá mức độ hài lòng của tất cả các bên liên quan về chất lượng đào tạo, NCKH, chuyển giao tri thức, phục vụ xã hội và năng lực, kỹ năng SV tốt nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên, rõ ràng riêng cho từng ngành đào tạo.

Nhà trường, Khoa cần cải tiến chất lượng đào tạo (trong đó có giảm tỉ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình, tăng tỉ lệ tốt nghiệp trước hạn, tỉ lệ SV tốt nghiệp có và tự tạo việc làm, ...), NCKH SV, chuyển giao tri thức, phục vụ xã hội, tăng mức độ hài lòng của tất cả các bên liên quan trên cơ sở: i) điều tra một cách hệ thống, đều đặn hàng năm và sử dụng hiệu quả ý kiến của các bên liên quan về từng

CTĐT cũng như đối sánh với các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước về các chỉ số và nội dung của các tiêu chí của tiêu chuẩn 11; ii) áp dụng các giải pháp khắc phục các tồn tại nói trên đặc biệt là nâng cao khả năng có việc làm và tạo việc làm của SV tốt nghiệp bằng cách bổ sung thêm các học phần về Tin học và Công nghệ, Ngoại ngữ, hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học; iii) xây dựng và thực hiện kế hoạch/chiến lược phát triển KHCN trong đó xác lập được các loại hình nghiên cứu và số lượng các hoạt động NCKH cho người học tương thích với mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường, của Khoa và CĐR của CTĐT. Nên thu thập và cung cấp thông tin về nhu cầu thực tiễn và xây dựng ngân hàng các hướng/ đề tài/nhiệm vụ KHCN góp phần thực hiện sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường, CĐR CTĐT để GV, SV nghiên cứu giải quyết, nâng cao hiệu quả NCKH SV; iv) phát huy truyền thống lâu năm và lợi thế liên ngành của Khoa Giáo dục về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên giao tri thức, áp dụng sâu rộng quản trị đại học tiên tiến, kết hợp quản trị theo nguyên lý và theo quy định và chu trình PDCA trong xây dựng, phát triển, thực hiện và cải tiến CTĐT cũng như phát triển đội ngũ GV, cán bộ NCKH, cán bộ quản lý và hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo, phát triển CSVC, trang thiết bị để thực hiện các nhiệm vụ trên và hướng đến thực hiện tốt CĐR của CTĐT; v) trên cơ sở các ý kiến đánh giá, khuyến nghị từng tiêu chí và của tiêu chuẩn 11 hoàn thiện chiến lược đào tạo Nhà trường và của Khoa, trong đó có chiến lược phát triển từng ngành đào tạo đáp ứng cao và nhanh nhu cầu, yêu cầu, sự hài lòng các bên liên quan.

Tóm tắt kết quả đánh giá:

STT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Đánh giá ngoài	Ghi chú
	<i>Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra</i>		
1	Tiêu chí 11.1	4	
2	Tiêu chí 11.2	4	
3	Tiêu chí 11.3	4	
4	Tiêu chí 11.4	4	
5	Tiêu chí 11.5	4	

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

(Theo Thông tư 04/2016)

Tên CTĐT: Giáo dục Tiểu học

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1			5.00	3	100%	4,33	3	100%
Tiêu chí 1.1	5	4						
Tiêu chí 1.2	5	4						
Tiêu chí 1.3	5	5						
Tiêu chuẩn 2			4.66	3	100%	4,33	3	100%
Tiêu chí 2.1	5	4						
Tiêu chí 2.2	5	4						
Tiêu chí 2.3	4	5						
Tiêu chuẩn 3			4.33	3	100%	4,00	2	66,67%
Tiêu chí 3.1	5	4						
Tiêu chí 3.2	4	4						
Tiêu chí 3.3	4	4						
Tiêu chuẩn 4			5.00	3	100%	4,00	3	100%
Tiêu chí 4.1	5	4						
Tiêu chí 4.2	5	4						
Tiêu chí 4.3	5	4						
Tiêu chuẩn 5			5.00	5	100%	4,20	5	100%
Tiêu chí 5.1	5	5						
Tiêu chí 5.2	5	4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chí 5.3	5	4						
Tiêu chí 5.4	5	4						
Tiêu chí 5.5	5	4						
Tiêu chuẩn 6			5.00	7	100%	4,14	7	100%
Tiêu chí 6.1	5	4						
Tiêu chí 6.2	5	5						
Tiêu chí 6.3	5	4						
Tiêu chí 6.4	5	4						
Tiêu chí 6.5	5	5						
Tiêu chí 6.6	5	4						
Tiêu chí 6.7	5	4						
Tiêu chuẩn 7			5.00	5	100%	4,00	5	100%
Tiêu chí 7.1	5	4						
Tiêu chí 7.2	5	4						
Tiêu chí 7.3	5	4						
Tiêu chí 7.4	5	4						
Tiêu chí 7.5	5	4						
Tiêu chuẩn 8			4.60	5	100%	4,20	5	100%
Tiêu chí 8.1	5	4						
Tiêu chí 8.2	4	4						
Tiêu chí 8.3	5	4						
Tiêu chí 8.4	4	5						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chí 8.5	5	4						
Tiêu chuẩn 9			5,4	5	100%	4,20	5	100%
Tiêu chí 9.1	5	5						
Tiêu chí 9.2	5	4						
Tiêu chí 9.3	6	4						
Tiêu chí 9.4	6	4						
Tiêu chí 9.5	5	4						
Tiêu chuẩn 10			4,83	6	100%	4,33	6	100%
Tiêu chí 10.1	5	5						
Tiêu chí 10.2	4	4						
Tiêu chí 10.3	5	4						
Tiêu chí 10.4	5	5						
Tiêu chí 10.5	5	4						
Tiêu chí 10.6	5	4						
Tiêu chuẩn 11			4,40	5	100%	4,00	5	100%
Tiêu chí 11.1	5	4						
Tiêu chí 11.2	5	4						
Tiêu chí 11.3	4	4						
Tiêu chí 11.4	4	4						
Tiêu chí 11.5	4	4						
Đánh giá chung CTĐT			4.83	50	100%	4,16	50	100%

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục A. Giới thiệu tóm tắt về Trường ĐH Vinh, Khoa Giáo dục và CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Vinh
 - Tiếng Anh: Vinh University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: TDV
 - Tiếng Anh: VinhUni
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Vinh
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 038 3855 452 Số fax: 038 3855 269
7. E-mail: vinhuni@vinhuni.edu.vn Website: www.vinhuni.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1959
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1959
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1961
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

Trường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ GD&ĐT, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu và biểu tượng riêng.

Trường Đại học Vinh mà tiền thân là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập theo Nghị định số 375/NĐ ngày 16/7/1959 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Sau đó ba năm, Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được chuyển thành Trường Đại học Sư phạm Vinh theo Quyết định số 637/QĐ ngày 29/2/1962 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục.

Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh. Chuyển sang đào tạo đa ngành, Trường Đại học Vinh đã xác định mục tiêu là xây dựng Trường thành một cơ sở đào tạo CB khoa học, kỹ thuật đa lĩnh vực và là trung tâm nghiên cứu, tiếp thu và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ (KH-CN) của khu vực Bắc Trung bộ; đào tạo giáo viên và CB khoa học đa ngành, đa cấp; đẩy mạnh NCKH - CGCN gắn với đào tạo; thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên

cứu vào sản xuất và đời sống; hỗ trợ, tư vấn về học thuật và bồi dưỡng CB; xây dựng đội ngũ CB cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề trong khu vực. Với khẩu hiệu hành động là "Đoàn kết - Đổi mới - Hội nhập - Phát triển" quyết tâm xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm quốc gia, có một số ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, là thành viên của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á, với phương châm: đón đầu, hiệu quả, đồng bộ và hiện đại.

Đề phù hợp với giai đoạn phát triển mới, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của khu vực Bắc Trung bộ, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nhà trường đã tuyên bố sứ mạng: "Trường Đại học Vinh là trường đại học đảm bảo có uy tín trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học, các chuyên gia giáo dục và CBkĩ thuật với chất lượng cao, là trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ của cả nước, đặc biệt là các tỉnh Bắc Trung bộ".

Ngày 11/7/2011, Trường được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm. Với vai trò, vị trí mới, Trường đã điều chỉnh sứ mạng: "Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học theo hướng nghiên cứu và ứng dụng, đào tạo đa ngành, đa cấp và đa hệ; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng nhanh với thế giới việc làm, phục vụ tốt sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước".

Trường đã tiến hành tự đánh giá lần đầu vào năm 2005, được đánh giá ngoài vào năm 2006 và được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục năm 2009. Từ kết quả tự đánh giá lần đầu, đặc biệt là kết luận của Đoàn đánh giá ngoài năm 2006, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm khắc phục các tồn tại mà báo cáo tự đánh giá cũng như báo cáo đánh giá ngoài chỉ ra. Đến nay, Trường đã chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn được Chính phủ đưa vào danh sách các trường đại học trọng điểm. Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá chu kỳ 2 vào năm 2016, đánh giá ngoài vào năm 2017 và được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định Chất lượng của Bộ GD&ĐT ban hành. Trong thời gian qua, Trường cũng đã có nhiều hoạt động cải tiến chất lượng sau Tự đánh giá và sẽ đánh giá giữa kỳ năm 2019.

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Khoa Giáo dục
- Tiếng Anh: Education Department

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Tiếng Việt: Giáo dục tiểu học
- Tiếng Anh: Primary Education

14. Tên trước đây (nếu có):

15. Tên Chương trình đào tạo

- Tiếng Việt: Giáo dục tiểu học
- Tiếng Anh: Primary Education

16. Mã CTĐT: 7140202

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Giáo dục tiểu học

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: 182, Lê Duẩn, TP.Vinh, Nghệ An

19. Số điện thoại liên hệ: 02383855452 Số fax: 02383855452

20. E-mail: Website: vinhuni.edu.vn

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1995

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1995

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1999

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Từ năm 1959 khi phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập, Tâm lý - Giáo dục là một trong những môn học đầu tiên được giảng dạy cho sinh viên. Ngày 24 tháng 5 năm 1995, Bộ Giáo dục và Đào tạo có Quyết định số 1849/GD-ĐT về việc thành lập khoa GDTH thuộc trường ĐHSPT Vinh, nay là Trường Đại học Vinh. Với sự phát triển không ngừng của Khoa Giáo dục Tiểu học, để phù hợp với chức năng nhiệm vụ trong giai đoạn mới, ngày 29/10/2010, Hiệu trưởng trường Đại học Vinh đã ban hành quyết định số 2682/QĐ-ĐHV-TCCB về việc thành lập Khoa Giáo dục trên cơ sở Khoa Giáo dục Tiểu học.

Từ khi thành lập đến nay, Khoa Giáo dục, Trường Đại học Vinh đã đào tạo hơn 2.500 Cử nhân hệ chính quy, hơn 2.000 Thạc sĩ, của 3 chuyên ngành Giáo dục học (bậc tiểu học), Giáo dục mầm non (bậc tiểu học) và Quản lý giáo dục. Hiện nay, khoa đang đào tạo khoảng 1.000 sinh viên, hơn 300 học viên cao học và 30 nghiên cứu sinh. SV tốt nghiệp từ Khoa Giáo dục giữ nhiều vị trí khác nhau (lãnh đạo, quản lý, giáo viên,...) ở các cơ sở giáo dục.

Chức năng: Khoa Giáo dục Trường Đại học Vinh có chức năng đào tạo trình độ đại học và sau đại học các ngành: Quản lý giáo dục, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non; Bồi dưỡng NVSP và nghiệp vụ quản lý giáo dục; NCKH ở lĩnh vực giáo dục.

Nhiệm vụ: Khoa Giáo dục Trường Đại học Vinh thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.
- Đào tạo trình độ đại học các ngành: Quản lý giáo dục, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non..
- Đào tạo sau đại học các ngành: Quản lý giáo dục, Giáo dục học (bậc tiểu học),

Giáo dục học (bậc mầm non).

- Đào tạo nghiên cứu sinh ngành Quản lý giáo dục
- Giảng dạy các học phần về Tâm lý học, Giáo dục học, Nhập môn ngành sư phạm, Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục, Nhập môn khoa học giao tiếp cho SV các ngành trong toàn trường. Phụ trách công tác kiến tập sư phạm và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.
- Bồi dưỡng NVSP cho GV các trường đại học, cao đẳng và nghiệp vụ quản lý cho đội ngũ CB quản lý cơ sở giáo dục.
- NCKH về lĩnh vực giáo dục nhằm phục vụ đào tạo và phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

Hiện nay đội ngũ giảng dạy của Khoa có 37 CB, trong đó có 01 nhà giáo ưu tú, 04 phó giáo sư và 17 tiến sĩ, 04 nghiên cứu sinh, 14 GV chính, và 13 thạc sĩ. Đội ngũ GV được đào tạo đại học và sau đại học ở các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước. Hầu hết CB giảng dạy được tham gia tập huấn và học tập nâng cao trình độ thường xuyên. Ngoài ra, Khoa có mối quan hệ chặt chẽ với các cơ sở đào tạo uy tín của trong và ngoài nước.

Theo quy chế đào tạo hiện nay, SV các Khoa, Ngành khác có thể học song song văn bằng 2 ngành GDTH để khi ra trường, SV có hai bằng chính quy. Với bằng cử nhân sư phạm GDTH và một ngành chính quy khác, SV Khoa Giáo dục có lợi thế rất lớn và đa dạng về cơ hội việc làm.

Sinh viên Khoa Giáo dục năng động và sáng tạo, luôn nằm trong nhóm đầu của Nhà trường khi tham gia các hội thi Nghiệp vụ Sư phạm, Rèn nghề và các phong trào Văn hóa - Văn nghệ và Tình nguyện. Đây là những sân chơi bổ ích cho SV để họ có cơ hội giao lưu và học hỏi lẫn nhau, giúp SV có các trải nghiệm thực tế với nghề nghiệp mà mình sẽ theo đuổi sau này.

Cán bộ và SV Khoa Giáo dục có truyền thống tương thân, tương ái. Các cựu sinh viên, GV của khoa có quỹ học bổng hỗ trợ các SV có điều kiện khó khăn và động viên khuyến khích các SV có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện. Liên chi đoàn và Liên chi hội SV thành lập "*Quỹ tình bạn*" để trao những suất quà hàng năm cho SV vượt khó học giỏi. Quỹ thực sự đã góp phần giúp nhiều SV hoàn thành chương trình đào tạo trong điều kiện gia đình gặp khó khăn và là động lực cho SV phấn đấu.

Từ khi thành lập đến nay, Khoa Giáo dục luôn là địa chỉ tin cậy cho SV chọn làm nơi rèn đức luyện tài, là một trong những cơ sở đào tạo ngành GDTH có uy tín nhất khu vực Bắc Trung Bộ, là nơi tạo dựng tương lai tươi sáng cho hàng nghìn SV trong nhiều lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

Phụ lục B. Tóm tắt kết quả tự đánh giá CTĐT Giáo dục Tiểu học

Tiêu	Thang đánh giá	Tổng hợp theo tiêu chuẩn
-------------	-----------------------	---------------------------------

chuẩn, tiêu chí	Chưa đạt				Đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5.00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								4.66	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4.33	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								5	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								5	7	100%
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					

Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1					5			5	5	100%
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1					5			4.6	5	100%
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								5.4	5	100%
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3						6				
Tiêu chí 9.4						6				
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1					5			4.83	6	100%
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					

<i>Tiêu chuẩn 11</i>										
Tiêu chí 11.1					5			4.40	5	100%
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4.83	50	100%

Phụ lục C Quyết định thành lập đoàn giá ngoài và Quyết định thành lập đoàn quan sát viên

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28 /QĐ-CEA.UD

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Đoàn đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo
ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Vinh

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1100/QĐ-BGDĐT ngày 06/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Nghiệp vụ và bà Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Vinh gồm các thành viên có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ và quyền hạn của Đoàn đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Vinh thực hiện theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Đoàn tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng các phòng: Hành chính Tổng hợp, Nghiệp vụ, Tài vụ thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐ, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh và các cán bộ, viên chức có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu ĐH Vinh (để p/h);
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH

PGS.TS. Nguyễn Quang Giao



TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /QĐ-CEA.UD ngày 26 tháng 02 năm 2020
của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Số thẻ KĐV/CCKĐV
1.	GS.TS. Trần Văn Nam	Trưởng đoàn	Nguyên Giám đốc Đại học Đà Nẵng	Thẻ KĐV: 2015.01.117
2.	PGS.TS. Lê Văn Anh	Thư ký	Nguyên Phó Giám đốc Đại học Huế	Thẻ KĐV: 2014.02.057
3.	PGS.TS. Hoàng Hữu Hòa	Ủy viên TT	Nguyên Trưởng ban Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Đại học Huế	Thẻ KĐV: 2014.02.072
4.	TS. Trần Quang Hải	Ủy viên	Nguyên Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQĐN	Thẻ KĐV: 2016.01.161
5.	ThS. Lê Hoàng Vũ	Ủy viên	Trung tâm Quản lý chất lượng, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM	Thẻ KĐV: 2017.01.344
6.	ThS. Huỳnh Ngọc Thành	Giám sát	Trung tâm KĐCLGD-ĐHQĐN	CCKĐV: KĐV-0000161

Danh sách gồm có: 05 đánh giá viên và 01 giám sát

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 160/QĐ-CEA.UD

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh danh sách Đoàn Đánh giá ngoài chất lượng chương trình
đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Vinh

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC- ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập
Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1100/QĐ-BGDĐT ngày 06/4/2015 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục -
Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm
định chất lượng chương trình đào tạo các trường đại học, cao đẳng và trung cấp
chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-CEA.UD ngày 26/02/2020 của Giám đốc
Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng về việc thành lập
Đoàn đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học,
Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Bà Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp và Ông Trưởng
phòng Nghiệp vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh danh sách Đoàn Đánh giá ngoài chất lượng giáo dục
chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Vinh gồm các
thành viên có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ và quyền hạn của Đoàn đánh giá
ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học
Vinh thực hiện theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ
kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trường đại học, cao đẳng và trung
cấp chuyên nghiệp. Đoàn tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.



Điều 3. Trưởng các phòng: Hành chính Tổng hợp, Nghiệp vụ, Tài vụ thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHĐN, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh và các cán bộ, viên chức có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



PGS.TS. Nguyễn Quang Giao



TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH
ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 160/QĐ-CEA.UD ngày 25 tháng 7 năm 2020
 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Số thẻ KĐV/CCKĐV
1.	GS.TS. Trần Văn Nam	Trưởng đoàn	Nguyên Giám đốc Đại học Đà Nẵng	Thẻ KĐV: 2015.01.117
2.	PGS.TS. Lê Văn Anh	Thư ký	Nguyên Phó Giám đốc Đại học Huế	Thẻ KĐV: 2014.02.057
3.	TS. Dương Mộng Hà	Ủy viên TT	Nguyên Viện trưởng, Viện Nghiên cứu & Đào tạo Việt Anh, ĐHQĐHN	Thẻ KĐV: 2014.01.020
4.	TS. Trần Quang Hải	Ủy viên	Nguyên Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQĐHN	Thẻ KĐV: 2016.01.161
5.	ThS. Nguyễn Thị Khánh Linh	Ủy viên	Phó Trưởng phòng, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trường ĐHQG Quy Nhơn	Thẻ KĐV: 2015.01.115
6.	ThS. Lê Hoàng Vũ	Ủy viên	Trung tâm Quản lý chất lượng, Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM	Thẻ KĐV: 2017.01.344
7.	ThS. Huỳnh Ngọc Thành	Giám sát	Trung tâm KĐCLGD-ĐHQĐHN	CCKĐV: KĐV-0000161

Danh sách gồm có: 06 đánh giá viên và 01 giám sát

Phụ lục C2. Quyết định thành lập đoàn quan sát viên

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 163/QĐ-CEA.UD

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Đoàn quan sát viên đợt khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC- ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1100/QĐ-BGDĐT ngày 06/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đăng ký của các cá nhân và xác nhận của cơ sở giáo dục về việc đăng ký quan sát viên đợt khảo sát chính thức đánh giá ngoài chương trình đào tạo tại Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Bà Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp và Ông Trưởng phòng Nghiệp vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn quan sát viên đợt khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh gồm các thành viên có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Quan sát viên có nhiệm vụ thực hiện theo hướng dẫn từ phía Trung tâm Đoàn Đánh giá ngoài và Nhà trường theo từng nội dung làm việc của lịch trình khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài.

Đoàn tự giải thể sau khi kết thúc đợt khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài.

Điều 3. Trưởng các phòng: Hành chính Tổng hợp, Nghiệp vụ, Tài vụ thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐN, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh và các cán bộ, viên chức có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



PGS.TS. Nguyễn Quang Giao



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
QUAN SÁT VIÊN THAM GIA ĐỢT KHẢO SÁT CHÍNH THỨC PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 163/QĐ-CEA.UD ngày 28 tháng 7 năm 2020
của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng)

T.T	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị	Trường
1	Trịnh Thế Anh	Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục	Trường ĐH Sư phạm, Đại học Đà Nẵng
2	Trần Thị Hà Vân	Chuyên viên Ban Đảm bảo chất lượng giáo dục-DHĐN	Đại học Đà Nẵng
3	Đỗ Đoan Trang	Trưởng Khoa Kinh tế	Trường ĐH Bình Dương
4	Phạm Duy Dương	Phó trưởng Bộ môn Tự động hóa	Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật, ĐHĐN
5	Trương Phúc Vinh	Trưởng Bộ môn Thủ Y, Khoa khoa học sinh học ứng dụng	Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long

Danh sách gồm có 05 người.

Phụ lục D. Lịch trình khảo sát chính thức của Đoàn ĐGN

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CLGD

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

LỊCH TRÌNH KHẢO SÁT CHÍNH THỨC
PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
NGÀY LÀM VIỆC THỨ NHẤT (Thứ Tư, ngày 14/10/2020)			
7:30-8:00	Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn – Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
8:00-9:30	Khai mạc Đánh giá ngoài (Chương trình kèm theo)	Trung tâm KĐCLGD-ĐHĐN, Đoàn Đánh giá ngoài, Trường Đại học Vinh	Hội trường Trường Đại học Vinh
9:30-10:15	Đoàn ĐGN họp với Ban Giám hiệu Nhà trường, Ban lãnh đạo Viện SPTN và Khoa Giáo dục thực hiện CTĐT, Hội đồng tự đánh giá các CTĐT được đánh giá	Đoàn ĐGN, BGH, Ban LD 02 đơn vị, Hội đồng TĐG 02 CTĐT	Phòng họp tầng 2, Nhà Điều hành
10:15-11:30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn – Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
11:30-12:00	Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn – Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
12.00-13.30	Nghỉ trưa		
	Đoàn ĐGN nghiên cứu minh chứng và làm việc trực tiếp với các cán bộ phụ trách các mảng của CTĐT: Hành chính-Tổng hợp, Tổ chức Cán bộ, Đào tạo, Khoa học Công nghệ		

13:30-15:00	và HTQT, Kế hoạch-Tài chính, Quản trị và Đầu tư, Công tác chính trị-Học sinh Sinh viên, Thanh tra Giáo dục, Trung tâm ĐBCL, Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm CNTT, Trung tâm TH-TN, Trung tâm Nội trú, Trung tâm GDQP & AN, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn – Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
15:00-16:00	Phỏng vấn Nhóm Lãnh đạo Nhà trường và Ban lãnh đạo Viện/Khoa (lần 1): Ban Giám hiệu, Chủ tịch Hội đồng trường, Ban LD Viện/Khoa có CTĐT đánh giá	Cả đoàn	Phòng họp tầng 2, Nhà Điều hành
16:00-17:00	Phỏng vấn Nhóm CBQL chương trình đào tạo SP Hóa học	Nhóm 1	Phòng phỏng vấn số 01-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
	Phỏng vấn Nhóm CBQL chương trình đào tạo GDTH	Nhóm 2	Phòng phỏng vấn số 02-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
17:00-18:00	- Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn; - Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu)	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn – Hội trường tầng 8, Nhà điều hành
NGÀY LÀM VIỆC THỨ HAI (Thứ Năm, ngày 15/10/2020)			
7:30-8:30	Hội trường, sân bãi TDTT, Nhà đa năng, KTX, Căn-tin/nhà ăn, trạm y tế, Trường Thực hành SP	Nhóm 1	Thực địa
	Trung tâm TTTV, Phòng thực hành, thí nghiệm, phòng máy tính, phòng tư liệu các Khoa (nếu có), văn phòng Khoa, phòng học	Nhóm 2	Thực địa
	Cơ sở 2 của Trường, Trung tâm Giáo dục	Nhóm 3	Thực địa

	Quốc phòng-An ninh Trường Đại học Vinh		
8:30-9:30	Phỏng vấn Người học ngành SP Hóa học	Nhóm 1	Phòng phỏng vấn 01-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
	Phỏng vấn Người học ngành GD Tiểu học	Nhóm 2	Phòng phỏng vấn số 02-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
9:30-10:30	Phỏng vấn Giảng viên giảng dạy ngành SP Hóa học	Nhóm 1	Phòng phỏng vấn số 01-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
	Phỏng vấn Giảng viên giảng dạy ngành GD Tiểu học	Nhóm 2	Phòng phỏng vấn số 02-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
10:30-11:30	Phỏng vấn nhóm CB trực tiếp hỗ trợ cho CTĐT ngành SP Hóa học	Nhóm 1	Phòng phỏng vấn 01-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
	Phỏng vấn nhóm CB trực tiếp hỗ trợ cho CTĐT ngành GD Tiểu học	Nhóm 2	Phòng phỏng vấn số 02-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
11:30-12:00	Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
12.00-13.30	Nghỉ trưa		
13:30-14:30	Phỏng vấn nhóm CB hỗ trợ cho CTĐT và CB Đoàn thể	Cả đoàn	Phòng phỏng vấn số 01-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành

14:30-15:30	Phỏng vấn nhóm Nhà tuyển dụng ngành SP Hóa học	Nhóm 1	Phòng phỏng vấn số 01-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
	Phỏng vấn nhóm Nhà tuyển dụng ngành GD Tiểu học	Nhóm 2	Phòng phỏng vấn số 02-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
15:30-16:30	Phỏng vấn cựu Người học ngành SP Hóa học	Nhóm 1	Phòng phỏng vấn số 01-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
	Phỏng vấn cựu Người học ngành GD Tiểu học	Nhóm 2	Phòng phỏng vấn 02-Phòng bảo vệ LV, LA; tầng 6, Nhà Điều hành
16:30-18:00	- Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn; - Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu)	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
NGÀY LÀM VIỆC THỨ BA (Thứ Sáu, ngày 16/10/2020)			
7:30-8:00	Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
8:00-9:30	Quan sát hoạt động dạy học	Nhóm 1	Phòng học
	Quan sát hoạt động dạy học	Nhóm 2	Phòng học
9:30-12:00	Đoàn ĐGN nghiên cứu minh chứng và làm việc trực tiếp với các cán bộ phụ trách các mảng của CTĐT: Hành chính-Tổng hợp, Tổ chức Cán bộ, Đào tạo, Khoa học Công nghệ và HTQT, Kế hoạch-Tài chính, Quản trị và ĐT, Công tác chính trị-Học sinh Sinh viên, Thanh tra Giáo dục, Trung tâm ĐBCL, Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8,

	CNTT, Trung tâm CNTT, Trung tâm TH-TN, Trung tâm Nội trú, Trung tâm GDQP & AN, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí		Nhà Điều hành
12.00-13.30	<i>Nghỉ trưa</i>		
13:30-15:00	Đoàn ĐGN nghiên cứu minh chứng và làm việc trực tiếp với các cán bộ phụ trách các mảng của CTĐT: Hành chính-Tổng hợp, Tổ chức Cán bộ, Đào tạo, Khoa học Công nghệ và HTQT, Kế hoạch-Tài chính, Quản trị và ĐT, Công tác chính trị-Học sinh Sinh viên, Thanh tra Giáo dục, Trung tâm ĐBCL, Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm CNTT, Trung tâm CNTT, Trung tâm TH-TN, Trung tâm Nội trú, Trung tâm GDQP & AN, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn –Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
15:00-16:00	Phỏng vấn Nhóm Lãnh đạo Nhà trường và Ban LĐ Viện/Khoa (lần 2): Ban Giám hiệu, Chủ tịch Hội đồng trường, Ban LĐ Viện/Khoa có CTĐT đánh giá	Cả đoàn	Phòng họp tầng 2, Nhà Điều hành
16:00-17:00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ: - Các nhóm/cá nhân trình bày kết quả đánh giá - Trưởng đoàn và Thư ký tổng hợp chung kết quả đánh giá	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn –Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
17:00-18:00	- Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn; - Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu)	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
NGÀY LÀM VIỆC THỨ TƯ (Thứ Bảy, ngày 17/10/2020)			
7:30-12:00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ: - Các nhóm/cá nhân trình bày kết quả đánh giá - Trưởng đoàn và Thư ký tổng hợp chung kết quả đánh giá - Trưởng đoàn thống nhất sơ bộ kết quả đánh giá trước toàn Đoàn, hoàn thành báo cáo khảo sát chính thức	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành

12.00-13.30	<i>Nghỉ trưa</i>		
13:30-14:00	Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
14:00-17:00	Bế mạc đánh giá ngoài (Chương trình Bế mạc kèm theo)	Trung tâm KĐCLGD- ĐHĐN, Đoàn Đánh giá ngoài, Trường Đại học Vinh	Hội trường
	Ký biên bản hoàn thành khảo sát chính thức		

Phụ lục Đ. Văn bản phản hồi của Trường ĐH Quy Nhơn về Dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài

Phụ lục E. Văn bản phản hồi của Đoàn Đánh giá ngoài